

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRUNG THỊ HỒNG BIÊN

**THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN
LÊ MINH KHUÊ SAU NĂM 1975**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Thái Nguyên - 2015

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRUNG THỊ HỒNG BIÊN

**THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN
LÊ MINH KHUÊ SAU NĂM 1975**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 60 22 01 21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: TS. CAO THỊ HỒNG

Thái Nguyên - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài luận văn khoa học: “*Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975*” với các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác, hoàn toàn là công trình nghiên cứu của tôi.

Tác giả luận văn

Trung Thị Hồng Biên.

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này tôi xin chân thành cảm ơn :

Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm Khoa Ngữ văn, Khoa Sau đại học trường Đại học Sư Phạm - Đại học Thái Nguyên.

Các thầy, cô giáo ở Viện Văn học, trường Đại học Sư phạm I Hà Nội, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội, trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên đã trực tiếp giảng dạy tôi trong suốt khoá học.

Đặc biệt tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Cao Thị Hồng, người đã động viên, giúp đỡ tôi rất nhiều trong suốt quá trình viết luận văn. Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, khích lệ, tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tác giả luận văn

Trung Thị Hồng Biên.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	i
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÊ MINH KHUÊ - CUỘC ĐỜI - VĂN NGHIỆP VÀ QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT.....	9
1.1. Cuộc đời.....	9
1.1.1 Quê hương và thời niên thiếu.....	9
1.1.2. Thời kì trưởng thành và tham gia kháng chiến.....	9
1.1.3. Thời kì đất nước hòa bình, thống nhất.....	10
1.2. Văn nghiệp	11
1.2.1. Các giai đoạn sáng tác.....	12
1.2.2. Sự nghiệp văn chương.....	14
1.3. Quan niệm nghệ thuật và quan niệm nghệ thuật về con người của Lê Minh Khuê. 15	
1.3.1. Quan niệm nghệ thuật	15
1.3.2. Quan niệm nghệ thuật của Lê Minh Khuê.....	16
1.3.3. Quan niệm nghệ thuật về con người của Lê Minh Khuê.....	20
Tiểu kết.....	33
Chương 2: THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN LÊ MINH KHUÊ SAU NĂM 1975 NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG	34
2.1. Khái niệm thế giới nhân vật.....	34
2.1.1. Nhân vật.....	34
2.1.2. Thế giới nhân vật	35
2.2. Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê	35
2.2.1. Thế giới nhân vật phong phú, đa dạng gắn với xã hội thời hậu chiến.....	35
2.2.2. Thế giới nhân vật mang đậm bản sắc văn hóa Việt và những ám ảnh về đời sống tâm linh.....	53

2.2.3. Thế giới nhân vật mang những ưu tư có tính triết luận gắn với cuộc sống nhân sinh	64
Tiểu kết.....	69
Chương 3: THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN LÊ MINH KHUÊ SAU NĂM 1975 NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT	70
3.1. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình và khắc họa nội tâm nhân vật	70
3.1.1. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật	70
3.1.2. Nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật.....	75
3.2. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật	79
3.2.1. Khắc họa tính cách nhân vật thông qua xây dựng tình huống.....	79
3.2.2. Khắc họa tính cách nhân vật thông qua hành động ứng xử của nhân vật.....	82
3.3. Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong xây dựng nhân vật.....	84
3.3.1. Ngôn ngữ đối thoại.....	84
3.3.2. Ngôn ngữ độc thoại.....	87
3.3.3. Ngôn ngữ đời thường.....	88
Tiểu kết.....	90
KẾT LUẬN.....	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Lê Minh Khuê là cây bút nữ có “sức bền” và mang phong cách độc đáo. Cùng với nhiều nhà văn khác, những sáng tác của bà đã góp phần đổi mới diện mạo văn xuôi Việt Nam hiện đại, đặc biệt là thể loại truyện ngắn.

Trước năm 1975, người đọc biết đến Lê Minh Khuê qua *Con sáo nhỏ của tôi*, *Cao điểm mùa hạ*, *Những ngôi sao xa xôi*, *Bạn bè tôi*,..... những tác phẩm phản ánh sinh động hiện thực cuộc sống và chiến đấu của những con người thuộc thế hệ trẻ trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ hào hùng của dân tộc.

Sau năm 1975, nhất là sau công cuộc đổi mới đất nước, với *Đoạn kết*, *Một chiều xa thành phố*, *Bi kịch nhỏ*, *Những dòng sông - buổi chiều - cơn mưa*,.....Lê Minh Khuê và các sáng tác của bà một lần nữa có sức hấp dẫn đặc biệt đối với bạn đọc. Bởi, chúng đi vào tất cả mọi góc ngách của xã hội Việt Nam thời hậu chiến với những vấn đề nóng bỏng mang hơi thở của cuộc sống hôm nay dưới một cái nhìn thẳng thắn, chân thực, tinh táo. Từ chiến tranh đến hòa bình, từ chiến trường về hậu phương, tác phẩm của Lê Minh Khuê không hề đứt đoạn trong cảm hứng sáng tạo, trong việc thể hiện tư tưởng và quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn. Lê Minh Khuê đã nhận chân gương mặt thật của hậu phương nhưng vẫn tiếp tục là chiến trường trong cuộc sống đời thường không khói súng. Do đó tìm hiểu về thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 để thấy được cái nhìn toàn diện về con người thời hậu chiến và mối tương quan giữa quá khứ chiến tranh với hiện tại nhằm rút ra những nhận thức chân thực, cần thiết cho hôm nay.

1.2. Trong tác phẩm Lê Minh Khuê (đặc biệt là những sáng tác thuộc thể loại truyện ngắn), thế giới nhân vật rất phong phú - đó là thế giới nhân vật gắn với xã hội thời hậu chiến, với những ám ảnh về đời sống tâm linh và những ưu tư mang tính triết luận nhân sinh sâu sắc. Chính thế giới nhân vật phong phú trên là yếu tố góp phần tạo ra nét riêng, nét độc đáo trong truyện ngắn của bà sau năm 1975. Vì vậy, chúng tôi hi vọng qua sự tìm hiểu, phân tích và lí giải về thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê một cách tương đối có hệ thống, luận văn có thể góp thêm tiếng nói khẳng định sự nghiệp văn chương của nhà văn.

1.3. Sâu sắc và ý nghĩa trên từng trang viết, sáng tác của Lê Minh Khuê trước và sau năm 1975, nhất là những sáng tác được viết vào thời kì sau năm 1975, luôn nhận được sự quan tâm của đông đảo bạn đọc và giới nghiên cứu, phê bình. Mỗi bài viết, mỗi công trình nghiên cứu là một cách nhìn, một tiếng nói, một suy nghĩ, một cảm nhận riêng của người viết xoay quanh vấn đề con người và tác phẩm của nhà văn. Trong các bài viết đó, ít nhiều vấn đề về nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong sáng tác Lê Minh Khuê đã được đề cập và lí giải. Nhưng thật sự chưa có công trình khoa học nào lấy việc tìm hiểu về “*Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975*” làm đối tượng nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc.

1.4. Đặc biệt, Lê Minh Khuê là một trong những tác giả có tác phẩm được chọn giảng trong nhà trường (*Những ngôi sao xa xôi*), vì vậy nghiên cứu về văn nghiệp Lê Minh Khuê cùng thế giới nhân vật trong truyện ngắn của bà sẽ giúp chúng tôi có được những đánh giá khoa học, khách quan về nhà văn và sự nghiệp của bà trong quá trình giảng dạy.

Với những lí do trên, trên cơ sở kế thừa và tiếp thu kết quả của những người đi trước, chúng tôi mạnh dạn chọn đề tài: “*Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975*” để khám phá và tìm hiểu một cách kĩ càng, cặn kẽ và sâu sắc hơn nhân vật trong tác phẩm của bà. Từ đó thấy được ý nghĩa của những vấn đề mà tác giả đặt ra trong tác phẩm cũng như thông điệp của nhà văn muốn chuyển tải tới bạn đọc thông qua thế giới nhân vật của mình. Trong phạm vi nhất định, chúng tôi mong đề tài mà luận văn đã chọn sẽ là cơ hội để chúng tôi tiến hành tìm hiểu các yếu tố nội dung và nghệ thuật làm nên thế giới nhân vật phong phú trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 trên tinh thần khoa học và toàn diện nhất có thể, để từ đó hướng đến cách lí giải chân thực, thuyết phục về sự độc đáo, hấp dẫn của truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975.

2. Lịch sử vấn đề

Đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu về Lê Minh Khuê và sáng tác của bà. Xem xét nội dung các bài viết, các công trình nghiên cứu, chúng tôi chia thành hai nhóm chính sau:

2.1. Những bài viết có tính khái quát về truyện ngắn Lê Minh Khuê

Nhà văn Hồ Anh Thái trong bài giới thiệu về tập truyện *Một chiều xa thành phố*, đã có đánh giá: “Lê Minh Khuê đã thực sự thuyết phục được người đọc bởi chị đã thoát ra khỏi cách nhìn nhận duy cảm, trở nên khách quan hơn, đa diện hơn, nhưng không vì thế mà kém phần nồng hậu” [79, tr. 8]. Khi tập truyện ngắn *Trong làn gió heo may* của Lê Minh Khuê ra mắt bạn đọc, Bùi Việt Thắng khẳng định: “Lê Minh Khuê là cây bút có sức bền”. Còn Lê Thị Đức Hạnh trong bài báo *Lê Minh Khuê - cây bút truyện ngắn sung sức* (Tạp chí Khoa học và phụ nữ số 2/1992) đánh giá đây là “một cây bút nữ có nhiều đóng góp về truyện ngắn. Từ hồn nhiên, trong trẻo đến sắc sảo, nghiêm ngặt, chị luôn có một chất giọng riêng”. [34, tr. 5]. Ở tập *Nhiệt đới gió mùa - tập truyện mới xuất bản của Lê Minh Khuê* (2012): Nhà phê bình Nguyễn Thị Minh Thái đánh giá: “Lê Minh Khuê đã đưa ra một cách giải thích về chiến tranh khiến người đọc rơi nước mắt” và cho rằng: “Lê Minh Khuê là một trong số ít những nhà văn Việt Nam viết về chiến tranh với một tấm lòng bao dung và nhìn thấu bản chất của nó” ; Bà khẳng định: “Khuê là người đàn bà thấu thị, luôn nhìn cuộc sống, chiến tranh bằng cặp mắt xuyên thấu, bên trong âm ỉ một tấm lòng nồng nhiệt” [90]. Ngoài ra, trong bài viết *Những ngôi sao xa xôi - một cách dựng truyện riêng của nữ nhà văn Lê Minh Khuê*, tác giả Hữu Đạt phát hiện “Ngôn ngữ chẳng có gì làm đáng mà vẫn trau chuốt, đó là cách viết ta thường gặp ở nhiều truyện ngắn khác của Lê Minh Khuê”. [22, tr. 60]. Tác giả Bùi Việt Thắng, người đã quan sát và theo dõi tỉ mỉ về tác phẩm của Lê Minh Khuê từ những sáng tác đầu tay của bà, ở bài viết *Một thế nghiệm mới của Lê Minh Khuê*, đã nhận định: “Bi kịch nhỏ chỉ có thể là một sự thể nghiệm, một phép thử của Lê Minh Khuê trong truyện ngắn. Dường như chị muốn nhập cuộc hơn, muốn uyển chuyển và hiện đại hơn trong cách viết” [84, tr. 6].

Còn nhà văn Bảo Ninh cho rằng với tập *Bi kịch nhỏ*: “bản chất truyện ngắn Lê Minh Khuê là truyện ngắn ngoài con chữ, là loại truyện được viết ra không phải cho độc giả nói chung mà cho từng người đọc một và vấn đề không phải ở xung đột, ở mâu thuẫn, ở bi kịch giữa các nhân vật trong truyện mà là bi kịch trong lòng người đọc”. [69, tr. 8]. Cũng ở tập truyện này, nhà nghiên cứu Phạm Xuân Nguyên đánh giá: “Truyện ngắn *Bi kịch nhỏ* của Lê Minh Khuê là một cố gắng của chị, của thể loại

truyện ngắn và của văn học hôm nay đi tìm lại lịch sử qua thân phận con người”. [64, tr. 26 - 31]. Mới đây nhất, Bùi Việt Thắng trong bài viết *Nhiệt đới gió mùa và nhiệt hừng văn chương* cho rằng “Truyện *Nhiệt đới gió mùa* trong bản chất là một cuốn tiểu thuyết nhưng được dồn nén lại trong một hình thức mà tác giả chỉ khiêm tốn ghi dưới là “truyện”. Nó là một tác phẩm viết về chiến tranh theo cách riêng của nhà văn, viết “thẳng vào tim đen” mọi chuyện - gạt bỏ hết thảy mọi sự vẽ vờ, đắp điểm - chỉ tập trung tối đa khoét sâu vào những “vết thương chiến tranh” khó bề chữa trị đối với những con người hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào sự kiện bi hùng này”. [87]. Cũng chính tác giả này, trong một phóng sự về Lê Minh Khuê ở chương trình *Văn học nghệ thuật* của Đài truyền hình Việt Nam (kênh VTV1), ông cũng có nhận định: “Tác phẩm của nhà văn Lê Minh Khuê có rất nhiều độc giả. Dù viết về bất cứ chuyện gì, chuyện của chiến tranh, chuyện hậu quả của chiến tranh, chuyện thể thái của đời thường, chuyện vui, chuyện buồn, chuyện tốt, chuyện xấu....., tất cả màu sắc âm thanh của cuộc sống hôm nay chị đều viết với một tinh thần công dân rất cao. Mỗi tác phẩm của chị, chủ yếu là truyện ngắn, đều viết về những vấn đề của số phận con người, trong niềm vui, trong nỗi buồn, trong thăng trầm, trong tất cả cảnh ngộ.... Chính vì thế, tác phẩm của nhà văn Lê Minh Khuê có sự vang dội trong xã hội”; còn Tôn Phương Lan thì đánh giá: “Chị là người viết về cái hôm nay. Viết cho ngày hôm nay, mặc dù có những cái không phải ở thì hiện tại. Sau chiến tranh chị bắt đầu nhìn sâu vào cuộc sống và phát hiện ra những vấn đề phức tạp của cuộc sống và con người. Tôi rất ấn tượng về thái độ quyết liệt của chị đối với những cái ác, cái xấu, sự băng hoại của đạo đức trước sự tác động của đồng tiền. Chị đã có những cách nhìn, cách phát hiện vấn đề và đưa vào truyện ngắn của mình làm cho những truyện ngắn của mình có sức hấp dẫn với bạn đọc.”

Qua đó, có thể thấy sự ảnh hưởng của Lê Minh Khuê cũng như tác phẩm của bà đối với người đọc. Điều đáng chú ý hơn cả là những vấn đề được nêu ra trong các tác phẩm của nhà văn lại chính là những hiện trạng của cuộc sống đời thường đang diễn ra xung quanh chúng ta. Vì vậy, tác phẩm của Lê Minh Khuê gần gũi và gắn bó với

cuộc sống của con người. Điều này lí giải vì sao nhà văn cùng những tác phẩm của bà lại có vị trí đặc biệt trong lòng người đọc.

2.2. Những bài viết, nghiên cứu về nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê

Trong tập *Cao điểm mùa hạ*, nhà nghiên cứu Bùi Việt Thắng đã nhận xét về nhân vật trong truyện Lê Minh Khuê: “Nhân vật của chị thuần phác, hồn nhiên nhưng không giản đơn”. Còn Hồ Anh Thái lại phát hiện ra nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê là “nhân vật thường xuất hiện trong hai khung cảnh chính: công trường và nhà tập thể” (Bài viết *Lê Minh Khuê - người đàn bà viễn thị - lời cuối sách*) [49, tr. 440]. Cao Thị Hồng trong luận văn *Truyện ngắn Lê Minh Khuê (nhìn từ thi pháp thể loại)*, (ĐH Sư Phạm Hà Nội, 2002) nhận định: “Nhân vật trong truyện ngắn của Lê Minh Khuê (đặc biệt là loại hình nhân vật tha hóa) không hiện lên như những lược đồ khô cứng, công thức, những tính cách bất biến mà chúng được rọi chiếu ở những ánh sáng khác nhau, những môi trường, hoàn cảnh khác nhau, bởi thế chân dung và số phận của những con người này hiện lên chân thực, sống động và thực sự đã mang lại những ám ảnh, những ấn tượng thẩm mỹ riêng đối với người đọc”. [35, tr. 79]. Vận dụng lý thuyết thi pháp học, luận văn cũng đã luận giải khá hệ thống về nguyên tắc xây dựng loại nhân vật tha hóa trong truyện ngắn Lê Minh Khuê. Tuy nhiên, luận văn mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát những tác phẩm của Lê Minh Khuê xuất bản cho đến thời điểm năm 2002.

Ở tập *Nhiệt đới gió mùa*, nhà văn Tạ Duy Anh nhận xét: “Tất cả những nhân vật trẻ của chị Khuê đều trải qua những giây phút ghê gớm của cuộc đời nhưng cuối cùng đều giữ được hạt ngọc của nhân cách. Thế hệ trẻ chính là những người phải nắm lấy vận mệnh của chính mình. Những hiện thực mà chị đã nêu lên cộng với yếu tố hài hước khiến cho tác phẩm của chị, dù nặng nề đến đâu, dù khốc liệt đến đâu, dù cho đọc cảm thấy rợn người đến đâu, nhưng cuối cùng, chúng ta - người đọc vẫn tìm được sự bám víu, vào chiếc phao cứu sinh để hi vọng vào sự vĩnh cửu”. [100].

Gần đây nhất, ở bài viết “*Ngôi sao xa xôi. Và,*” đăng trên Tạp chí sông Hương, khi nhận định về nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê, Ý Nhi viết: “Trên cái nền chiến tranh, hủy diệt ấy, các nhân vật của Lê Minh Khuê hiện lên với một vẻ đẹp kỳ diệu” [68, tr. 60].

Tóm lại, có thể nhận thấy cho đến nay đã có nhiều công trình lớn nhỏ nghiên cứu về văn nghiệp của Lê Minh Khuê. Nhiều vấn đề về nghệ thuật (trong đó có vấn đề về nghệ thuật xây dựng nhân vật) truyện ngắn của bà đã được các nhà nghiên cứu ít nhiều chú ý. Tuy nhiên những nghiên cứu về nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê mới chỉ mang tính chất phát hiện, khái quát chung, đặc biệt hơn là thế giới nhân vật phong phú, đa dạng với ngồn ngang những trần trở, bế tắc, lo âu, và xen lẫn cả niềm tin, hy vọng... của con người thời kì hậu chiến cho đến nay chưa có nghiên cứu nào thực sự đi sâu tìm hiểu một cách độc lập và hệ thống. *Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau 1975* chưa trở thành đối tượng nghiên cứu chuyên biệt của công trình nào. Trên cơ sở kế thừa thành tựu khoa học quý báu của những người đi trước, với luận văn này chúng tôi hy vọng tiếp tục khám phá, kiến giải những giá trị nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn Lê Minh Khuê, góp tiếng nói khẳng định sự nghiệp và tôn vinh một nữ nhà văn đương đại mà với lao động nghệ thuật bền bỉ, miệt mài, nghiêm túc bà đã dâng tặng cuộc sống những trang viết tràn đầy giá trị nhân văn, luôn để lại dấu ấn khó quên trong lòng bạn đọc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Như tên đề tài đã xác định, đối tượng nghiên cứu của luận văn là *Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975*.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung khảo sát toàn bộ truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 được in trong các tập:

- *Cao điểm mùa hạ*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1978.
- *Đoạn kết*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1981.
- *Một chiều xa thành phố*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1986.
- *Bi kịch nhỏ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993.
- *Lê Minh Khuê* (Tập truyện ngắn), NXB Văn học, Hà Nội, 1994.
- *Trong làn gió heo may*, NXB Văn học, Hà Nội, 1999.
- *Truyện ngắn chọn lọc (Những dòng sông, Buổi chiều, Con mưa)*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2002.

- *Màu xanh man trá*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2003.
- *Một mình qua đường*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006.
- *Những ngôi sao, trái đất, dòng sông*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2008.
- *Lê Minh Khuê* (Truyện ngắn chọn lọc), NXB Thanh niên, Hà Nội, 2012.
- *Nhiệt đới gió mùa*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012.

4. Mục đích nghiên cứu

Với đề tài của luận văn này, chúng tôi hướng tới mục đích nghiên cứu sau:

- 4.1. Tìm hiểu về văn nghiệp và quan niệm nghệ thuật của nhà văn Lê Minh Khuê, nhất là quan niệm nghệ thuật về con người của bà.
- 4.2. Tìm hiểu và khám phá thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê từ góc độ nội dung và góc độ nghệ thuật để từ đó, chúng tôi có thể thấy được nét riêng, nét độc đáo trong sáng tác của bà, đặc biệt là những sáng tác sau năm 1975.

5. Phương pháp nghiên cứu

Xuất phát từ đối tượng và mục đích nghiên cứu, trong đề tài này, chúng tôi chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

5.1. Phương pháp hệ thống

Khảo sát, phân loại và xác định thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 trên tinh thần kết hợp các yếu tố tương đồng về nội dung và hình thức để rút ra những nhận định, đánh giá chính xác về hệ thống nhân vật trong tác phẩm.

5.2. Phương pháp tiếp cận thi pháp học:

Vận dụng phương pháp này, người viết có thể tìm hiểu, phân tích những đặc điểm nổi bật của hệ thống nhân vật trong các truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 ở một số phương diện như quan niệm nghệ thuật về con người, nhân vật và các phương thức thể hiện nhân vật...

Ngoài ra trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi còn sử dụng một số phương pháp và thao tác bổ trợ như: Phương pháp loại hình, phương pháp liên ngành giữa văn học và văn hóa, thao tác so sánh, phân tích - tổng hợp để làm sáng tỏ vấn đề thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau 1975.

6. Đóng góp của luận văn

Tập trung tìm hiểu thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 một cách tương đối hệ thống và toàn diện, luận văn làm sáng tỏ cái nhìn mới mẻ và đầy đủ hơn về con người cũng như hiện thực cuộc sống thông qua cách thức xây dựng thế giới nhân vật đa dạng và độc đáo của nhà văn.

Luận văn muốn khẳng định truyện ngắn sau 1975 nói chung trong đó có truyện ngắn Lê Minh Khuê đã nỗ lực cách tân nghệ thuật, tạo nên một cách thức tiếp cận hiện thực mới, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của nền văn học dân tộc.

Luận văn cung cấp một tài liệu tham khảo có giá trị cho những ai quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu về văn nghiệp của nhà văn Lê Minh Khuê.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu; Kết luận; Tài liệu tham khảo; Phụ lục; Luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Lê Minh Khuê - cuộc đời, văn nghiệp và quan niệm nghệ thuật: Khái quát về cuộc đời, văn nghiệp và quan niệm về văn chương nghệ thuật cũng như quan niệm về con người trong sáng tác của Lê Minh Khuê.

Chương 2: Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 nhìn từ phương diện nội dung: Tìm hiểu, khai thác thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 ở nhiều chiều kích, góc cạnh khác nhau; Không chỉ qua những biểu hiện bên ngoài mà còn đi sâu tìm hiểu những vùng thẳm sâu trong tâm hồn để có những đánh giá toàn diện hơn về con người trong truyện ngắn Lê Minh Khuê.

Chương 3: Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 nhìn từ phương diện nghệ thuật: Xem xét các yếu tố nghệ thuật làm nên thế giới nhân vật đa dạng, phong phú trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975.

Chương 1

LÊ MINH KHUÊ - CUỘC ĐỜI - VĂN NGHIỆP VÀ QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT

1.1. Cuộc đời

1.1.1 Quê hương và thời niên thiếu

Lê Minh Khuê, còn có bút danh khác là Vũ Thị Miên, một “cái tên quê chính cống của một cô thanh niên xung phong chính cống” (chữ dùng của Hồ Anh Thái), nhưng chính cái bút danh mộc mạc đó nó đã thể hiện sự gần gũi của Lê Minh Khuê với tầng lớp công nông thời bấy giờ. Lê Minh Khuê sinh ngày mùng 6 tháng 12 năm 1949 tại xã An Hải, huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa. Bà là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Cha mẹ của Lê Minh Khuê đều là nhà giáo nhưng bà mồ côi từ thuở nhỏ, sống với người dì ruột, cũng là một gia đình nhà giáo. Người chú rể của Lê Minh Khuê thường xuyên nghiên cứu và đọc văn học Pháp nên những sách báo của ông cùng những phát hiện mới lạ về cái hay, cái đẹp của văn chương đã ảnh hưởng đến Lê Minh Khuê và mở ra cho bà một thế giới mới. Lê Minh Khuê đam mê tinh thần phiêu lưu quả cảm trong những truyện của Jack London và sự say sưa, sôi nổi nhưng quyết liệt trong tác phẩm của Hemingway. Chính những điều này cũng là cái duyên để đưa bà đến với văn chương và say đắm thiết tha với nó trong suốt hành trình sáng tạo nghệ thuật của mình. Quê hương của nhà văn Lê Minh Khuê kéo dài suốt từ xứ Huế đến tận miền Kinh Bắc. Ông nội của bà sinh ra ở Tĩnh Gia, Thanh Hóa, vào làm việc ở Huế và lấy vợ tại đây. Ông ngoại là người Hà Đông vào xứ Thanh lập nghiệp và lấy vợ tận Kinh Bắc. Tuổi thơ của Lê Minh Khuê trôi qua lặng lẽ ở quê nội (Thanh Hóa) nhưng bà vẫn có dịp vào tận Huế hay ra Hà Đông thăm họ hàng. Những chuyến đi xa đó đã gieo vào tâm hồn thơ trẻ giàu trí tưởng tượng của Lê Minh Khuê nỗi khát khao khôn nguôi về hạnh phúc bình dị, về tình thân ruột thịt.

1.1.2. Thời kì trưởng thành và tham gia kháng chiến

Năm 1965, khi còn đang học ở trường cấp ba Quảng Xương, Thanh Hóa, Lê Minh Khuê chưa đến tuổi mười sáu, tấm gương hi sinh của anh hùng Nguyễn Văn Trỗi đã tác động mạnh mẽ đến ý thức, tư tưởng của Lê Minh Khuê cũng như lứa thanh niên

cùng thời. Và Lê Minh Khuê đã tự khai tăng tuổi của mình lên mười bảy để gia nhập vào đội nữ thanh niên xung phong cùng chúng bạn, có mặt ở biên giới Việt - Lào.

Những tháng ngày tham gia đội nữ thanh niên xung phong có lẽ là quãng thời gian mà Lê Minh Khuê không thể nào quên trong cuộc đời của mình.

Nó thậm chí có khi là những ám ảnh trở đi trở lại nhưng đó lại là những hiện thực của cuộc chiến, là những “chuyện bình thường của chiến tranh” như bà chia sẻ: “Đường lên phía Tây kinh khủng lắm. Tôi nhớ lúc ấy bom đạn cứ dội ầm ầm xuống. Có lẽ lúc đó còn ít tuổi quá, tôi không biết sợ là gì, nhưng sau này khi có con thì mới cảm thấy sợ. Người ta đi chiến đấu, người ta chia tay, người ta chết, người ta thương tật... đó là những chuyện bình thường của chiến tranh”. [90]

Nhưng chính những năm tháng vất vả gian nan mà hào hùng ở ngoài tuyến lửa ấy đã tạo cảm hứng cho những sáng tác của bà sau này.

Sau bốn năm ở thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê giải ngũ và đứng trước hai sự lựa chọn: một là đi học ở nước ngoài, hai là trở thành phóng viên của báo Tiền Phong. Lê Minh Khuê đã chọn con đường thứ hai và có thời gian bà đã từng làm phóng viên của đài phát thanh Giải phóng. Trong khoảng thời gian đó, cuộc chiến đấu của dân tộc ta đang ở vào thời kì ác liệt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, và cuộc chiến đó đòi hỏi phải có tiếng nói để phản ánh hiện thực cuộc sống gian khó mà vẫn anh dũng chiến đấu của quân và dân trên tất cả các mặt trận. Và một lần nữa, Lê Minh Khuê đã tự nguyện dấn thân vào các tuyến lửa. Từ Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị rồi vào Đà Nẵng, đi tới đâu Lê Minh Khuê viết tới đó. Hễ gặp chiếc xe nào trên đường ra Bắc, bà lại gửi bài về tòa soạn. Năm 1975, Lê Minh Khuê đi cùng một cánh quân vào giải phóng Đà Nẵng.

1.1.3. Thời kì đất nước hòa bình, thống nhất

Sau chiến tranh, một thời gian ngắn Lê Minh Khuê làm việc ở Đài truyền hình Việt Nam. Từ năm 1978, Lê Minh Khuê làm biên tập viên ở nhà xuất bản Tác phẩm mới, nay là nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam cho đến khi nghỉ hưu. Hiện tại, bà là chủ tịch Hội đồng Văn xuôi của Hội Nhà văn Hà Nội, và phó chủ tịch Hội đồng Văn xuôi, Hội Nhà văn Việt Nam.

Có thể nói, Lê Minh Khuê đã gắn mình với cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc, với thời bao cấp nông nã vị khốn khó của đất nước và nhất là khi chúng ta bước sang nền kinh tế thị trường như hiện nay. Nhưng cho dù ở cương vị nào, một công dân, một nhà văn, một người lính, Lê Minh Khuê vẫn luôn hoàn thành nhiệm vụ, luôn ý thức về trách nhiệm của người cầm bút.

1.2. Văn nghiệp

Lê Minh Khuê là nhà văn trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhưng đạt được nhiều thành tựu về văn học khi đất nước bước vào thời kì hòa bình, thống nhất. Có thể nói, chính những năm tháng chiến tranh khốc liệt và gian khổ đó đã nuôi dưỡng và tạo điều kiện cho tài năng văn chương Lê Minh Khuê. Và bà đã gắn bó với văn chương bằng cả cuộc đời mình.

Sáng tác của Lê Minh Khuê trải dài theo những chặng đường lịch sử của dân tộc, đáp ứng những nhiệm vụ cơ bản của thời cuộc. Lê Minh Khuê đã thử sức ở hai thể loại: truyện ngắn và truyện vừa, nhưng thành công nhất với bà là thể loại truyện ngắn. Những sáng tác của Lê Minh Khuê thể hiện tầm bao quát, phản ánh mọi biến động, đổi thay của thời đại, của lịch sử, nhất là xã hội Việt Nam thời hậu chiến với những vấn đề nhức nhối của nó. Lê Minh Khuê có thể đưa người đọc vào những tuyến lửa Trường Sơn ác liệt, ra vùng hậu cứ ở đồng bằng, lên những công trường, xuống làng, ra thành phố..... và những vấn đề bức thiết, gay go của cuộc sống đang có nhiều đổi thay, biến động. Để có thể mô tả, phản ánh được những hiện tượng và sự kiện đó, Lê Minh Khuê phải là một người có óc quan sát tinh tế và một năng lực cảm thụ nhạy bén.

Đọc tác phẩm của bà, người đọc thấy những yếu tố rất nhỏ như: rung động thoáng qua của một cô thiếu nữ, những suy nghĩ lệch lạc của lớp người chỉ lo hưởng thụ, những ảo tưởng mơ hồ về hạnh phúc xa xôi, những khẳng định chắc chắn vào tương lai,... được thể hiện ở các nhân vật. Nhưng, đó lại là những lát cắt của cuộc sống, cái cuộc sống mà giờ đây con người bị đặt trong một hoàn cảnh không như trước nữa, họ phải có sự cạnh tranh, đố kị, lấn lướt nhau để sống và tồn tại. Đó cũng chính là những điều đang hàng ngày vẫn diễn ra xung quanh chúng ta. Bởi vậy, khi đọc tác phẩm của Lê Minh Khuê, người ta thấy như được soi lại chính mình để sống có ý nghĩa hơn cho bản thân và cho người khác.

1.2.1. Các giai đoạn sáng tác

1.2.1.1. Giai đoạn sáng tác trước năm 1975

Hòa chung trong không khí chiến đấu của cả nước, cũng như nhiều nhà văn khác, trong các tác phẩm của mình, Lê Minh Khuê đã viết về những con người sống vì lí tưởng cao cả, vì cái chung của cộng đồng, của dân tộc. Tư tưởng sáng tác này của Lê Minh Khuê cũng nằm trong dòng chảy văn xuôi nước ta thời kì trước năm 1975: văn học sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Do đó, những tác phẩm như: *Con sáo nhỏ của tôi* (1969), *Cao điểm mùa hạ* (1970), *Những ngôi sao xa xôi* (1971), *Bạn bè tôi* (1971),.....v.v đều hiện lên hình ảnh những con người rất dũng cảm nhưng cũng rất vô tư, hồn nhiên, lãng mạn. Đó là cô Vân, cô Nguyên, Mai, Nho, Thìn, Định,,....., là Vĩnh, là Ngãi, là một anh tiểu đội trưởng nào đó nhưng họ là những con người đã sống xứng đáng với danh dự và lòng tự trọng của mình.

Sáng tác của Lê Minh Khuê trước năm 1975 không chỉ có hình ảnh về những con người thuộc thế hệ thanh niên, những con người trẻ trung, nơi tập trung sức mạnh lớn lao của dân tộc, mà người đọc còn thấy ở đó là bản lĩnh, sự cứng cỏi và mạnh mẽ của một em bé (*Chuyện nhỏ hồi chiến tranh*), của một bà mẹ (*Mẹ*). Tất cả họ đều là những con người ý thức rất rõ về trách nhiệm của mình trước thời cuộc. Tuy nhiên, điểm mới của Lê Minh Khuê so với các nhà văn cùng thời là bà không chỉ phản ánh những mặt tốt đẹp của con người, bà còn phát hiện ra loại người bắt đầu cảm thấy “mệt mỏi, ngấm ngấm hưởng thụ phía sau” [80]. Đó là Nguyên (*Anh kĩ sư dạo trước*), là Hòa (*Con trai những người chiến sĩ*), Ninh (*Bầu trời trong xanh*)....v.v.

Nhìn chung, những sáng tác của Lê Minh Khuê trước năm 1975 đều miêu tả và thể hiện nhân vật trong khung cảnh của cuộc chiến đấu ác liệt với những phẩm chất đáng trân trọng và tự hào. Tuy nhiên, Lê Minh Khuê cũng bắt đầu manh nha khai thác nhân vật của mình trong cái nhìn nhiều chiều, đa diện. Với phương thức khám phá như vậy, nhà văn có thể quan sát con người và các mối quan hệ của họ trên nhiều bình diện khác nhau, phong phú và đa dạng hơn.

1.2.1.2. Giai đoạn sáng tác sau năm 1975

Sau năm 1975, văn học nước ta thực sự đã có những biến đổi đáng kể. Các nhà văn sáng tác khá vững vàng ở giai đoạn trước như Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải, Lê Lựu, Xuân Thiều, ..v..v....thì giờ đây đều bắt đầu đổi mới. Sự đổi mới đó là tất yếu vì hiện thực đời sống mới đòi hỏi phải có những cách tân trong tiếp cận, đề tài, cảm hứng và đặc biệt là tư duy nghệ thuật.

Cùng với các nhà văn thế hệ sau như Hồ Anh Thái, Tạ Duy Anh, Phạm Thị Hoài...v....v, Lê Minh Khuê cũng có sự đổi mới đậm nét, đặc biệt là trong những tác phẩm: *Một chiều xa thành phố* (1986), *Bi kịch nhỏ* (1993), *Trong làn gió heo may* (1999), Tuyển tập *Những dòng sông, buổi chiều, cơn mưa* (2002),.....

Truyện của Lê Minh Khuê sau năm 1975 với đề tài nổi bật: vấn đề hậu chiến mang cảm hứng nhân sinh - thế sự. Mặc dù đất nước không còn chiến tranh nữa nhưng những sang chấn của nó tới đời sống tinh thần của con người trong cuộc sống hiện tại thì thực là khôn lường.

Cuộc trả thù lẫn nhau giữa Phong và Hiếu (*Nhiệt đới gió mùa*) kéo dài suốt từ khi đất nước còn chiến tranh đến khi hòa bình đã làm người đọc cảm thấy ngọt ngào và bức bối. Chiến tranh cũng tạo ra những sự hiểu lầm đáng tiếc, khiến người ta bỏ lỡ nhiều cơ hội (bà Văn, ông Khôi trong *Hai bờ*, Hằng trong *Một buổi chiều thật muộn*).

Khi đất nước chuyển mình sang thời bao cấp khốn khó, người lính trở về sau chiến tranh phải đối mặt với cuộc sống mưu sinh thường ngày đầy chật vật đã khiến họ trở nên bạc nhược, sống giả tạo ngay cả với chính mình. (Thắng trong *Dạo đó, thời chiến tranh*).

Khi chúng ta hội nhập vào nền kinh tế thị trường, bên cạnh những giá trị tinh thần bền vững thì cũng có những cái mất đi mà không thể lấy lại được. Cuộc sống của con người thay đổi đến chóng mặt và kéo theo nó là hàng loạt những vấn đề đặt ra trước mắt đòi hỏi con người phải có sự nhận thức tinh táo để đưa ra những quyết định đúng đắn cho cuộc đời mình. Lê Minh Khuê đã phản ánh những điều như thế. *Làng xi măng, Đồng đô la vĩ đại, Kí sự những mảnh đời trong ngõ, Anh lính Tony D, Những kẻ chờ sung, Đồng tiền có màu xanh huyền ảo, Sân gôn,.....* là những tác phẩm mà ở đó sự len lỏi và ngự trị của đồng tiền đã dẫm đạp lên trên mọi giá trị tốt đẹp của con

người. Sức mạnh của đồng tiền và lối sống hưởng thụ khiến con người trở nên ích kỉ, tham lam, độc ác. (Thằng Roi trong *Làng xi măng*, anh em An, Khang trong *Đồng đô la vĩ đại*, bố con thằng Thán trong *Anh lính Tony D*, Vĩnh trong *Đồng tiền có màu xanh huyền ảo*, anh em lão Tê, Tái trong *Những kẻ chờ sung*, Quanh trong *Sân gôn*,.....)

Bên cạnh đó, sáng tác của Lê Minh Khuê sau năm 1975 còn đề cập đến một kiểu nhân vật khác: đó là những con người sống trong sự chán chường, mệt mỏi, bất lực, muốn thoát ra nhưng lại vẫn bị kéo vào (My trong *Con mưa cuối mùa*, Gã trong *Thần lẩn*, Đạt trong *Màu xanh man trá*, Lễ trong *Đầu máy hơi nước*,.....)

Có thể nói, sau năm 1975 Lê Minh Khuê cùng với những sáng tác của mình đã thực sự đi sâu hơn vào hiện thực cuộc sống và phản ánh nó hết sức phong phú dưới nhiều góc cạnh khác nhau. Giọng điệu cũng như cách tiếp cận của nhà văn đã hoàn toàn thay đổi so với trước. Lê Minh Khuê quan sát cuộc sống một cách tỉ mỉ, lặng lẽ nhưng trong sự trầm tư ấy là những trăn trở day dứt của nhà văn trước sự đổi thay của con người và hiện thực. Mặc dù vậy, càng về những tác phẩm sau này, đặc biệt là những sáng tác của bà trong những năm gần đây, người đọc càng thấy ở đó một tâm lòng nồng nhiệt, hồn hậu hướng con người đến những giá trị chân thực trong cuộc sống, nhân ái và bao dung hơn.

1.2.2. Sự nghiệp văn chương

Từ năm 1969, trong đội quân thanh niên xung phong nơi tuyến lửa, Lê Minh Khuê bắt đầu sáng tác. Truyện ngắn đầu tay của bà là *Con sáo nhỏ của tôi* được bà viết năm 1969 đã để lại những ấn tượng khó phai trong lòng người đọc. Liên sau đó, hàng loạt các tác phẩm ra đời như *Nơi bắt đầu của những bức tranh* (1970), *Cao điểm mùa hạ* (1970),...v...v, *Những ngôi sao xa xôi* (1971), *Mẹ* (1974)...v...v cho thấy bà là một cây bút chuyên nghiệp. Đi qua cuộc chiến tranh chống Mỹ, trở về với cuộc sống đời thường, Lê Minh Khuê đam mê sáng tác và bà viết ngày càng đậm đà, sâu sắc với tâm thế của một người biết chọn cho mình cách sống không ồn ào, bon chen mà thư thái, yên bình. Có lẽ vì vậy những truyện ngắn của Lê Minh Khuê vừa chân thực, gần gũi nhưng lại có sức ám ảnh mãnh liệt đối với người đọc đương thời.

Trong quá trình sáng tác của mình, Lê Minh Khuê đã xuất bản:

Các tập truyện ngắn:

- *Những ngôi sao xa xôi* (1971)
- *Cao điểm mùa hạ* (1978)
- *Đoạn kết* (1981)
- *Một chiều xa thành phố* (1986)
- *Bi kịch nhỏ* (1993)
- *Tập Truyện ngắn - Lê Minh Khuê* (1994)
- *Trong làn gió heo may* (1999)
- *Truyện ngắn chọn lọc (Những dòng sông, Buổi chiều, Con mưa)* (2002)
- *Màu xanh man trá* (2003)
- *Một mình qua đường* (2006)
- *Những ngôi sao - trái đất - dòng sông* (2008)
- *Truyện ngắn chọn lọc* (2012)
- *Nhiệt đới gió mùa* (2012)

Các truyện vừa:

- *Thiếu nữ mặc áo dài xanh* (1984)
- *Tôi đã không quên* (1990)

Trong các tác phẩm trên, tập truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* (1971) đã được đưa vào cuốn *Nghệ thuật viết truyện ngắn* của thế giới.

Lê Minh Khuê đã hai lần được nhận giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam:

Năm 1987 cho tập truyện *Một chiều xa thành phố* (1986)

Năm 2001 cho tập truyện *Trong làn gió heo may* (1999)

Và gần đây nhất, năm 2008, Lê Minh Khuê vinh dự được trao giải thưởng văn học mang tên văn hào Byeong- Ju- Lee cho tập truyện *Những ngôi sao - trái đất - dòng sông* (2008).

1.3. Quan niệm nghệ thuật và quan niệm nghệ thuật về con người của Lê Minh Khuê

1.3.1. Quan niệm nghệ thuật

Từ điển *Thuật ngữ văn học* định nghĩa về quan niệm nghệ thuật: “quan niệm nghệ thuật là hình thức bên trong của sự chiếm lĩnh đời sống, là hệ quy chiếu ẩn chìm trong hình thức nghệ thuật, nó gắn với các phạm trù phương pháp sáng tác, phong

cách nghệ thuật, làm thành thước đo của hình thức văn học và là cơ sở của tư duy nghệ thuật.” [32, tr. 53]. Vậy còn Lê Minh Khuê, quan niệm nghệ thuật của bà được thể hiện ra sao?

Có thể nói, mỗi nhà văn đều có một quan niệm nghệ thuật khác nhau. Quan niệm nghệ thuật đó chi phối và định hướng cho quá trình sáng tác nghệ thuật của nhà văn. Với Lê Minh Khuê, người đọc có thể thấy được quan niệm nghệ thuật đúng đắn qua những phát biểu trực tiếp hoặc qua tác phẩm của bà. Trong chừng mực có thể, chúng tôi xin trình bày một số nét chính trong quan niệm nghệ thuật của nhà văn.

1.3.2. Quan niệm nghệ thuật của Lê Minh Khuê

1.3.2.1. Quan niệm về trải nghiệm trong sáng tác

Bản thân con người muốn trưởng thành và bản lĩnh trước cuộc sống nhất thiết phải qua những trải nghiệm, đó có lẽ cũng là thách thức và cơ hội để hoàn thiện mình. Điều này có hoàn toàn đúng với nhà văn không? Lê Minh Khuê cho rằng: trải nghiệm không phải là tất cả. Nhà văn không phải cứ chứng kiến, tham gia vào mọi hiện tượng, sự việc của đời sống thì mới có thể phản ánh và mô tả về nó. Trong một bài phỏng vấn mới đây, Lê Minh Khuê nêu ý kiến của mình: “Vấn đề trải nghiệm không trở thành thiết yếu đối với người cầm bút” [10].

Quả vậy, đối với người cầm bút, trải nghiệm chỉ là một yếu tính góp phần làm nên sự sáng tạo của nhà văn. Điều quan trọng là nhà văn phải có tài năng văn chương, có tư duy nhận thức cuộc sống một cách nhanh nhạy, tinh tế, không để cho mình trở nên lạc hậu, lỗi thời. Tất nhiên, muốn phản ánh cuộc sống một cách sinh động, chân thực và phong phú thì bản thân nhà văn phải luôn có sự tìm tòi, đổi mới trong khai thác và tiếp cận vấn đề, cũng như phải quan sát đời sống bằng sự cẩn trọng, tỉ mỉ. Không thể có một nhà văn nổi tiếng và những tác phẩm gây chấn động khi anh ta chỉ ngồi một chỗ với những tưởng tượng của mình và tách rời với cuộc sống bên ngoài. Lê Minh Khuê cũng cho rằng: “nhà văn phải năng động, luôn đương đầu với mọi chuyện” [10]. Thế hệ trẻ ngày hôm nay sống trong hòa bình và yên ổn, họ không có được tâm trạng của những con người đã trải qua chiến tranh nhưng xã hội Việt Nam thời hậu chiến với biết bao vấn đề đang hiện hữu sẽ là mảnh đất chờ đợi sự khai phá của những nhà văn trẻ. Lê Minh Khuê khẳng định: “không cứ gì chúng ta sinh ra ở thời

kỳ chiến tranh, chúng ta mới viết được về chiến tranh, trong cuộc sống, đâu đó vẫn còn những số phận hậu chiến tranh trông chờ vào những cây bút. Vì thế, đừng nghĩ trải nghiệm là rào cản của sự sáng tạo” [10].

1.3.2.2. *Quan niệm về văn chương và trách nhiệm của người cầm bút*

Lê Minh Khuê đến với văn chương từ rất sớm và có lẽ cũng là một cái duyên với bà. Trong những tháng ngày làm phóng viên chiến trường, Lê Minh Khuê đã kịp ghi lại những khoảnh khắc ác liệt của bom mìn và cả những khoảnh khắc không thể nào quên của sự hồn nhiên, yêu đời, dũng cảm của đồng đội, của bè bạn trên các mặt trận của tuyến lửa Trường Sơn. Lê Minh Khuê viết say sưa như thể sợ cái khoảnh khắc ấy sẽ trôi qua thật nhanh và bà viết để khuấy khỏa nỗi buồn lúc ở quân y viện, bị thương phải nằm một chỗ. Nhưng Lê Minh Khuê viết cũng là để gửi gắm cho những người bà yêu thương, viết cho mình và cho hôm nay: “Tôi viết cho vui, không ngờ lại là ám ảnh đam mê theo mình suốt đời” [51].

Và Lê Minh Khuê viết không phải để khẳng định vị trí của mình ở hiện tại hay tương lai, mà đơn giản chỉ là bà viết về những suy nghĩ của mình, về những điều mình còn trăn trở với mọi người xung quanh. Bởi vậy, Lê Minh Khuê cho rằng: “Nhà văn thế hệ trước viết dưới một ánh sáng vĩnh cửu. Họ nghĩ đến một sự khẳng định, một vị trí tất yếu trong tương lai. Còn mình, chỉ viết cho giây phút này, cho ngày hôm nay. Viết cũng như là sống vậy. Biết ngày mai người ta có đọc mình hay không ? Nhà văn trước kia có thể viết rồi cất vào ngăn kéo và hy vọng giá trị của nó trong tương lai. Còn mình viết ra, chỉ mong có bạn bè thân thiết, con mình đọc, tại thời điểm này, là thắng rồi. Làm sao bắt số đông phải quan tâm đến mình được ?” [9].

Và theo bà, “việc viết xuất phát từ nhu cầu tự thân. Và người đọc tiếp nhận được một điều gì đó, gọi là...thông điệp chẳng hạn, thì tôi xem đó như một sự đồng cảm” [10].

Như các nhà văn trên thế giới, trong tác phẩm của mình, Lê Minh Khuê nói đến con người là trung tâm của mọi sự khám phá. Vì vậy, phải đặt con người trong nhiều môi trường, nhiều hoàn cảnh khác nhau mới có thể phát hiện mọi điều về con người. Nhưng quan trọng nhất, đó là văn chương phải đi mô tả và làm nổi bật mối quan hệ giữa con người với con người, bởi chỉ có như vậy văn chương mới thấy được cả những mặt tốt đẹp, cao cả của con người và những mặt xấu xa, thấp hèn trong họ. Do

đó, Lê Minh Khuê đã đề cao và mơ ước thứ văn chương ấy: “Đáng mơ ước là thứ văn chương viết thật hay về mối quan hệ giữa những con người” [9]. Và bà khiêm nhường nhận thấy “đó là các nhà văn lớn, còn riêng mình, hạn hẹp lắm. Mình chỉ nghĩ, hãy tái tạo được đời sống của những người thân thiết. Những người cao tuổi, sống trong gia đình mình chẳng hạn, một thế giới giàu có, trải qua bao nhiêu thời cuộc vẫn giữ được tâm hồn trong sáng, lành mạnh. Hay những mối quan hệ, qua bao sóng gió vẫn giữ được sự tốt đẹp” [9].

Nhưng người đọc khi đến với tác phẩm của Lê Minh Khuê, họ thấy những vấn đề được nêu ra trong đó không chỉ là chuyện trong phạm vi nhỏ hẹp của một gia đình, mà là chuyện của nhiều nhà, nhiều người. Do vậy, mà người ta soi mình vào đó, và tìm thấy ở đó những điều tốt đẹp của bản thân còn ẩn giấu trong tâm hồn, đúng như nhà văn đã giải bày: “Tôi muốn người đọc đọc tác phẩm của mình thấy được trong cái hiện thực trần trụi vẫn có hơi hướng lãng mạn. Và đâu đó vẫn tồn tại những tính cách nguyên thủy nhất để con người không bị đẩy lùi về phía bóng tối.” [10].

Với Lê Minh Khuê, văn chương không có khuôn mẫu nhất định, hãy để cho câu chữ và những suy nghĩ của nhà văn tràn ra trang giấy, như thế mới đúng là những cảm xúc chân thực của tác giả: “Đôi khi những ngôn từ, cú pháp bị phá ra khỏi những khuôn mẫu. Không cái khuôn mẫu nào được áp định cho văn chương...” [10].

Đã có lúc, Lê Minh Khuê so sánh văn chương với thể thao - sự so sánh tưởng chừng như rất khập khiễng, nhưng xét về một góc độ nào đó, thì có lẽ ý kiến của Lê Minh Khuê lại xác đáng: “Văn chương như thể thao. Mỗi lần nhảy qua được xà, nhà văn rất muốn đạt kỉ lục cao hơn chút nữa. Nhưng tôi lại mong người ta cư xử với nhà văn như một ngôi sao trong thể thao. Anh ta có thể dừng lại ở mức nào đấy và hãy xem anh ta đã đạt được chiến công.... Khi nhà văn im lặng, đừng nên than phiền và lu loa rằng anh này chưa hề nhảy qua xà.... Có thể năm năm - mười năm nữa, những nhà văn lúc này đang gây chấn động sẽ, vì lí do nào đó không viết nữa, thì hãy xem đó là tất nhiên và không nên phủ nhận quãng thời gian này của họ. Họ đã nhảy qua xà. Như thế mới là văn chương. Như thế mới là thể thao.” [99, tr. 351] . Và Lê Minh Khuê cho rằng: “văn chương mãi mãi là văn chương. Nó không bao giờ làm nên cái gì quan trọng, to tát. Không nên nhìn chữ nghĩa của mình sáng láng đến mức tất cả

cái gì không phải của anh đều là mờ mịt. Văn chương sẽ sống cái sức sống tự nhiên của nó. Nhưng như tất cả mọi việc trên đời này, văn chương cũng có giới hạn, có sự sáng lên, sự mất đi, có cái cao cả nhưng cũng có cái bình thường” [99, tr. 351].

Lê Minh Khuê có lần đã tâm sự về văn chương: “Văn chương thực sự là khi người ta đọc xong còn muốn sống tiếp, tác phẩm phải có một cái gì đó để người ta đỡ thấy kinh khủng”; Quả vậy, trong nhiều sáng tác của bà, người đọc thấy điều đó: con người dù bị đẩy vào nơi tối tăm nhất vẫn có chút ánh sáng le lói đâu đó để hi vọng vào cuộc đời (*Đồng tiền có màu xanh huyền ảo, Nhiệt đới gió mùa, Trên đường đê, Qua vườn là đến trường,...*)

Khi nói đến chất lượng của văn chương, Lê Minh Khuê cho rằng: “văn chương không lệ thuộc vào số nhiều. Quan trọng là mỗi khi viết ra, người viết muốn nói cái gì, không đơn thuần chỉ giải trí. Đối ngữ viết giải trí thì đông lắm..... Tôi thích thứ văn chương có những ý tưởng nghiêm túc hơn, có thể ít bạn đọc nhưng đó là cái tạng của mình. Tôi nghĩ tới vấn đề mà một nhà văn bạn tôi có đề cập, đó là sự phản biện của trí thức trước các vấn đề của cuộc sống” [101].

Và văn chương bao giờ cũng phải có sự ham muốn sáng tạo: “Cái đó quan trọng lắm chứ. Ví dụ như đối thoại trong văn chương, nếu câu chuyện lãng mạn, đẹp thì mình dùng đối thoại khác, còn khi câu chuyện có chủ đề gay gắt thì lại dùng đối thoại cho phù hợp tình huống. Mỗi cách sử dụng đều nhằm mục đích nói lên một cái gì. Sang dòng thứ hai của câu chuyện đã phải nổi lên ý tưởng rồi.” [101] ; Văn chương phải nhất thiết không có sự trùng lặp, không trùng lặp với chính mình và với những nhà văn khác: “Tôi quan niệm văn chương phải mang dấu ấn của người viết. Mỗi nhà văn phải có ngôn ngữ giọng điệu riêng không lẫn với người nào càng tốt. Mỗi khi viết tôi chú trọng chi tiết, cách nói năng, cách ứng xử của nhân vật, không để nó quá là "của mình" - nghĩa là nhà văn và nhân vật phải có khoảng cách. Nhân vật sống đời sống của nó, nhà văn đứng ở xa quan sát. Tạo được cách viết này cũng là tạo được một phong cách.” [63].

Trong kháng chiến chống Mỹ, Lê Minh Khuê đã làm tròn sứ mệnh thiêng liêng của người cầm bút, đó là phản ánh hiện thực chiến đấu gian khổ mà hào hùng, anh dũng của quân dân ta.

Sau năm 1975, đất nước bước vào thời kì mới với nhiều đổi thay của đời sống hòa bình, Lê Minh Khuê lại tiếp tục lặn lội, đào sâu vào hiện thực ấy để sáng tác. Và Lê Minh Khuê khẳng định: nhà văn dù ở cương vị nào, hoàn cảnh nào đều phải có trách nhiệm với những gì mình viết, trung thực, cẩn trọng trong từng con chữ: “đã làm nhà văn nên nghĩ mình viết lách sao cho như người thợ lành nghề, không được làm ẩu. Tôi rất ghét những người đan lát, dối trá, chữ nghĩa cứ tuôn ra rào rào, in ấn ào ào, không có thời gian đọc lại cái mình viết. Điều đó giống như tình trạng làm hàng giả đang đầu độc cuộc sống.” [51]. Nhà văn lại càng không thể “xoàng xĩnh” vì đó cũng là một cách để tôn trọng người đọc khi họ cầm trên tay bản thảo của mình, muốn vậy, nhà văn “cần phải cẩn thận từng dấu chấm, dấu phẩy, cách dùng chữ, cách diễn đạt cảm xúc.” [101].

Và, nhà văn cũng phải luôn trau dồi thêm kiến thức, kinh nghiệm sống, đặc biệt phải có “đời sống riêng tư ở chiều hướng tinh thần, tránh nạp quá nhiều thông tin thời sự vật từ báo chí.” [99], phải có ý thức sáng tạo của riêng mình: “làm thế nào để không bị hời hợt... Không nên viết ra những điều vô nghĩa.” [101].

Như vậy, để viết văn và trở thành một nhà văn chân chính, đòi hỏi người nghệ sĩ phải trải qua quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, nghiêm khắc với chính bản thân mình. Ngay Lê Minh Khuê cũng thừa nhận “Con đường viết văn nghiêm túc rất mệt” [99]. Nhưng cho dù phải trải qua nhiều vất vả, gian nan hơn nữa, người đọc vẫn tin rằng Lê Minh Khuê vẫn sẽ tiếp tục sáng tác với niềm say mê đáng trân trọng để như bà khi nói về mục đích viết văn chương của mình: “làm cho người ta tha thứ cho nhau, thương yêu nhau hơn, sống hòa bình hơn.” [51].

1.3.3. Quan niệm nghệ thuật về con người của Lê Minh Khuê

1.3.3.1. Quan niệm nghệ thuật về con người

Con người là trung tâm của văn học, điều đó cũng có nghĩa là: con người là nơi bắt đầu của mọi sự khám phá của văn học. Vì, thông qua việc xây dựng hình tượng con người, nhà văn thể hiện mọi suy nghĩ của mình về thế giới xung quanh và đến lượt mình, văn học lại phản ánh nó vào trong con người. Do đó, văn học và con người có mối quan hệ hai chiều. Quan niệm nghệ thuật về con người là khái niệm cơ bản nhằm thể hiện khả năng khám phá, sáng tạo trong lĩnh vực miêu tả, thể hiện con

người của người nghệ sĩ nói riêng và thời đại văn học nói chung. Theo Trần Đình Sử: “*Quan niệm nghệ thuật về con người là một cách cắt nghĩa, lí giải tâm hiểu biết, tâm đánh giá, tâm trí tuệ, tâm nhìn, tâm cảm của nhà văn về con người được thể hiện trong tác phẩm của mình*” [74, tr. 41]. Như vậy, theo cách hiểu đó thì nhà văn bằng mọi phương thức của mình đi vào góc ngách của con người để mổ xẻ, phân tích và cuối cùng đúc kết thành các nguyên tắc, để thông qua đó, phát hiện được những giá trị của con người và giá trị triết lí sâu xa của tác phẩm. *Từ điển Thuật ngữ văn học* định nghĩa quan niệm nghệ thuật về con người “*là hình thức bên trong của sự chiếm lĩnh đời sống, là hệ quy chiếu ẩn chìm trong hình thức nghệ thuật, nó gắn với các phạm trù phương pháp sáng tác, phong cách nghệ thuật, làm thành thước đo của hình thức văn học và là cơ sở của tư duy nghệ thuật*” [32, tr. 275]. Nhìn chung, mặc dù khác nhau về cách thức diễn đạt nhưng các định nghĩa trên đều nói đến cái cốt lõi của vấn đề quan niệm nghệ thuật về con người. Nói một cách dễ hiểu thì quan niệm nghệ thuật về con người là cách cảm nhận, cách đánh giá, cách cắt nghĩa, lí giải mang tính chủ quan của tác giả về con người bằng nhiều phương thức khác nhau. Mỗi nhà văn phản ánh thế giới và con người theo một cách riêng, tư duy nghệ thuật và cảm hứng thẩm mỹ của họ vì vậy cũng bị chi phối theo. Do đó, quan niệm nghệ thuật về con người đối với mỗi nhà văn trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử, xã hội và dân tộc cũng sẽ khác nhau: quan niệm nghệ thuật về con người của văn học trung đại sẽ khác văn học hiện đại, quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp không giống nhà văn Nguyễn Minh Châu,...v...v.

Quan niệm nghệ thuật về con người cũng là một nhân tố cho thấy sự vận động, biến đổi và phát triển của nghệ thuật vì nó cho phép người nghệ sĩ có thể xem xét con người trong chiều sâu bản thể của nó và đây cũng là “*tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá giá trị nhân văn vốn có của văn học, là cơ sở chắc chắn nhất để nghiên cứu tính độc đáo của các sáng tác nghệ thuật*” [35, tr. 12]. Và khi nhà văn miêu tả và thể hiện về con người - kết quả của sự vận động ấy thì sẽ làm văn học đổi mới và phát triển.

1.3.3.2. *Quan niệm nghệ thuật về con người của Lê Minh Khuê*

Trước năm 1975, quan niệm nghệ thuật về con người trong sáng tác của Lê Minh Khuê cũng như trong sáng tác của các nhà văn đương thời thì con người được miêu tả

và nhìn nhận: là con người phơi phới lạc quan, dù gặp muôn vàn khó khăn gian khổ, nhưng cuối cùng nhất định vẫn chiến thắng. Các nhà văn thời kì này say mê sáng tác về những con người như thế. Và, Lê Minh Khuê đã không đứng bên lề lịch sử, bà đã dẫn thân vào tuyến lửa Trường Sơn, làm tròn nhiệm vụ và trách nhiệm của người nghệ sĩ: dùng ngòi bút để cổ vũ, động viên, phục vụ cho cuộc chiến đấu.

Với thời gian đã từng tham gia thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê viết với sự hăng hái, đam mê và cuốn hút về những con người như bà trong tâm trạng hưng phấn lãng mạn tột độ vì lúc này tất cả đều đang sống trong lí tưởng cách mạng của thời đại. Vì vậy, trong tác phẩm của Lê Minh Khuê, người đọc thấy ngôn ngữ, giọng điệu của bà thật trong sáng. Lê Minh Khuê miêu tả những con người quả cảm ấy (cô Vân, cô Nguyên, Thao, Nho, Mua, ...v.v) hết sức hồn nhiên, vô tư và đầy trù mến, thương yêu. Vân trong *Bạn bè tôi*: cô nàng là lái xe ở Trường Sơn, tính tình ngay thẳng, bộc trực, mạnh mẽ như con trai, chẳng “kiểu cách tí nào” [43, tr. 35] như lời nhận xét của nhân vật “Tôi” trong truyện: “Nó lớn lên ở đồng cỏi Ninh Bình - “quần quật từ sáng đến đêm dưới đồng, ngâm nước, người sưng ra như cái bánh đa ngâm nước gạo thì giờ đâu mà ăn nói cho có duyên? Đây, chúng mày xem: chân thì nứt toác ra như chân ruộng hạn nhá. Da mặt thì người ta tưởng là cái nồi rang. Đi đứng thì, đến đâu chết voi đến đấy”...” [43, tr. 35]. Nhưng Vân vẫn là một cô gái đẹp, cái đẹp hiển hiện ra từ những cái rất bình thường, dân dã qua cảm nhận của nhân vật “Tôi”: “Thực ra, nó có duyên lắm cơ, không đẹp, nhưng dễ thương, với cái cười cười mở, cái nốt ruồi nhỏ ở sống mũi. Và đôi mắt lúc nào cũng mở to, khi thì nghiêm nghị, khi thì hiền hòa” [43, tr. 35]. Và cái đẹp ở con người Vân không chỉ toát ra từ những miêu tả bề ngoài, nó còn hiện lên qua phẩm chất bên trong: “...không va quệt thì bị bê lên, ném từ nơi này sang nơi kia. Xe bị ném vào một chỗ nào đấy...nhưng không bao giờ chịu bó tay” [43, tr. 44]. Những con người như thế, không chỉ có Vân, còn có tiểu đội trưởng của Nguyên. Anh đã bỏ lại sau lưng tất cả, mà theo Nguyên hình dung, thì đó là một lớp học ở làng quê với tiếng đập quần áo quen thuộc ở cầu ao và giấc ngủ trưa hè dưới bóng tre xanh rượi... “ở đằng kia. Ở nhà. Và đến đây. Với cái áo lung đẫm mồ hôi ngay cả trong mùa rét. Da sạm đen đi vì sốt rét...” [43, tr. 43].

Lê Minh Khuê viết về họ trong sự ngưỡng mộ với tình cảm trân trọng, tha thiết. Những con người đó thật đẹp, họ để lại trong Lê Minh Khuê cái ấn tượng sâu đậm về một thời tuổi trẻ đầy nhiệt huyết. Chính tâm hồn đẹp đẽ của họ đã làm biến đổi những con người như Mai (*Nơi bắt đầu của những bức tranh*), Hòa (*Con trai của những người chiến sĩ*), và khiến họ phải xem xét lại mình để sống đúng hơn, có trách nhiệm hơn với thời cuộc. Trong *Những ngôi sao xa xôi*, Lê Minh Khuê viết về những cô gái thanh niên xung phong giống như bà và chính sự dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì quê nhà của họ đã tác động mạnh mẽ đến Lê Minh Khuê.

Nhưng bên cạnh những con người sẵn sàng xông pha chiến trận đó, còn có một lớp người bắt đầu lui về tía tốt, chăm bẵm cho cuộc sống phía sau của mình. Lê Minh Khuê đã sớm phát hiện ra họ. Đạo còn ở chiến trường, Nguyên (*Anh kĩ sư đạo trước*) cũng như Thi, sống hăng hái, là những con người dễ gần gũi, có đôi bàn tay mà theo Thi cảm nhận, đó là “hai bàn tay gầy guộc, có những ngón cứng cáp, có cảm giác nó dũng cảm lắm” [49, tr. 280]. Đôi bàn tay đã cùng bọn Thi sửa máy khi xe hỏng dọc đường, nó nhem nhuốc và hôi sì nhưng Thi lại thấy “đẹp mà gần gũi lắm cơ” [49, tr. 280], còn bây giờ thì “trắng xanh, múp míp” [49, tr. 280] và khuôn mặt cũng trở nên “xa lạ, vô vị và nhợt nhạt” [49, tr. 280]. Nguyên đã khác xa so với Thi và cũng khác hẳn so với Nguyên của “đạo trước” đến nỗi, Thi thậm nghĩ “cuộc sống của anh dừng lại rồi, giống cái võng ru ngủ”, còn cuộc sống của Thi đang ngoài kia với “biết bao gian khổ”. Hay là Hòa trong *Con trai của những người chiến sĩ*: “Đối với anh, cuộc sống như một ngày hội huy hoàng mà anh lướt đi trên đó, không va chạm, không dính líu với một cái gì. Anh có sẵn từ chiếc áo đến bữa cơm thường ngày và chưa bao giờ anh nghiêm nghị tự hỏi nó ở đâu ra?...” [43, tr. 158].

Những con người như thế chỉ là một phần rất nhỏ, nó đối lập hoàn toàn với cuộc sống ngoài kia: nơi cái chết đang đe dọa từng ngày, nơi có những con người cùng lứa tuổi với họ đang dũng cảm chiến đấu vì lí tưởng hào hùng của dân tộc. Đây mới là số đông. Do đó, viết về những con người ấy, Lê Minh Khuê thực sự tin tưởng vào họ vì họ có chung chí hướng với bà.

Có thể thấy, trong các sáng tác của Lê Minh Khuê trước năm 1975 nói riêng và của các nhà văn đương thời nói chung, con người hiện lên đẹp đẽ, hoàn hảo trong cái

nhìn đậm tính lí tưởng và sự ngưỡng mộ. Nói như cách nói của Niculin (nhà nghiên cứu văn học Nga) khi tìm hiểu về nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu, là nhân vật luôn được nhà văn “tắm rửa sạch sẽ” và “bao bọc trong một bầu không khí vô trùng”. Vì vậy con người hiện lên chỉ trong cái nhìn một chiều, sơ lược, giản đơn, khô cứng, là con người của tập thể, của cộng đồng, hành động theo tiếng gọi của lí tưởng. Truyện ngắn của Lê Minh Khuê trước năm 1975 (các truyện được tập hợp trong tập *Những ngôi sao xa xôi*) cùng với tác phẩm của các tác giả khác đã góp phần vào việc xây dựng và ngợi ca vẻ đẹp lung linh, kì ảo của cuộc sống và tâm hồn con người trong chiến tranh với tâm niệm tất cả vì sự sống còn của dân tộc, của đất nước.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, Lê Minh Khuê đã không để lại nhiều ấn tượng cho người đọc. Điều đáng chú ý hơn cả, là cùng với thời gian và những kinh nghiệm sống của mình, nhà văn đã có một độ lùi cần thiết để tạo ra những bút phá trong các sáng tác tiếp theo. Sự quan sát tỉ mỉ cùng những phát hiện mới mẻ về cuộc sống con người sau năm 1975 sẽ là sự khơi gợi và chờ đợi của người đọc đối với cây bút này.

Ở báo cáo đề dẫn tại Hội nghị khoa học “Văn xuôi Việt Nam sau năm 1975” (Lê Tiến Dũng) của trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh năm 1990 (đăng trên tạp chí Cửa Việt, số 6/1991) đã chỉ rõ: “Trong văn xuôi sau năm 1975, quan niệm nghệ thuật về con người đang dần dần hướng về con người cá nhân, con người của những số phận riêng tư.....Từ những hình tượng tập thể và quần chúng, văn xuôi ngày càng quan tâm xây dựng các hình tượng có tính chất, có cá tính và có số phận riêng tư. Từ những hình tượng tiêu biểu cho ý chí cách mạng, văn xuôi giai đoạn này đã xây dựng nên những tính cách đầy đặn trong mối liên hệ nhiều chiều của con người.”. Nằm trong dòng chảy chung của văn xuôi, truyện ngắn Lê Minh Khuê đã xây dựng hình tượng con người với những góc cạnh khác nhau, đánh giá con người trên nhiều thang bậc giá trị của cuộc sống. Chính vì vậy, con người trong tác phẩm của bà sau năm 1975 hiện lên trong nhiều bình diện: là con người gần gũi với cuộc sống thời mới hòa bình, là con người lo toan, tất bật khi đất nước trong thời bao cấp khốn khó, cơ cực, và còn là con người của cuộc sống hôm nay với nhiều ưu tư trầm lắng đối lập với sự sôi động của nền kinh tế thị trường. Đất nước đã hòa bình rồi, cuộc sống đã sang trang, nhà văn cũng phải có những biến đổi trong tư duy nghệ

thuật và cách thức thẩm mỹ để không tụt lại phía sau. Quan trọng hơn, nhà văn phải phản ánh đúng hiện thực cuộc sống như những gì nó vốn có, phản ánh cả bề nổi và phần còn chìm khuất của con người mà trước đây chúng ta bị lí tưởng che mờ đi. Cuộc sống hôm nay phong phú và phức tạp, như Nguyễn Khải từng nói trong *Gặp gỡ cuối năm*: “*Tôi thích cái hôm nay, cái hôm nay ngổn ngang, bề bộn, bóng tối và ánh sáng, màu đỏ với màu đen, đầy rẫy những biến động, những bất ngờ, mới thật là mảnh đất phì nhiêu cho các cây bút thả sức khai vỡ*”. Đi sâu vào cuộc sống sau chiến tranh, Lê Minh Khuê nhận diện, phát hiện con người đã bắt đầu có những đổi thay đáng ngờ. Điều quan trọng là chính bản thân con người không nhận thức ra sự thay đổi đó đang theo chiều hướng xấu đi. Thậm chí, con người có thể đã nhận ra nhưng lại tự bao biện cho mình bằng những lí do tưởng chừng rất cần thiết và chính đáng. Tân trong *Một chiều xa thành phố* là một kiểu nhân vật như thế. Cuộc gặp gỡ giữa Tân và cô bạn thân thuở nào tưởng rằng đã để lại nhiều ấn tượng khó phai trong lòng Tân, và điều đó càng nhắc cô sẽ nhớ tới nó. Chứng kiến cảnh vất vả, nhếch nhác của mấy mẹ con Viện, Tân đã động viên, và hứa sẽ giúp Viện cũng như hứa với lòng mình “phải đưa Viện ra khỏi cảnh sống ấy thôi. Phải lo ngay cho viện đi học” [49, tr. 247]. Nhưng ngày tháng trôi qua, một tháng, đến tết, sau tết, đến mùa xuân, mùa hè, lại sang thu, rồi một năm qua đi mà Tân vẫn chưa thực hiện được lời hứa của mình vì cô còn mãi bận bịu với những thú vui “ích kỉ sạch sẽ của mình”: kết thân với giới thượng lưu. Khi được chồng nhắc đến lời hứa năm nào với Viện, Tân đã lờ đi, tự biện hộ “Mình cũng tốt với bạn quá đi chứ, nếu không thì sao lại đến thăm, sao lại hứa. Chỉ có điều mình ít thì giờ quá...” [49, tr. 249]. Và cô bạn mến yêu của Tân hằng ngày vẫn chờ mong một lá thư như chờ mong một sự đổi đời đang ở phía trước: “mình sẽ đi học lại. Mình phải học để theo kịp bạn bè. Chỉ cần Tân giúp mình. Chỉ cần nhận thư của Tân là mình thu xếp ngay...” [49, tr. 250]. Nhưng lá thư ấy sẽ chẳng bao giờ đến vì Tân còn đang bận tìm cách chạy cho được một chân làm thư kí giao dịch ở các nước Châu Âu. Vậy là lời hứa của Tân cũng theo gió thoảng bay đi. Ở tác phẩm này, cách nhìn nhận con người của Lê Minh Khuê đã rẽ một bước ngoặt khác hẳn so với những nhân vật trước đây của bà. Trong truyện, nhân vật Tân đã được miêu tả từ góc cạnh con người cá nhân, con người đời tư. Nó không bị chi phối bởi

chủ nghĩa lãng mạn - anh hùng như trước đây nữa, giờ đây con người cần được xem xét ở khía cạnh bản thể của nó. Những con người như Tân, chúng ta rất dễ bắt gặp trong đời thường. Hiện thực cuộc sống với những thứ hấp dẫn mới đã cuốn con người đi, khiến họ bỏ qua nhiều điều đáng quý, đáng trân trọng. Đôi khi, thậm chí con người đâu biết rằng: những điều đó có thể là nơi bầu vú, nơi đặt hi vọng của những người khác.

Văn xuôi sau năm 1975 nhìn con người theo hướng đời tư thế sự, là con người trong cuộc sống đời thường được đặt trong hàng loạt các mối quan hệ chằng chịt, phức tạp, lắm khi oái oăm, không đoán được trước bất cứ điều gì. Và con người đúng như nhận xét của M.Bakhtin: con người “không bao giờ trùng khít với chính mình” [70]. Điều này, có nghĩa là: con người luôn thay đổi không ngừng. Chính thông qua các hoàn cảnh, các môi trường, con người vừa bị biến đổi và cũng tự biến đổi mình. Như vậy sẽ cần một cái nhìn hoàn thiện hơn để có thể soi thấu vào bản chất con người và có thể chấp nhận con người như bản thể của nó. Vì, con người theo Mac là “tổng hòa của các mối quan hệ xã hội”. Và con người không chỉ có phần “người” - phần làm nên những điều tốt đẹp, con người còn có phần “con” - phần dễ có nguy cơ nảy nở, phát sinh thú tính vốn có sẵn trong con người mà khi có điều kiện nó sẽ đơm hoa, kết thành thứ quả độc đến đâu thì chưa ai lường hết được.

Sau chiến tranh đất nước rơi vào tình trạng nghèo nàn, con người lo sợ cái đói, cái chết còn hơn cả trước kia. Vì vậy mà họ vô vấp, mê toi trong tất cả mọi thứ. Lóa mắt trước đồng tiền và sự ảnh hưởng của xã hội hàng hóa, Kim (*Dòng sông*) lúc nào cũng hồ hởi, vội vã, thậm chí đi buôn cùng người tình. Hàng hóa cô mang về chất chật cả ngôi nhà chỉ chục mét vuông, nhưng rồi một ngày tình tan vỡ, tiền ra đi không đòi lại được, Kim quay trở về là một cô bé ngoan hiền xưa kia. Cũng với lối suy nghĩ thực dụng và tôn thờ chủ nghĩa vật chất, Bích (*Những người đàn bà*), Thu, Đức (*Một ngày đi trên đường*) trước sự xô bồ của cuộc sống đã nông cạn cho rằng những cái mới, cái lạ mà mình đã gặp chắc chắn là cái tốt, cái đẹp “Ở nhà bà cô mình, rửa bát cũng dùng một miếng mút to tướng, ở ngoài này ấy mà, mình mặc cái quần vải hoa cũng phải lén lén trong nhà, không dám ra cửa. Còn ở Sài Gòn, các cô em con bà cô mình lúc đi ngủ toàn mặc một thứ voan trắng toát. Nhà bà cô mình ấy, nấu cơm bằng nồi cơm

điện của Nhật. Chiều ni lông cũng của Thái Lan nhé....” [49, tr. 188]. Và thật buồn khi họ hạ thấp bản thân trong sự so sánh đối chiếu với vật vô tri vô giác “Mình cứ nghĩ đi nghĩ lại, thật lâu nay mình sống không ra người nữa... Ngay cái rỏ, cái rá trông cũng thật văn minh, toàn bằng nhựa” [49, tr. 188]. Sự ham hố vật chất ấy quả là có sức quyến rũ mạnh mẽ với con người, nó làm con người biến chất, thay đổi. Và sự thay đổi mà con người sợ hãi nhất là nhân cách thì giờ đây nó đang hiện hữu và tàn phá con người. Nó làm con người trở nên sắc lạnh, trơ tráo và vô cảm. Sánh (*Những ngày trở về*), cô con dâu mà bà giáo Hải chọn lựa cho con trai mình, tin rằng Sánh sẽ là một người vợ đảm đang, tháo vát, chu toàn. Và Sánh đúng như mơ ước của mẹ chồng, cô đã tháo vát đến phát sợ. Sự lạnh lợi của cô đã khiến những người trong gia đình và cả những người sống xung quanh khu tập thể hãi hùng. Ban đầu nó chỉ là những điều nhỏ nhỏ như sự vô ý tứ, thiếu lễ độ trong đối xử với hàng xóm, về sau nó trở thành hành động lì lợm, trơ trẽn: xây bếp để lấn chiếm lối đi, ăn cắp dầm sắt của hàng xóm,..... Đáng nói hơn, sự xác xược, lì lợm của cô đã lan sang những người sống bên cạnh như một phản ứng dây chuyền: trẻ con trở nên hỗn láo, người lớn bắt đầu giành giật, tranh chấp nhau từng mi li mét vuông của khoảng sân chung. Vì, trước hành động và việc làm của cô, người ta thấy “cần phải chen lấn lên để cho cái ác kia đừng đè bẹp mình” [49, tr. 125]. Rõ ràng cái ác, cái xấu nếu không có sự ngăn trở, nó sẽ tiếp tục trỗi dậy, sinh sôi nảy nở và kích thích sự phát triển của một cái xấu, cái ác khác. Viết về con người trong môi trường của cái ác, cái xấu, nhà văn cho thấy sự tác động đến mức hủy diệt của nó đối với con người và con người cần phải lên tiếng, mạnh dạn hành động để chống lại cái ác, cái xấu, bảo vệ cái đẹp, cái thiện. Cũng chủ trương viết về cái xấu, cái ác và truy đuổi nó đến tận cùng, Lê Minh Khuê đã phát hiện ra một dạng người biến chất do tham vọng của quyền lực và địa vị mang lại. Ông Tuyên (*Bi kịch nhỏ*), vị quan đầu tỉnh, một trí thức xuất thân trong gia đình phong kiến địa chủ, ông là người có tham vọng quyền lực lớn lao và ông đã dùng mọi thủ đoạn để đạt được quyền lực. Ông bỏ rơi vợ con, kể cả khi vợ ông chết, ông cũng không thèm gặp mặt vì sợ liên lụy, và ông tạo cho mình một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài bằng cách cưới một bà vợ khác “có lí lịch trong sạch, hoàn toàn đảm bảo, xuất thân từ bản cố nông”. Để lập thành tích và che đậy cho sự trả thù tức tối của mình với

cuộc đời, ông Tuyên đã ra lệnh huy động hàng trăm thanh niên đi làm thủy lợi tại vùng địa chất không ổn định và tai họa đã đến với họ, hay việc ông yêu cầu hàng ngàn thanh niên đi lắp hố bom giữa ban ngày, để bom Mỹ “tha hồ nướng thịt con em”. Những cuộc sát sinh nhân danh tập thể ấy, ông Tuyên đã tính toán “một mũi tên trúng hai đích” : vừa hả hận lại vừa được tuyên dương. Nhân vật ông Tuyên, một loại người duy ý chí rất có ý thức về quyền lực, đã bất chấp quy luật đời sống, áp đặt ý chí chủ quan lên người khác nên đã gây ra những đau đớn, mất mát cho đồng loại. Và cái kết của truyện đem lại cho người đọc sự bất ngờ: người ta tưởng đây chỉ là câu chuyện tình éo le khi anh em ruột do một sự cố nào đó, xa nhau về không gian địa lý, trắc trở chưa bao giờ gặp mặt nên đã yêu nhau. Nhưng sâu sắc hơn, Lê Minh Khuê đã truy đuổi ráo riết cái ác: Cay và Quang bị đẩy vào tội loạn luân, Quang đau đớn tự kết liễu đời mình. Đó là kết cục bi thảm của người đời sau phải gánh chịu do sự tàn nhẫn, độc ác của người đời trước gây ra.

Xây dựng hình tượng nhân vật này, Lê Minh Khuê đem đến quan niệm toàn diện hơn về con người, góp phần vào những đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người ở văn xuôi Việt Nam sau năm 1975: nhìn con người trong sự khách quan và đa dạng của nó như Nguyễn Minh Châu từng nói “trong con người lẫn lộn người tốt, kẻ xấu, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ” [16, tr. 133].

Chiến tranh đã lùi xa mấy chục năm, con người đang phải đương đầu với cuộc sống nhiều bon chen khiến họ trở nên lạnh lùng, tàn nhẫn. Cơ chế mới của nền kinh tế thị trường với sự lên ngôi và ngự trị của đồng tiền làm con người dần trở nên mục ruỗng và mất hết bản tính lương thiện, sống vô cảm, ích kỉ, tham lam với mọi người và với chính mình..., Lê Minh Khuê muốn gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh con người.

Trong *Đồng đô la vĩ đại*, hai anh em An và Khang sẽ chẳng xảy ra chuyện gì nếu như không có việc cô Trang ở bên trời Tây gửi những đồng tiền đô về để chăm sóc thằng Nghèo. Và thế là bọn chúng luân phiên chờ đợi tới ngày được “rước” thằng em ngớ ngẩn, bản thủ về nhà mình chẳng phải vì tình ruột rà máu mủ gì, chỉ đơn giản là vì có như thế mới được tiền, mà lại là tiền “đô”. Và thằng nào trong chúng cũng nhận ra đây là một cái kho. Mà đã là kho thì ai chẳng muốn chiếm giữ. Thế là thằng Nghèo bị giữ bên này lâu hơn bên kia, dẫn tới sự phân chia không đều và anh em chúng đã

tức tối đến nỗi chém giết nhau..... Mãi chạy theo đồng tiền, chúng “quên” mất tình anh em ruột. Con người vô tình trở thành nô lệ cho đồng tiền. Đồng tiền quả là có sức mạnh “vĩ đại”. Nó khiến phần “người” bị thui chột đi và làm sòng dậy bản chất thú tính. Và với sức mạnh vô song, nó tiêu diệt hoàn toàn những mối quan hệ vững chắc của con người. Cha con ông Thiến, Thán trong *Anh lính Tony D*: Hai con người tham lam gặp nhau và chính lòng tham này khiến họ nảy sinh mâu thuẫn, quay ra nghi ngờ lẫn nhau. Để yên tâm rằng ông Thiến không lấy trộm tiền của mình trong lúc đi ra ngoài, thằng Thán đã bắt bố nó phải cắt đứt một đốt ngón tay để thề. Thật xót xa khi cha và con đều cùng một giuộc như nhau. Đồng tiền đã len lỏi vào tận hang cùng ngõ hẻm, làm cho sợi dây huyết thống vốn cứng cáp, bền chặt bỗng trở nên lỏng lẻo, mong manh. Đôi khi đồng tiền biến con người thành một thứ trò chơi quái ác khi nó xâm phạm đến tình cảm thiêng liêng nhất trên đời: tình yêu. Tức tối vì cho rằng lòng tự trọng bị tổn thương, Vĩnh (*Đồng tiền có màu xanh huyền ảo*) đã dùng tiền để bạn mình quyến rũ rồi bỏ rơi một cô gái. Nhưng cái kết cục không như mong đợi của anh. Đồng tiền lúc này chỉ là một công cụ của con người. Con người điều khiển nó chứ không để nó điều khiển lại mình.

Sự sa sút trong nhân cách do bị đồng tiền cám dỗ không chỉ được Lê Minh Khuê phản ánh theo những cách thức đơn giản. Những con người làm nô lệ cho đồng tiền đã đành một nhẽ nhưng cũng có những con người bị đồng tiền, theo cách gián tiếp, làm cho biến dạng trong nhận thức, cuối cùng bị hút vào vòng xoáy vô tận. Anh em lão Tê, Tái trong *Những kẻ chờ sung*: Tiền chưa thấy đâu, chỉ vì một lá thư hứa hẹn “trời ơi” nào đấy mà đang sống yên ổn bỗng chốc mất tất cả. Cũng vì muốn có tiền để hút thuốc phiện mà người cha đã đang tâm bán đi đứa con của mình (*Sân gôn*). Cũng bàn về cái ác, cái xấu, nhưng truyện gần đây nhất của Lê Minh Khuê đang gây xôn xao dư luận: *Nhiệt đới gió mùa* (2012) - truyện dài nhất và ấn tượng nhất trong tập truyện cùng tên của tác giả. Truyện kể về sự khốc liệt của chiến tranh nhưng không phải từ chiều kích hiện thực, từ những mất mát đau thương mang tính vật chất mà nó hiện lên từ tình người. Một câu chuyện hòa lẫn máu và nước mắt của một gia đình Hà Nội thuộc vào loại nề nếp gia phong và có tiếng tăm ở đất kinh kì. Chuyện bắt đầu bằng việc ông Cơ có vợ lẽ, con riêng và cuộc gặp gỡ giữa hai người đàn bà đã trở

thành định mệnh cho cuộc đời của hai thằng con sau này. Trong lúc xô xát, bà vợ lẽ vấp ngã, găm một con mắt vào chiếc đinh. Hình ảnh đau đớn của người mẹ khi ôm mặt khóc đã ăn sâu vào kí ức của Phong, trở thành hạt mầm của sự thù hận. Để khi gặp lại Hiếu, người anh cùng cha khác mẹ nhưng giờ hai người đang ở hai chiến tuyến đối lập nhau và Hiếu đang là tù binh của Phong, hạt mầm thù hận ấy vô tình đã nảy nở thành một thứ quả độc trên đất phù sa của vị thế. Nó làm mất đi bản tính người trong Phong. Phong đã khoét một con mắt của Hiếu để trả thù cho mẹ anh năm nào và thật ghê tởm khi anh cho đó là công bằng: “Thế là huề nhá, anh Hiếu” [56, tr. 47]. Nhưng khi gió đổi chiều, Phong lại trở thành kẻ thua trận và Hiếu đã không ngần ngại sử dụng mọi quyền lực trong tay của kẻ thắng trận để đẩy Phong vào những trại giam lạnh lẽo giá buốt nhất, nơi mờ mịt ngày trở về. Giữa Phong và Hiếu: lòng thù hận đã đẻ ra thù hận, càng thù hận, con người càng dễ đánh mất nhân tính của mình. Và câu chuyện đó với những chấn động khốc liệt của nó đã mang một ý nghĩa khác: chiến tranh làm con người trở nên đẹp đẽ hơn với biết bao phẩm chất (lòng dũng cảm, sự hi sinh quên mình, ...) nhưng cũng chính chiến tranh đã làm thui chột đi những bản tính lương thiện vốn có và nảy nở những hành động man rợ của con người. Truy đuổi cái ác đến tận cùng, Lê Minh Khuê muốn kết thúc của nó là cái ác bị dập tắt, lòng thù hận của con người được hàn gắn bằng sự vị tha và tình yêu mến, bằng khát khao được sống lại một cuộc đời khác tươi sáng hơn.

Cũng nói đến tính chất hai mặt của chiến tranh, với một độ lùi cần thiết, Lê Minh Khuê miêu tả về những con người đã từng khoác áo lính nay trở về trong cuộc sống đời thường và họ bị đặt trong hai hoàn cảnh hoàn toàn đối lập nhau để bộc lộ bản chất thực sự của con người. Thắng và Cúc trong *Đạo đó thời chiến tranh* là một cặp đôi tuyệt đẹp. Họ đến với nhau trong sự ngưỡng mộ đầy chất lí tưởng. Lúc ấy, Thắng hiện lên như một anh hùng: dũng cảm, giỏi giang, đáng để người khác mơ ước “Hàm râu quai nón xanh xanh trên mặt càng khiến anh thêm đẹp. Anh chỉ huy rất giỏi, không một ai bị thương, không một đêm nào xe tắc...” [49, tr. 144]. Tình yêu của Cúc dành cho anh cũng tự nhiên, đầy trong sáng. Tình yêu ấy nảy nở từ những gian khó hi sinh của cuộc chiến “cô y tá mắt ráo hoảnh, đỏ ngầu vì đau khổ, gọi tên anh như một người mê sảng” [49, tr. 145] khi Thắng bị thương. Ấy vậy mà, sau chiến tranh, ở một

môi trường khác, con người thay đổi hoàn toàn. Nhưng chỗ cho những ngưỡng mộ tin yêu là sự thất vọng trước cái bạc nhược, giả tạo và hèn dốt, đến nỗi Cúc đã mỉa mai Thắng “Vị anh hùng của các anh đấy” [49, tr. 151]. Trước những khó khăn của đời sống, Thắng chỉ biết đổ lỗi cho hoàn cảnh “cái thời buổi này, cái hoàn cảnh này, nó có sức mạnh vô song trong lĩnh vực tiêu diệt tình yêu” [49, tr. 151]. Và anh sống nhu nhược, không biết vươn lên cải hóa nó. Đến nỗi, con cái, vợ chồng đều phải sống trong tù túng, chật chội, “chuột bò qua người, con bóc cả chuột chết để chơi” [49, tr. 148]. Thiếu thốn về vật chất đã đành nhưng sự sa sút về tinh thần thì không thể đổ lỗi hoàn toàn cho hoàn cảnh. Thắng khinh miệt người phụ nữ ở cùng khu tập thể với anh đến mức có thể gọi chị ta là “đồ cặn bã” nhưng trước mặt chị ta lại khúm núm một điều “bà chị kính mến”, hai điều “bà chị kính mến”. Xây dựng kiểu nhân vật như vậy, nhà văn còn muốn nói đến một khía cạnh khác. Đó là chiến tranh đã tạo ra hệ lụy cho chính nó và cho con người. Nó biến Thắng trở thành một thứ “rô bốt”, chỉ cần nghe lệnh là xông lên chiến đấu, khi môi trường thay đổi, “rô bốt” ấy bỗng ngỡ ngàng không tìm được hướng đi cho mình. Con người trở về sau chiến trận, muốn thích nghi với hoàn cảnh mới, cần có sự năng động, nghị lực và bản lĩnh. Hơn thế nữa, con người không phải có trong tay sức mạnh vạn năng để có thể chiến thắng mọi hoàn cảnh. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, con người không những phải có thái độ tích cực mà còn phải học cách hòa nhập thì mới có thể “chung sống lâu dài”.

Trong sự biến đổi không ngừng của đời sống, con người lại có những khoảng lặng vô hình để suy tư, chiêm nghiệm. Lê Minh Khuê đã quan tâm đến những khoảng lặng vô hình ấy, vì đó có lẽ là những “ẩn ức” sâu xa còn chìm đắm trong tâm hồn mỗi con người. Cuộc đời có những cơ hội không dễ bỏ qua nhưng con người nằm trong quỹ đạo bắt buộc của cuộc sống nên khó có thể thay đổi vận mệnh của mình. Vì vậy, nó trở thành những ám ảnh, trăn trở khiến con người sống mãi trong sự nuối tiếc xót xa..... Đó là hình ảnh người phụ nữ trong *Mong manh như là tia nắng*, chị đã gặp tình yêu sét đánh và trong phút chốc chị “kinh ngạc khi một lần trong đời phát hiện ra một con người đáng lẽ thuộc về mình, đáng lẽ hiểu mình, đáng lẽ có thể sống với mình” [49, tr. 307]. Nhưng, sự cách trở của hai bờ chiến tuyến đã dập tắt tất cả khiến chị và người tù binh nguy chỉ còn biết “buồn bã tuyệt vọng, khẩn cầu và cả hi vọng

cho cái gì đó còn ở phía trước” [49, tr. 307] và chị ao ước một lần nào đó “trong cuộc đời chỉ cần một phút được gặp lại” [49, tr. 307]. Trong con mắt của người con trai, chị có một cuộc sống rất đủ đầy và hạnh phúc, nhưng tại sao chị vẫn buồn? Vết thương tình yêu mãi chưa lành lặn trong tâm hồn chị cho dù “hai mươi năm đã trôi qua và mọi hàng rào đã được dỡ bỏ” [49, tr. 307]. Với giọng kể chậm rãi, dung dị, nhẹ nhàng, Lê Minh Khuê đã ghi lại cái khoảnh khắc rung động chớp nhoáng ấy trong tâm hồn con người bằng sự quan sát hết sức tinh tế. Nhà văn đã để cho người kể chuyện, cuối cùng rút ra một điều “đừng nên nhìn một con người bình thường với cái nhìn bình thường” [49, tr. 307]. Nếu như người phụ nữ trong câu chuyện trên mang lòng hoài niệm về một tình yêu trong quá khứ và luôn chờ đợi mong manh vào ngày gặp lại, thì My trong *Con mưa cuối mùa* và Hằng trong *Một buổi chiều thật muộn* lại được nhà văn khám phá từ một góc độ khác. Họ là những người luôn đi tìm hạnh phúc thực sự của mình bằng những khát khao vô bờ cho dù hạnh phúc đến với họ chỉ lóe lên trong giây phút. Tình yêu đến với My thật bất ngờ, nó làm cô bứt ra khỏi sự tối tăm của cái gọi là gia đình đang ngày làm cô trở nên “đần độn, trì trệ...., trở nên xấu xa, khốn nạn” [49, tr. 412]. Tình cảm ấy khiến cô thay đổi hoàn toàn, trong giây lát, cô bỗng thấy “hạnh phúc, nhẹ nhõm”, nhưng rồi thực tại đã kéo cô quay về, cô lại “trở nên lo âu, bứt rứt”. Tuy vậy, My vẫn cố gắng vươn lên để giành hạnh phúc cho mình, dù đó là những “ước vọng đâu đâu” và chỉ là “những điều tầm thường của đời sống” [49, tr. 419]. Còn với Hằng, lúc nào chị cũng đau đáu khôn nguôi về tình yêu đầu đời. Nếu như không có sự ngăn trở của quan niệm lạc lăm một thời thì có lẽ chị đã nắm trong tay hạnh phúc của đời mình.

Những người phụ nữ đó luôn cô đơn và lạc lõng trong bi kịch tình yêu, họ ao ước kiếm tìm hạnh phúc cho mình mặc dù nó xa vời, mỏng manh. Cái ngọn lửa ấy không bao giờ tàn lụi, nó âm ỉ và đến một lúc nào đó sẽ bùng lên dữ dội như sự khao khát tình yêu dung dị, đời thường. Với cách cảm nhận như vậy, Lê Minh Khuê đã thực sự có cái nhìn nữ tính: bà chia sẻ, lắng nghe và thấu hiểu bản chất sâu xa của con người ở cội nguồn của nó.

Trong xã hội tồn tại nhiều loại người khác nhau, để có thể miêu tả một cách đầy đủ nhất về con người, Lê Minh Khuê đã đặt con người trong những mối quan hệ phức

tạp để soi chiếu, nhằm rút ra những nhận thức mới mẻ. Cuộc sống là những gam màu, mỗi người sẽ chọn cho mình một màu thích hợp. Sống cho mình đã khó, sống cho người khác còn khó hơn. Vậy mà, trong tác phẩm của Lê Minh Khuê vẫn có những nhân vật ấy. Họ không chỉ sống cho bản thân mình, họ còn là chỗ dựa, là nguồn sống cho người khác: ông Tương (*Trong làn gió heo may*), bà Tuy (*Một đời*), Thắng, Na (*Làng xi măng*), bà Hòa (*Xóm nhỏ*),.....v..v trong họ ẩn chứa cái vẻ đẹp cốt cách của tâm hồn.

Tiểu kết

Trong dòng chảy văn xuôi nói chung, Lê Minh Khuê đã có những đôi mắt đáng ghi nhận. Đặc biệt là quan niệm nghệ thuật về con người. Lê Minh Khuê miêu tả và thể hiện con người từ góc độ con người sử thi - lí tưởng sang góc độ con người đời tư cá nhân với cảm hứng nhân sinh thế sự. Với góc độ đó, Lê Minh Khuê khám phá con người ở bề rộng lẫn bề sâu trong tâm hồn, soi chiếu con người ở nhiều chiều kích với những thang bậc giá trị khác nhau. Đồng thời, Lê Minh Khuê cũng đặt nhân vật trong nhiều môi trường, từ đó miêu tả một cách đầy đủ về bản chất con người: thiện - ác, đẹp - xấu, cao cả - thấp hèn..., cả những vùng tâm linh sâu kín nhất của con người.

Lê Minh Khuê cũng nhìn thấy con người đang bị chi phối mạnh mẽ của hoàn cảnh và con người đang trượt dốc về đạo đức, cái ác và bóng tối vẫn còn lẩn khuất trong con người, vì vậy con người phải giao tranh với nó để sống tốt đẹp hơn cho mình và cho cuộc đời.

Thái độ nghiêm túc sáng tạo văn chương của Lê Minh Khuê để tiến tới xây dựng quan niệm nghệ thuật về con người ngày càng hoàn thiện hơn cho thấy nội lực mạnh mẽ của cây bút truyện ngắn xuất sắc của văn học Việt Nam đương đại. Chân thực, sâu sắc, ý nghĩa trên từng trang viết, Lê Minh Khuê cùng những tác phẩm của bà luôn nhận được sự quan tâm chờ đợi của người đọc.

Chương 2

THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN LÊ MINH KHUÊ SAU NĂM 1975 NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG

2.1. Khái niệm thế giới nhân vật

2.1.1. Nhân vật

Trong cuốn *Lí luận văn học* (Phương Lưu chủ biên), nhân vật được định nghĩa: “nhân vật là con người được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm bằng phương tiện văn học” [59, tr. 277]. Có thể nói, quan trọng nhất đối với tác phẩm văn học là nhân vật vì nhân vật là yếu tố cấu thành nên nội dung tác phẩm và chỉ có thông qua nhân vật nhà văn mới thể hiện và khái quát được hết những cảm xúc, suy nghĩ mà mình muốn gửi gắm đến người đọc. Văn học không thể thiếu nhân vật, bởi đó là hình thức cơ bản để qua đó văn học miêu tả thế giới một cách hình tượng. Văn học và đời sống có mối quan hệ hai chiều: văn học phản ánh đời sống và ngược lại, đời sống phong phú, đa dạng, phức tạp sẽ tác động lên văn học, làm cho nó trở thành một hình thái ý thức xã hội. Trong mối quan hệ ấy, nhân vật đóng vai trò trung gian. Những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, những bức tranh thiên nhiên, những lời bình luận...đều góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm nhưng cái quyết định chất lượng tác phẩm văn học chính là việc xây dựng nhân vật. Đọc một tác phẩm, cái đọng lại sâu sắc nhất trong tâm hồn người đọc thường là số phận, tình cảm, cảm xúc, suy tư của những con người được nhà văn thể hiện. Vì vậy, Tô Hoài đã có lí khi cho rằng "Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thấy, giải quyết hết thấy trong một sáng tác" [59, tr. 279]. Nhân vật trong văn học rất phong phú, được thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: có thể là những con người được miêu tả đầy đặn từ ngoại hình đến nội tâm, hoặc là những người thiếu hẳn một nét nào đó, có khi nhân vật được sử dụng như một ẩn dụ, một hiện tượng nổi bật trong tác phẩm. Chẳng hạn như nhân vật chính trong *Chiến tranh và hòa bình* của Leptônxtôi là nhân dân, thời gian là nhân vật chính trong sáng tác của Sêkhốp, chiếc quan tài là nhân vật trong truyện *Chiếc quan tài* của Nguyễn Công Hoan... Tô Hoài nhận xét về *Chiếc quan tài*: "Trong truyện ngắn *Chiếc quan tài* của Nguyễn Công Hoan, nhân vật không phải là người mà là một chiếc quan tài. Nhưng chiếc quan tài ấy chẳng phải là vô tri mà là một sự thâm trầm, một bản án tố

cáo chế độ thảm khốc thời Pháp thuộc. Như vậy, chiếc quan tài cũng là một thứ nhân vật" [59, tr. 283], hay nhân vật có khi là thiên thần, ma quỷ....

Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

2.1.2. Thế giới nhân vật

Nói đến thế giới nhân vật là nói đến trí tưởng tượng phong phú của nhà văn. Nhà văn, trong tác phẩm của mình không chỉ xây dựng một nhân vật, mà là nhiều nhân vật khác nhau, thậm chí hàng trăm, hàng nghìn nhân vật như *Chiến tranh và hòa bình* (Leptônxtôi), *Tấn trò đời* (Banzac). Mỗi nhân vật đều có vai trò, chức năng riêng của mình để cuối cùng đi đến khái quát tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Một thế giới nhân vật phong phú sẽ đem lại nhiều bất ngờ cho người đọc. Nhưng chung qui lại, thế giới nhân vật trong tác phẩm bao giờ cũng thể hiện đời sống đa dạng của con người. Để nắm bắt được thế giới nhân vật đa dạng, phong phú, cần tiến hành phân loại chúng ở nhiều góc độ khác nhau như: Xét từ góc độ nội dung tư tưởng hay phẩm chất nhân vật; Xét từ góc độ kết cấu (Tầm quan trọng và vai trò của nhân vật trong tác phẩm); hay xét từ góc độ thể loại, chất lượng miêu tả, ..v..v. Nhưng, để xây dựng thành công thế giới nhân vật trong tác phẩm văn học, nhà văn phải có khả năng đồng cảm, phát hiện những đặc điểm bền vững ở nhân vật. Điều này đòi hỏi nhà văn phải hiểu đời và hiểu người.

Trong văn học hiện đại, thế giới nhân vật đã không còn nằm trong vòng tròn khép kín, được định sẵn về số phận mà luôn chứa đựng những thú vị và khám phá bất ngờ vì nó không còn vận động theo ý định sẵn có của nhà văn nữa mà đi theo logic nội tại của nhân vật. Chính điều này làm cho thế giới nhân vật trong tác phẩm có sự phát triển tự nhiên về hành động và tâm lí. Nhân vật ngày càng gần gũi hơn với con người và cuộc sống.

2.2. Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê

2.2.1. Thế giới nhân vật phong phú, đa dạng gắn với xã hội thời hậu chiến

Truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 đã để lại nhiều ấn tượng khó phai đối với người đọc bởi bà đã phản ánh và miêu tả đời sống từ mọi phương diện với cái

nhìn bao quát và khả năng chiếm lĩnh đời sống phong phú. Đặt nhân vật trong những mối quan hệ rối ren, trong những hoàn cảnh “không bình thường” của xã hội Việt Nam thời hậu chiến, Lê Minh Khuê đã đem đến cho người đọc những cảm nhận mới mẻ, sâu sắc. Thế giới nhân vật của bà nhờ đó trở nên thân thiết, gần gũi với độc giả, bởi thế giới nhân vật ấy đã đem lại những ý nghĩa nhân sinh sâu sắc mà không phải tìm kiếm đâu xa, nó vẫn hằng ngày hiện hữu quanh ta, trong ta. Qua khảo sát truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975, chúng tôi nhận thấy thế giới nhân vật của bà rất đa dạng. Trong chừng mực có thể, ở luận văn này chúng tôi tiếp cận thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 với ba kiểu nhân vật chủ yếu: Nhân vật tha hóa, nhân vật bi kịch và nhân vật tự ý thức.

2.2.1.1. Nhân vật tha hóa

Đây là “kiểu nhân vật thể hiện tập trung một loại phẩm chất tính cách nào đó của con người hoặc các phẩm chất, tính cách, đạo đức của một loại người nhất định của một thời đại” [32, tr. 197]. Tìm hiểu truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975, chúng tôi thấy nổi bật lên loại hình nhân vật tha hóa.

Sống trong một đất nước bị chia cắt lâu dài bởi chiến tranh với những bất ổn, con người dễ bị tha hóa và sa đọa, đáng sợ hơn, sự tha hóa ấy lại xuất phát từ những con người có học thức. Trong *Xóm nhỏ*, thằng Đáng, một sinh viên, sống với người cô hiền hậu (con riêng của ông nội), nó được chăm sóc và bao bọc trong tình yêu thương vô bờ bến của người bà cô ấy. Nhưng trong nó đã sớm nảy sinh ham muốn tước đoạt cái cơ ngơi nhỏ bé của bà. Ngày đầu ra đón bố con nó ở ga, bà Hòa vui mừng khôn xiết, nỗi vui mừng của một con người suốt đời sống cô đơn, tủi thân tủi phận cho mình nay được họ hàng nhớ đến là mừng lắm, quý lắm. Trong suy nghĩ của bà, rồi đây những ngày tháng tiếp theo sẽ không còn trống trải nữa vì đã có thằng Đáng. Bố mẹ nó gửi nó ở nhờ nhà bà để ăn học. Sự tha hóa của thằng Đáng đã bắt đầu ngấm ngấm kể từ ngày bố nó đưa nó lên đây. Và sự thật thà của người đàn bà suốt đời thiếu thốn tình cảm gia đình ấy đã lóe lên những rắp tâm của nó. Bà Hòa đã chăm bẵm, chiều chuộng nó như đứa con ruột của mình vì bà nghĩ dù gì cũng máu mủ ruột già, là con cháu trong nhà, phải đâu người ngoài. Vì vậy bà đã đối xử với nó bằng một tấm lòng rộng mở tràn đầy tin yêu. Nhưng Đáng, thằng cháu quý hóa đó, đã không hề có

cảm xúc trước tấm lòng của người cô, và nó đã lên một kế hoạch tinh vi. Một ngày, con người xảo quyệt và bất nhân ấy đã bày ra cách để bà Hòa trao cái nhà đang ở cho nó một cách rất “tự nguyện”. Thằng Đáng, trong hôm mưa phùn gió bắc đã ti tê bằng giọng quan tâm ngọt nhạt “cái lưng của cô dạo này ra sao cô? Khổ quá, cháu là đàn ông con trai, không thể biết được hết những cái ốm đau của cô được? Hay là cháu lấy vợ?” [49, tr. 208]. Với cách khơi mào câu chuyện đi vào trái tim người đàn bà chân chất, Đáng đã đạt được mục đích của mình. “Nhưng cô ta bảo cháu chẳng có nhà cửa gì, cưới xin làm sao được ? - Thì cứ cưới nó về đây. Cô chỉ còn có cháu là thân thiết. Cô mất đi nhà này là của cháu chứ của ai” [49, tr. 208] và đôi mắt nó như moi móc, lột trần người cô “Cô ạ, cô viết cho cháu một cái giấy, cô nói rõ ý cô, cô nhé. Chả khó khăn dài dòng gì đâu, nhưng tự tay cô viết thì nhất. Như thế việc vợ con của cháu nó cũng thuận tiện hơn...” [49, tr. 209]. Chính cái kiêu ngạo ngoan, độc lòng tâm sự của thằng Đáng đã làm bà nghĩ “Thì mình cũng có con đây chứ sao? Ruột rà máu mủ hẳn hoi. Cái nhà này không phải của nó thì của ai? [49, tr. 209]. Sau khi có trong tay tờ giấy chuyển nhượng nhà của người cô, nó thay đổi ngay thái độ đối với bà. Bà Hòa có thể gánh nước, nấu ăn, giặt giũ, làm thêm cả việc bên ngoài để lo cho bữa ăn của nó có đủ cá thịt, phục vụ nó như một người ở. Nhưng khi bà Hòa ốm, Đáng nghĩ ngay ra cách để tống khứ bà ra khỏi nhà: nó đưa bà vào viện “cố nén ghê tởm nó bé xóc cái thân hình bé nhỏ, nhẹ như đũa con nít ra xích lô. Cái mùi của người già, người ốm, cái mùi mãi mãi làm nó ghê sợ bốc lên từ thân thể người đàn bà” [49, tr. 209]. Thói đạo đức giả của nó có lẽ cũng được bắt nguồn và thừa hưởng từ gia đình nó. Đáng sợ hơn, những con người ấy lẽ ra sẽ là tấm gương phản tỉnh cho Đáng. Bố nó, mới gặp bà Hòa đã nghĩ ngay “bà ta già, không chồng con. Chắc cũng có của ăn của để. Bà lại khát tình họ hàng, chắc chẳng nở để con mình vất vả” [49, tr. 203]. Và khi tới căn nhà của bà, ông ta đã thay đổi ngay suy nghĩ bằng những tính toán mảnh khóc, lợi dụng: phải sửa căn nhà lấy chỗ cho cháu học hành, tránh tiếng ồn từ hàng xóm. Nhưng bàn sửa nhà là vậy chứ ông ta không hề đưa một đồng nào cho bà. Cay đắng hơn nữa, khi bà chết, không một người họ hàng nào tới, kể cả bố mẹ thằng Đáng. Và xót xa bao nhiêu khi trút hơi thở cuối cùng, người đàn bà hồn hậu, thật thà đến chân tơ kẽ tóc ấy vẫn không hề nghĩ đến âm mưu nhẫn tâm, độc ác của thằng cháu. Năm mươi ngày

sau, lũ họ hàng không có tình người của bà ở quê ra chơi, cất tiếng khóc hờ giả tạo “ôi em ơi, ôi chị ơi...” [49, tr. 212]. Với guồng quay của cuộc sống hôm nay và sự ảnh hưởng mạnh mẽ của kinh tế thị trường, đã cuốn theo con người, làm nảy sinh sự tham lam không điểm dừng. Trong *Sống chậm*, đối lập với Tường là bố anh. Nếu Tường là con người biết nhận thức đúng đắn trước sự cám dỗ của đồng tiền, thì bố anh, một người lính quả cảm năm xưa lại tha hóa một cách khủng khiếp. Chàng thanh niên dũng cảm, thông minh trong nhà giam năm nào qua lời kể của chính bố anh mãi là kí ức đẹp đẽ trong tâm hồn Tường. “Nghe tên một người tù nổi tiếng bị giam bên kia, bố cháu hát rất to một bài hát ra đời khi người tù chính trị bên kia bị bọn Mỹ tuyên án tử hình. Thế là cả phòng giam cùng hát,..... Thế là cả trại giam bùng lên” [56, tr. 228] và “đó là phút lóe sáng, phút thăng hoa của bao nhiêu người lúc ấy.” [56, tr. 228]. Nhưng cái phút giây hạnh phúc ấy đã sớm bị chìm khuất trong con người. Bố Tường thay đổi đến đột ngột, biến chất nhanh chóng và tha hóa đến tận cùng, không còn là “dũng sĩ, là một con người của thuở ấy trong sáng, thơ ngây...” [56, tr. 229]. Do những phi vụ làm ăn khuất tất, ông bị phanh phui, vào trại giam. Nhưng cái hậu quả ấy không làm ông có chút ân hận, quay đầu nhìn lại những tội ác mà mình đã làm. Thậm chí trong tù nhưng ông vẫn đang mãi suy tính ra lệnh cho bọn đàn em bên ngoài lấp liếm những phi vụ còn đang nằm im trong bóng tối. Ham muốn vật chất làm con người dễ thay đổi. Nhưng nguy hiểm hơn, nó tác động một cách trực tiếp đến nhân cách và những giá trị văn hóa của con người. Bố Tường coi khinh vợ con, trở lại “bản ngã là anh trai làng vùng trung du Bắc bộ nghèo từ thuở khai thiên” [56, tr. 223]. Trên chuyến xe đi thăm bố ở trại giam, Tường còn gặp Vân, người đàn bà thuộc thế hệ “5 X”. Vân đã kể cho Tường nghe về sự tha hóa của một người đàn ông, người đã từng khiến cô ngưỡng mộ, và “có một khao khát mãnh liệt không dám nói thành lời” [56, tr. 231]. Hình ảnh người lính “mặc quần xanh, đi ủng cao tới đầu gối, chiếc áo capot của lính Nga khoác hờ trên đôi vai rộng. Chiếc mũ sắt không rộng lắm để lộ khuôn mặt điển trai trẻ măng” [56, tr. 230] đẹp đẽ là niềm mơ ước của Vân, bây giờ đang trong trại giam với tội danh “đổi tiền đô do phía chuyển nhượng giao sang ra tiền Việt, dùng thủ tục thu chi khống huy động vốn giả để rút ra hơn 6 tỉ bỏ túi. Rồi tiếp theo là vụ lấy tiền mà người ta chuyển cho quỹ phúc lợi công

ty, không chuyên cho quỹ phúc lợi mà chuyên thẳng vào tài khoản do mình chỉ định để chiếm đoạt” [56, tr. 225]. Con người trượt dốc theo đồng tiền. Khi tiền càng nhiều, đạo đức và nhân cách con người càng xuống cấp trầm trọng. Lòng tự trọng, danh dự, uy tín trở thành thứ xa xỉ vời vợi của những con người đó. Vân đã thất vọng thốt lên: “Sao đàn ông bây giờ lại đến nỗi thế?” [56, tr. 226]. Sợ hơn, họ là những người “đầu têu, họ gây ra mọi sự. Họ đã từng làm nên mọi sự cao cả khác thường. Cũng chính những con người ấy đặt sang chỗ khác, đặt nhằm chỗ nên mọi sự lại khác...” [56, tr. 225]. Và thật là nguy hiểm khi có những con người như chồng cô bạn của Vân, ông ta làm trưởng của một cửa khẩu, hàng đêm vẫn nhận những chiếc va li tiền, va li vàng để đồng ý mở cửa khẩu trong năm phút. Tường nhằm tính thật kinh khủng: năm phút sẽ là hàng hóa tràn vào làm hại công nhân, năm phút là ma túy đầu độc giới trẻ, năm phút là hàng lậu, và còn gì nữa ? - năm phút sẽ là những cái không ngờ tới: ai biết được nó không chứa những bí mật, âm mưu làm hại quốc gia ? v.v.

Sự suy thoái về đạo đức, sự ích kỉ và thái độ dửng dưng của con người dường như không dừng lại, đi đến đâu nó tàn phá đến đó, trong các mối quan hệ và trong cả những con người văn minh, lịch sự có thừa. Sống và làm việc trong môi trường tràn đầy học vấn và chữ nghĩa, vậy mà ông Mùi (*Chó điên*), giáo sư trong một viện khoa học đầu ngành lại là loại người biến dạng không ngừng. Sự sa đọa của con người này biểu hiện ở thói trưởng giả, sống bê tha, bạc nhược. Có tiếng là một giáo sư nhưng ngôn ngữ và hành động đối với người thân lại là của một tên cục súc đầu đường xó chợ. Ông ta gọi bà vợ của mình là “con phò già”, lại thẳng tay đánh đấm như một tên côn đồ, coi khinh vợ không có bằng cấp. Ông Mùi nhể nhại, sung sướng phát điên mỗi khi thương thức thịt chó. Ông có thú vui mỗi lúc đi dạo ở vườn hoa công viên của cơ quan ông là tranh thủ xả nước tưới xung quang chỗ của các cô trong viện hay ngồi. Lấy suy nghĩ của loài vật để miêu tả hành động của ông Mùi, nhà văn đã đặt nhân vật trong một sự so sánh thú vị: con Míc nghĩ “nó đi đái còn biết vào chỗ tử tế, che khuất đi cái hành tung tế nhị kia”, vậy mà ông Mùi lại sẵn sàng thả rộng ra như cổ tinh khoe với thiên hạ. Thói trưởng giả chỉ là một phần trong bản chất con người ông Mùi. Cái tồn tại lâu nay, ăn sâu vào nếp nghĩ của ông là sự thoái hóa, giả dối trong cách thức trở thành giáo sư, tiến sĩ. Ông Mùi, trong lúc trà dư tửu hậu đã bày

cách cho một đồng nghiệp: cứ vào thư viện “cóp” rồi xào xáo, trộn nộm các thứ “cóp” được vào nhau là sẽ được một cái luận án tiến sĩ. Sau khi luận án được thông qua, tiền sẽ rút về và tha hồ bỏ túi. Thật là kinh hãi khi ngay đến góc rẽ của văn hóa và học vấn, nơi hằng ngày người ta nói đến một tầm nhận thức sâu rộng lại vẫn có sự len lỏi của dối trá và sự xuống cấp của nấc thang giá trị con người. Người ta dối trá với mọi người xung quanh và che đậy nó bằng vị trí đang ngồi. Sự thoái hóa này của con người bắt nguồn từ những biến dạng trong suy nghĩ và cảm thức về đời sống xung quanh.

Lê Minh Khuê đã soi chiếu sự tha hóa ở những môi trường, hoàn cảnh khác nhau và đặc biệt là khi có sự tiếp tay của cái ác, sự tha hóa sẽ dễ dàng nảy sinh, tìm được nơi trú ngụ an toàn trong con người.

Cũng vì lòng tham và sự vô đạo đức, Vị (*Ngày còn dài*) đã bỏ rơi ông bố vốn nuôi hấn từ bé, chỉ đợi khi nào ông chết là chạy về chiếm dụng ngôi nhà. Sự tính toán nham hiểm của thằng Vị đã làm nó quên đi tình người mà ngày xưa ông Bản bằng tình người đã cuu mang, nuôi nấng nó. Nhưng sự tha hóa của con người không chỉ được nhà văn thể hiện bằng những biểu hiện bên ngoài, dễ trông thấy, nó đã được đi sâu phân tích, mổ xẻ từ bản chất bên trong con người. Những trang văn của Lê Minh Khuê đã dũng cảm nhìn thẳng vào những lát cắt của cuộc sống bằng cái nhìn trung thực, táo bạo để lật tẩy những sự thật về cuộc đời và con người. Với ngòi bút sắc sảo và tinh lực mạnh mẽ, Lê Minh Khuê đã xây dựng những chân dung nhân vật biến dạng một cách méo mó trước uy lực của đồng tiền. Cả một lũ người quay cuồng điên đảo trong vũ điệu man rợ của tiền (anh em nhà An, Khang trong *Đồng đô la vĩ đại*, anh em lão Tê, Tái trong *Những kẻ chờ sung*, ...). Để xây dựng kiểu mô hình nhân vật tha hóa này, tác giả đã chú trọng miêu tả các hành động ứng xử của nhân vật trong nhiều mối quan hệ. (Quan hệ gia đình, quan hệ ngoài xã hội và trong quan hệ với chính bản thân mình). Thái độ tôn thờ đồng tiền một cách mù quáng đã khiến lão Thiến (*Anh lính Tony D*) gây ra bi kịch cho chính cuộc đời của mình. Đang sống yên ổn ở ngoại ô với vườn ao nhà cửa rộng rãi, phút chốc, lão vì tiền mà “xéo lên tất cả”, bán hết sản nghiệp về thành phố, chui rúc trên sân thượng của một dãy nhà ọp ẹp và sống như súc vật giữa một bầy thú hôi hám, bản thú. Lão đã dùng tiền bán nhà mua

vàng giắt đầy túi nhưng lúc nào cũng giả vờ “đói khổ như đồ giẻ rách” [49, tr. 216]. Lão tự nguyện đày đọa mình. Ở thì trong “cái hốc chưa đầy chục mét vuông, không cửa sổ, một bên là khu vệ sinh công cộng” [49, tr. 216] trong một không khí lúc nào cũng “nồng nặc hôi thối” [49, tr. 216]. Ở đã vậy, ăn còn khủng khiếp hơn, lão chén “tám bát cơm gạo mốc mỗi ngày” với các thứ thức ăn cặn bã của đời sống con người là “mắm muối từ đầu cá, ruột gà nhạt nhạch ở chợ chiều” [49, tr. 216], mỗi khi lão ăn, cả xóm phải “nín thở” vì “nặng mùi”. Trong con mắt những người sống ở khu nhà lão, lão Thiên là “cái hồn ma từ địa ngục trở về hoành hành nơi dương thế” [49, tr. 216] nên chẳng ai muốn dây với lão, mà lão thì lúc nào cũng đe dọa lảng giềng bằng sức mạnh của mình. Với cách sống như vậy, mọi tính toán của lão trở nên nhanh nhạy, tinh quái, tham lam, keo kiệt. Ngày giỗ chạp, lão kéo tất cả anh em họ hàng vào cái hốc bé tí của lão với duy nhất một con vịt nấu lỗng bông trong nước. Tất cả chùng ấy con người ăn uống, sì sụp quanh mười mét vuông hôi hám, chật chội “trong khi vàng lão giắt nặng trong người” [49, tr. 219]. Lão là một “quan đại thần” cảm thấy thật sung sướng, hả hê khi “được” ở trong hoàn cảnh này, vì “chỉ có vua quan mới sống trong vương quốc của mình được như thế, bất kể trời nắng trên 40 độ, bất kể mưa dột, mùi chuột chết, mùi nhà xí...” [49, tr. 219]. Với tính cách của mình, lão nhìn đâu cũng thấy tiền, mà tiền thì không thể để ngoài thiên hạ, do đó lão sinh ra tính ăn cắp vặt. Lúc nào cũng chăm chăm chờ mọi người lơ là để “thó”. Lão thó bất cứ thứ gì trong khu nhà: từ “cái quần lót của đàn bà” [49, tr. 219], đến “cái dây điện ngoài sân” [49, tr. 219], và cả cái bộ của trẻ con, lão lấy tất cả và “tống vào cái ba lô to, thỉnh thoảng lão làm một chuyến về quê” [49, tr. 219] mang cho anh trai. Nhưng với một cái đầu thực dụng, mọi tính toán của lão không thừa đi chỗ nào, chẳng phải lão có lòng tốt thương anh, thương các cháu ở quê mà lão đem đồng đồ đó để đổi ra “năm khoai sọ, năm đống” [49, tr. 219]. Cuộc sống của lão cứ như vậy, “duy trì” năm này qua năm khác, nhưng dường như lão không hề ý thức được sự rẻ rúng, khổ sở đày đọa của chính mình. Lão vẫn tự thấy hài lòng ăn ngủ như thường giữa một bầy thú mà “lão là con thú có bộ răng dữ tợn nhất” [49, tr. 217].

Với cách nói cường điệu và sự châm biếm tinh tế nhẹ nhàng, Lê Minh Khuê đã phác họa rất ấn tượng về nhân vật này: là con người nhưng không khác gì con thú với

sự tha hóa gớm ghiếc, sự quái gở, hủ hậu và một bản tính tinh quái, khác xa đồng loại. Nhà văn đã cho thấy một óc quan sát tinh tường và khả năng khám phá nhân vật sâu sắc khi luôn lách miêu tả diễn biến và phản ứng tâm lý của lão Thiến khi lão bắt đầu đánh hơi được mùi tiền. “Lão Thiến quanh ra quần vào, mắt liếc liếc cái ba lô. Ruột gan lão cồn cào” [49, tr. 220], rồi “lão như ngồi trên lửa” [49, tr. 220] và “sau cơn xúc động, bắt đầu đến trạng thái tinh thần kì lạ mà lão vẫn có khi nghe tin con có tiền” [49, tr. 222], “lão bố vừa ghen tức vừa thèm khát. Hàng loạt những âm mưu xuất hiện trong đầu lão nhưng nghĩ đến cái máu hung dữ của thằng con, chưa bao giờ lão ra tay. Lão cứ loanh quanh trong mớ ý nghĩ bùng bùng mờ ám và nỗi sợ hãi triền miên, bất kể lúc nào thằng con có tiền, mỗi lần như thế miệng lão nhạt như ngậm phải bèo, mắt lão đục lò dò, nhìn không rõ...” [49, tr. 222]. Tuy vậy, sự tha hóa biến chất của lão vẫn không bằng sự táng tận lương tâm của thằng con. Hai con thú gặm gù, canh chừng lẫn nhau vì bọc tiền kiếm được từ sự đầu cơ trên bộ xương của người lính Mỹ. Và chúng đã quay ra xâu xé, cắn mổ lẫn nhau, xô toẹt mọi thứ tình cảm thiêng liêng chỉ vì đồng tiền. Cách hành xử của cha con lão Thiến là cách đối đãi của những con vật hoang dã khi bị một con vật khác xâm chiếm đến quyền lợi của mình.

Bên cạnh những kẻ tha hóa vì đồng tiền là những kẻ tha hóa vì quyền lực. Nếu *Đêm diệu dàng* (Nguyễn Thị Thu Huệ) phê phán sự tha hóa của một số cán bộ về nhân cách đạo đức, nhân danh lãnh đạo để giờ trò thấp hèn, đôn mạt với nhân viên của mình, thì truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 lại mô tả và miêu tả kiểu nhân vật này theo hướng khai thác rất riêng.

Thằng Sớm trong *Cuộc chơi*, một nhân vật từ khi mới sinh ra đã được bà mẹ nặn cho một vết son ở trên trán như con mắt thứ ba, như bùa hộ mệnh. Và với sự che chở của lá bùa ấy, Sớm đã vượt qua được mọi khó khăn, đến với những dịp may trong đời. Lúc bị tổng giam ở ngoài đảo vì tội giết ông chủ tiệm vàng, nó có tiếp tế cho một người tù cách mạng và vì thế khi đất nước giải phóng Sớm đã được ghi công, tuyên dương nồng nhiệt, trở thành một quan chức trong thành phố trực thuộc Trung ương. Người ta viết kịch về nó như một anh hùng thời loạn. Nhưng khi người tù cách mạng kia do những hiểu lầm của thời cuộc, đã bị nghi ngờ và cần sự chứng thực của thằng Sớm, vậy mà nó đã vờ như không quen biết. Người tù cộng sản bị kết án, cùng lúc

nốt ruồi son trên trán nó cũng biến mất như dự liệu về tương lai của nó. “*Cuộc chơi*” đã đến hồi kết và trắng đen đã rõ, kẻ thông minh là kẻ biết tìm cho mình đường thoát đúng lúc nhất. Quá trình tha hóa của nhân vật được nhà văn xây dựng với nhiều biến cố và với kiểu loại nhân vật này, Lê Minh Khuê soi chiếu sự biến chất về đạo đức đặt trong trường nhìn mang hơi hướng tâm linh như một thử thách mới. Để khi mọi sự cứu rỗi bị mất đi, con người sẽ xoay sở ra sao trước sự tha hóa của mình?

Nếu nhân vật tự tha hóa bao giờ cũng vận động mạnh mẽ từ ý thức đến hành động, nhất là trong bản chất, thì nhân vật bị tha hóa trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 lại đa dạng và nhiều kiểu loại trước những tác động khác nhau của môi trường. Giống như sự tha hóa của nhân vật Nhón, ông Sĩ Duệ, bà Lăng, ...trong truyện ngắn *Xóm Chùa Ông* của Đoàn Lê khi cơn lốc của đời sống phố phường tràn vào làng, nhân vật thằng Roi trong *Làng xi măng* của Lê Minh Khuê cũng bắt đầu bị tha hóa như thế. Đến Na cũng “khổ tâm nhìn thằng em nhâng nháo như chữ nghĩa phố phường mà không biết làm sao” [49, tr. 70]. Nó mới mười chín tuổi nhưng “ngày đốt ba bao thuốc, hát karaoke thích có con nhãi bên cạnh để xoa để nắn” [49, tr. 70]. Roi cũng là một trong rất nhiều thanh niên bị tha hóa bởi cái mới của đời sống thị trường đem lại. Loại nhân vật này có tính cách nhờn nhợt, bất cần đời. Roi gọi Na là “chăm phẩy din”, bố mẹ là “anh già”, “chị già”. Nó sống trong môi trường rệu rã của cái gọi là “gia đình”: bố đi buôn đất trên tỉnh, mãi mê kiếm tiền, lập tài khoản riêng, hí hứng như vớ được vàng, mẹ Roi buôn lậu đêm đêm vẫn mặc váy hàng thùng đi nhảy đầm trên huyện. Chẳng ai thèm quan tâm đến nó và nó cũng chẳng nghe bà mỗi khi bà rao giảng về đạo đức. Roi sống hôm nay, không cần biết đến ngày mai, giọng đầy thách thức, tiêu cực: “Một quả bọc phá tiêu ngay cái lô cốt này rồi vượt biên sang Hồng Kông làm dân tị nạn” [49, tr. 73].

Trong *Sân gôn*, khi mùi vị của kinh tế thị trường lan đến gia đình nhà mẹ Hân, làm nảy sinh những nghịch cảnh trở trêu, những xót xa đau đớn: Quanh bán con vì nghiện, Lanh học đòi tính trắng hoa trên tỉnh, dấm dúi với cả em vợ, mẹ Hân định đem cô Lễ (em vợ Lanh) cho bọn săn hàng “zin” trên thành phố để kiếm tiền triệu. Cả gia đình đảo lộn, tôn ti trật tự chẳng có nghĩa lí gì: Lanh nhìn mẹ đầy thù hận, con gái Quanh sợ hãi mỗi lần trông thấy cha, vợ chồng Lanh tan tác. Đó là cái hậu quả của

những con người bị tha hóa vì đồng tiền, vì những dục vọng tầm thường của chính bản thân con người gây ra. Chỉ trong chốc lát, mọi vạch ngăn cách giữa cái ác và cái thiện, cái xấu và cái đẹp mau chóng bị xóa nhòa.

Truyện ngắn gần đây của Lê Minh Khuê khiến người đọc cảm thấy bất ổn khi chứng kiến giới trẻ hành động theo cảm tính của mình vì những suy nghĩ sai lệch của người đời, dẫn đến những ngộ nhận đáng tiếc, làm hoen ố tâm hồn. Trong *Ráp Việt*, nhiều người đọc cảm thấy Lê Minh Khuê viết về vấn đề bạo lực một cách không đả đò. Ngay chính bà cũng thừa nhận “Tôi viết về chính cái đang làm chúng ta giận dữ. Cuộc sống hiện tại rất nhiều bạo lực. Người ta sử dụng bạo lực với nhau không hề đả đò, không hề có một rào cản nào về đạo đức. Đó là vấn đề đáng báo động. Trong tác phẩm của mình, tôi cũng không hề đả đò sử dụng nhiều yếu tố bạo lực” [60]. Tuy nhiên, đằng sau vấn đề bạo lực ấy, nhà văn muốn nói đến sự tha hóa của một lớp người có chức quyền, vì tiền mà vô tình đã đẩy người khác vào chỗ tăm tối. Đó là trường hợp nhân vật Cảnh: anh trở thành tội nhân với những ám ảnh và ngộ nhận chết người. Ông nội Cảnh, một chiến sĩ Điện Biên dũng cảm thời kháng Pháp, sang thời chống Mỹ, ông trở thành một đội trưởng dân quân mẫu mực, dù bị thương một chân vẫn bắn rơi máy bay Míc của địch. Và câu chuyện của ông trở thành tấm gương sáng cho mọi người trong huyện noi theo. Nhưng nếu dừng ở đây sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra và cũng không có cái chết của cô Lan Hương - người nằm trong diện “kế cận” của tỉnh, vừa giành giải nhất cuộc thi kể chuyện về tấm gương hi sinh của các anh hùng. Sai lệch là ở chỗ, những bài nêu gương về ông nội Cảnh đã bị người ta thêm thắt, bịa đặt thành một câu chuyện mùi mẫn, cảm động, thành một phong trào về văn hóa để mọi người học tập, và có như thế các “sếp” mới được tiền đút túi. Khôn thay, những đứa trẻ vốn chưa bao giờ biết mùi vị của chiến tranh giờ bắt chúng nhét tất cả vào đầu...., do đó mà cuộc phát động khiến người ta căm thù, chán ghét. Thằng bạn Cảnh, giáo viên một trường dạy cấp hai đã cảnh báo: “tao bạn mà tao nói thật mà đừng nói lại với ai cứ cái kiêu này người ta ghét ông nội mà rồi ghét sang cả mà liệu hồn đừng xuất hiện nhiều chỗ đông người chúng nó ném đá củ đậu vào mà tan xác!” [56, tr. 242]. Người nghĩ ra kế hoạch tổ chức, viết bài và phát động này, chính là bố cô Lan Hương, một ông thợ sửa xe đạp, bằng mọi cách đã leo lên được chức ủy

viên hội đồng và ngẫm nghĩ suy tính bày trò vẽ ra đề án văn hóa lấy tiền rót từ trên về, chia nhau, đú đờn, hả hê. Chúng đâu biết sự thoái hóa của chúng đã hủy hoại nhân cách một con người. Lan Hương chỉ là một mắt xích của cuộc phát động nhưng lại là nhân tố đẩy sự tức tối của Cảnh lên đến đỉnh điểm: Cảnh không còn thấy tức, chỉ thấy căm thù. Và cao trào của sự căm thù ấy là hành động giết người dã man. Lúc ra tay chèn ngực Lan Hương, Cảnh chỉ nghĩ đến ông nội nên hành động rất nhanh, không hề để lại một dấu vết nào có thể khiến người ta nghi ngờ. Viết tác phẩm này, Lê Minh Khuê như gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về cái ác và con người, nếu không tỉnh táo dễ bị nó cuốn đi. Trong câu chuyện, nhân vật Cảnh bị tha hóa từ một sự tha hóa khác. Cái ác dẫn đến áy áy. Sự xấu xa của một lớp người đã đẩy những người trẻ vào tội lỗi. Xây dựng nhân vật Cảnh, nhà văn dường như đã đi theo quá trình hành động và sự phát triển tâm lí của nhân vật. Bà quan sát nhân vật trong sự thân nhiên, bình tâm, không mảy may để những suy tư trầm lắng của mình trong đó. Nhà phê bình Bùi Việt Thắng nói “văn của Lê Minh Khuê giống văn Nguyễn Huy Thiệp, lạnh lùng” [60] nhưng ông lại tin rằng: “khi viết những câu chuyện này, chị đã lén lau những giọt nước mắt” [60]. Rõ ràng, Lê Minh Khuê nhìn nhân vật trong chiều sâu mang tính nhân bản của nó.

2.2.1.2. Nhân vật bi kịch

“Đây là loại nhân vật gặp nhiều sóng gió và bị xô đẩy bởi những xung đột trong đời sống” [71, tr. 107].

Thông qua loại nhân vật này, cuộc sống hiện ra sống động hơn với muôn hình vạn trạng của nó chứ không phải là thứ hiện thực được chưng cất và lí tưởng hóa. Trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975, với cái nhìn bao quát rộng lớn, ngòi bút của bà đã len lỏi vào những góc ngách tâm hồn con người, soi chiếu những suy tư, buồn bã, những ước ao luẩn quẩn quanh cuộc sống của con người để từ đó nói lên những khát vọng nhỏ nhoi nhưng có sức sống mãnh liệt, chờ đến một lúc nào đó nó sẽ bùng dậy như ngọn lửa trong đêm tối. Hằng trong *Một buổi chiều thật muộn* là người mang bi kịch như thế. Cô gái trẻ trung, mạnh mẽ, nồng nhiệt thuở nào đã nhường chỗ cho một người phụ nữ cô đơn, suốt đời đi tìm hạnh phúc với nỗi niềm mơ tưởng về một thời quá vãng. Ngày đó chị cũng như bao cô gái cùng trang lứa

khác, vô tư, trẻ trung, yêu đời và tình yêu đến với chị trong những rung động đầu đời đầy lãng mạn. Chị gặp một người Pháp, là sinh viên, anh có “khuôn mặt trẻ, mắt nâu, tóc nâu, đẹp đến mức trái tim mười sáu của chị đau nhói” [49, tr. 25] và trong cảm nhận cũng như hồi tưởng của chị “chị chưa bao giờ trông thấy một người đàn ông cười có thể đẹp đến thế để khiến người ta cũng muốn sống đẹp được như thế” [49, tr. 25]. Nhưng cuộc gặp mặt tình cờ giữa họ đã trở thành nguyên nhân gây ra nỗi đau cho chị. Quan niệm lạc hậu một thời đã đẩy chị vào những tháng ngày khổ khó, gây nên những sợ hãi, những chấn thương tinh thần dữ dội. Nó còn theo chị cho đến tận bây giờ. Lời lẽ dọa dẫm uy hiếp còn văng vẳng bên tai chị năm nào: “Chị phải kí. Phải hứa không được tiếp tục, có bất cứ dấu hiệu nào ở “gã thanh niên” kia chị phải báo cho biết” [49, tr. 28]. Những căn vặn, soi mói, rình rập đó đã làm chị sau giây phút từ công an quận trở ra thành một con người mất tất cả “chị mất tuổi trẻ, mất lòng tin, sự vô tư nhẹ nhõm” [49, tr. 28] và nó trở thành những ám ảnh dai dẳng theo chị suốt cuộc đời. Nhưng xen vào những cơn sợ hãi khiến “chị giật mình, chân tay bủn rủn mỗi khi có người gọi” [49, tr. 28] “là một niềm khắc khoải, đau như chưa có gì đau đến thế” [49, tr. 29]. Chị sống trong bi kịch cuộc đời do người khác đem lại. Những lạc hậu ấu trĩ của một thời thiếu dân chủ đã cản trở hạnh phúc của chị. Họ biến chị thành một người mất hết nhuệ khí “hơn hai mươi năm, tôi chỉ là một người già cả. Tôi sợ hãi triền miên” [49, tr. 29].

Sống trong thời bình nhưng con người chưa yên ổn, Lê Minh Khuê cũng như nhiều nhà văn khác đã đi sâu vào tâm lí con người, biểu đạt mọi cảm xúc và những nỗi niềm giấu kín của một thế hệ phải trải qua những thời kì khó khăn khi đất nước trong thời bao cấp. Trân trọng và khắc khoải, ưu tư, nhà văn đã viết lên ao ước của những con người đó, khi muốn có cuộc sống tốt đẹp hơn, chúng ta cần nhận chân đúng đắn các giá trị của thời cuộc để hướng con người tới cuộc sống văn minh, phóng khoáng.

Bi kịch trong tình yêu cũng làm người ta trống rỗng, sống sáo mòn, con người như bị xấu đi trước mọi lo toan thường nhật của cuộc sống đời thường. My trong *Cơn mưa cuối mùa* là một nhân vật như thế. Hàng ngày trong khu tập thể quen thuộc, cô sống mà như không ra sống, mãi miết với công việc, với miếng cơm manh áo, với những chảnh chọe, chông lòn khi cãi nhau với hàng xóm,... tất cả làm người đàn bà

này mệt mỏi. Chị thấy mình trở nên “đần độn, trì trệ, xấu xa” hơn bao giờ hết. Và sống trong môi trường như thế nên khi gặp được “một luồng điện khác” My đã “bắt sóng rất nhanh”. Trong chuyến công tác đi công trường, My đã gặp một người có thể nghe, có thể hiểu những thôn thức trong trái tim cô và cô như thấy mình được trẻ lại, nhanh nhẹn, hoạt bát, duyên dáng. Đến người bạn thân bao năm cùng đi bên cạnh cô cũng không hề biết là cô lại đẹp đến vậy. Tình yêu làm My thay đổi, nó khiến cô cảm thấy “nhẹ nhàng, hạnh phúc” trong tâm hồn. Nhưng niềm vui ấy chỉ đến với My trong chốc lát rồi vụt bay đi, cô phải trở lại với hiện thực cuộc sống của mình. Lần gặp gỡ đó cũng chỉ như cơn gió mát thoảng qua khiến lòng My dịu lại. Bi kịch là khi con người biết rõ về nó, thấy được những bất hạnh mà mình đang gánh chịu nhưng không có cách nào để thoát ra được. Cô không thể từ bỏ gia đình để đi theo tiếng gọi của tình yêu cũng như không thể bảo “anh ấy” bỏ vợ con để theo mình. Người đàn bà bất hạnh ấy trong cơn xúc động đã khóc cho những “viễn vông đâu đâu”, nhưng là những giọt nước mắt chua xót xen lẫn hạnh phúc của đời người. Cùng là phụ nữ, Lê Minh Khuê đã thực sự có cái nhìn cảm thông sâu sắc về họ. Bà miêu tả những rung động, những “sóng sánh” của tâm hồn người phụ nữ khi yêu bằng sự tinh tế ngọt ngào. Nó chỉ gợn lăn tăn trên mặt hồ yên ả khi có chút gió thoảng qua. Nhẹ nhàng mà sâu sắc, Lê Minh Khuê lắng nghe những tâm sự rất đời thường của họ.

Sau chiến tranh, con người tất bật lo hàn gắn vết thương. Cả vết thương thịt da và những vết thương trong lòng người. Nhưng những hủ lậu của một thời đã khiến con người tự gây ra thêm những vết thương trên thân thể mình. Bình và Khoa trong *Biển mịt mờ*, đáng ra đã có được tình yêu và hạnh phúc nhưng khi hai con người còn chưa vượt qua được những rào cản của tâm lý sợ hãi và tâm lý thời cuộc đang đè nặng thì không bao giờ họ có thể đem lại hạnh phúc cho đời mình. Bình không dám bỏ xứ ra đi, còn Khoa lại chẳng thể ở lại vì gia đình đã vượt biên sang Châu Âu.

Tình yêu có lẽ là thứ tình cảm khiến con người chông chênh và khó lý giải nhất. Tham gia vào lĩnh vực này, Lê Minh Khuê đã nói đến những uẩn khúc, những trạng thái tâm lý dằn vặt của con người mà nhiều khi như một vòng luẩn quẩn, con người cố thoát ra lại bị nó kéo vào. Miêu tả những bi kịch trong lòng người, nhà văn đã tìm cho

mình một cách đi riêng, khám phá tâm hồn con người ở bề sâu của nó với những thôn thức, suy tư đau đáu, dai dẳng.

Một loại nhân vật khác, Lê Minh Khuê quan tâm đến là nhân vật bi kịch trong chính bi kịch của mình. Đau đớn hơn, để giải thoát khỏi bi kịch ấy nhân vật đã tìm đến cái chết. Gã (*Thần lẫn*), con người bệ rạc trong đời sống bị những cái lo của cơm áo gạo tiền kéo đi trong sự nhếch nhác, nhem nhuốc. Gã tiếc nuối về một thời trai trẻ trong quá khứ. Và nó hiện lên như một cuốn phim quay chậm trong dòng hồi tưởng ngậm ngùi của nhân vật khi anh ta thấy mình “có đến nỗi nào. Chẳng đến nỗi dị mọ như bây giờ” [49, tr. 320]. Ngày ấy, gã là một chàng trai “cơ bắp tràn trề sức lực”, tình yêu của gã và vợ cũng đẹp như biết bao đôi lứa yêu nhau khác, và gã đã có một đám cưới to nhất làng, có chiếc cà vạt bằng lụa sáng loáng... còn bây giờ “Lúc nào gã cũng thấy mình khốn khổ, khốn nạn. Tóc bạc ở tuổi 42, hai cái vai còng xuống vì gánh nước, bỏ củi, nuôi lợn, vì những bài giảng trước sau như một ở môn sinh vật” [49, tr. 308] và “gã thấy mình mỏng ra, nhỏ đi, ngoi ngóp thờ. Cảm giác thật và tự nhiên, đúng như vậy, đôi lúc gã cứ như ngoi ngóp thờ giữa một bầy đàn bà con gái” [49, tr. 311]. Nghĩ thế, gã lại “cất tiếng khóc hu hu. Gã khóc như con chó tru giữa đêm. Gã cũng chẳng trách móc gã, cũng chẳng giận nàng. Cái số của gã nó như vậy. Gã biết gã là giun đé trong đám giun, nhưng gã vẫn tủi lắm.” [49, tr. 319]. Gã thương cho thân phận bèo bọt của mình và “gã lại tru lên một hồi rồi gã chui đầu vào cái thùng lọng cà vạt” [49, tr. 319]. Nhưng sau cao trào phần uất huyết dẫn đến tự sát ấy, gã lại “lọ mọ” cho cái cà vạt “vào túi ni lông. Để vào giữa cuốn sổ, đóng cái rương, cài móc sắt, đẩy cái rương vào chỗ cũ” [49, tr. 320] với “hai thúng khoai để lên cái rương” [49, tr. 320].

“Bằng giọng điệu hài hước và chua xót, nhà văn đã chạm được đến cái đáy sâu tuyệt vọng và nỗi khốn cùng của con người trong một đời sống nghèo kiệt, tằm tối về vật chất lẫn tinh thần” [102]. Trong câu chuyện, nhà văn còn muốn nói đến sự kém hiểu biết, sự mê muội của con người và sự thiếu thốn ánh sáng văn hóa, văn minh đã làm nảy sinh bi kịch trong cuộc đời của họ. Giá như họ sinh ít con hơn, biết vươn lên làm chủ cuộc sống thì có lẽ “gã” đã không phải tự khóc thương, tủi thân, tủi phận cho mình. Có thể nói, người đọc dễ nhận thấy kiểu nhân vật bi kịch (vỡ mộng, bất lực) trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 rất gần với kiểu nhân vật trung

tâm trong loại hình truyện ngắn hiện thực chủ nghĩa. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở chủ đề về sự tác động của đời sống gây nên bi kịch cho con người, thì những nhân vật của Lê Minh Khuê e rằng khó vượt qua được những nhân vật trong truyện ngắn của Nam Cao hay một số nhân vật khác trong truyện của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng,... “Sự khác biệt nằm trong những thông tin lịch sử mà những nhân vật của Lê Minh Khuê đem lại. Những con người đó là sản phẩm của một giai đoạn lịch sử - xã hội cụ thể của đất nước. Những đau đớn, vật vã, cả sự bi đát và thảm hại trong đời sống của con người ấy là kết quả của một ý thức “tra vấn lịch sử” khá rạch ròi, thậm chí đôi khi chao chát, nghiệt ngã. Do đó, chân dung những Mi, Gã... ở đây vừa có những nét rất gần gũi với những nhân vật của chủ nghĩa hiện thực, song lại có những nét rất cá biệt, mang dấu ấn đặc thù của cái thời hậu chiến. Đó là cái thời đoạn khi chiến tranh kết thúc, chưa kịp hồi sức, với bao khao khát và hy vọng, con người đã phải đối mặt với một hoàn cảnh thực tế không hề lý tưởng như mong đợi, đầy thiếu thốn, nhem nhuốc, bệ rạc, khiến những khao khát ấy trở nên lạc lõng, hài hước, thậm chí thảm hại.” [102].

2.2.1.3. Nhân vật tự ý thức

Nhìn chung trong văn học trước năm 1975, nhân vật đã có những dẫn vật, đau khổ, có đấu tranh nội tâm nhưng những trăn trở bên trong ấy là để nhằm xác định một lẽ sống hài hòa với lẽ sống chung của thời đại. Còn trong văn học sau năm 1975, sự tự ý thức của nhân vật phức tạp hơn, bởi lẽ đất nước đã chuyển sang thời bình và chúng ta đang hội nhập với sự phát triển của thế giới. Trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975, nhân vật nhận thức về cuộc sống và con người trong một tầm suy nghĩ mới vì cuộc sống trước mắt họ là cuộc sống của xã hội thời hậu chiến với rất nhiều những mảng sáng tối đang nhập nhòa dễ lẫn lộn. Nhưng bằng sự tinh táo của lí trí và một bản lĩnh vững vàng, những con người như Diễm (*Bước hụt*), Na, Thắng (*Làng xi măng*), Vân, Tường (*Sóng chàm*), Cầm, Việt (*Qua đường là đến trường*),.....v.v... vẫn tự mình có những nhận thức đúng đắn, những điểm dừng đúng vạch để không sa đà quá trớn, không đánh mất mình. Lạ hơn và hay hơn, chủ yếu những nhân vật như thế trong truyện ngắn của Lê Minh Khuê lại là những người trẻ. Họ là thế hệ kế cận của lớp người đi trước, giờ đây họ sống mạnh mẽ, quyết đoán

nhưng cũng rất thông minh, biết tìm ra con đường đến tương lai bằng đôi chân của mình. Bên cạnh những nhân vật tha hóa, dễ gây lo lắng, gây “sốc” cho người đọc, thì những nhân vật tự ý thức lại làm dịu đi sự bất ổn bằng những hành động và suy nghĩ chín chắn. Đọc những trang văn đó, người đọc cảm thấy yên tâm hơn.

Trong *Bước hụt*, Diễm là một cô gái đẹp, Diễm yêu và lấy Phi nhưng sự tráo trở của Phi khi Diễm sinh con đã không làm cho cô cay cú, bất lực, chán chường hay thất vọng. Diễm tỏ ra bình thản, cố nén nỗi đau, sống mạnh mẽ, là chỗ dựa tinh thần cho em trai Diễm. Diễm viết thư cho Phi nói rõ ý định của mình: “Tôi có con gái nhé.....con gái lấy họ Nguyễn của tôi. Anh kí vào đơn li hôn cho tôi một chữ đi cho nhẹ nợ. Anh đi đường anh cho đỡ rách việc đôi ta.” [55, tr. 226]. Và sau cú “*Bước hụt*” ấy, Diễm như người tỉnh ra, mau chóng lấy lại được thăng bằng của cuộc sống. Diễm còn có con, có mẹ, có em. Không chỉ tự mình vươn lên, giải thoát những bế tắc, tù đọng trong cuộc đời riêng của mình, Diễm còn là “thần tượng giữa thời buổi thần tượng vắng vẻ như người vũ trụ” [55, tr. 228] trong con mắt của thằng em Diễm. Miêu tả và xây dựng nhân vật Diễm, Lê Minh Khuê dường như có sự đồng cảm, sẻ chia với những người phụ nữ lỡ làng như vậy, nhưng trong giọng văn có chút gì cứng cỏi và mạnh mẽ, dứt khoát. Khác với những nhân vật nữ trong các truyện ngắn của Lê Minh Khuê khi gặp bế tắc trong tình yêu, trở nên bất lực, vô vọng và lâm vào trạng thái bi kịch, thì Diễm đã khác hẳn, cô là mẫu người phụ nữ mới trong cuộc sống hôm nay: nhiều yêu thương, nhân hậu nhưng đôi với cái xấu, cái hèn thì không thể dung thứ. Hơn nữa, sau vấp ngã, Diễm đã đứng lên quả quyết và đầy tự tin: “con chị lớn một chút, gửi mẹ, chị cũng đi làm ở xưởng thêu xuất khẩu. Làm chính thức.” [55, tr. 228]. Nhân vật Diễm gần giống với nhân vật nữ trong *Đêm nguyệt thực* của Đoàn Lê: mạnh mẽ, tự tin khi dám đương đầu với mọi điều tiếng xung quanh để khẳng định bản lĩnh của người phụ nữ ở thời đại mới. Trong *Làng xi măng*, Thắng và Na là những con người có lòng tự trọng, biết nhận chân giá trị tốt - xấu trong cuộc đời. Na không được lành lặn như bao cô gái khác nhưng Na biết yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình, yêu bà và thích nghề dạy học. Sau khi bà mất, Na cũng nghĩ: sẽ chẳng về trông hàng cho mẹ, vì về đó, Na sẽ biến thành một người khác, sống với mẹ, cô sợ những giá trị phù phiếm của đồng tiền cuốn mình đi như thằng Roi em Na. Còn

Thắng, tuy chỉ là con nuôi trong gia đình, nhưng Thắng cũng giống như Na, biết đâu là cái đáng giữ gìn, biết cái gì là vô nhân tính và hành xử theo đúng mực của một con người. Khi nghe những điều rác rưởi từ Roi nói về Na: “chấm phẩy xin, làm bộp phá quả đầu, lấy nửa que mà làm vốn...” [55, tr. 228], Thắng đắm vào giữa mồm thằng Roi, làm nó bắn ra sân... Thắng đi bộ đội, khuyên Na đừng về trông hàng cho mẹ và bản thân Thắng cũng không về ngôi nhà đó nữa, vì trong ngôi nhà ấy chẳng có ai nhận thức được những giá trị chân thực của cuộc sống, họ đang bị cuốn theo vòng xoay ma lực của đồng tiền. Na và Thắng, những con người sống trong môi trường cái ác, cái xấu đang hiện hữu nhưng họ vẫn có tâm hồn trong sạch, quyết thay đổi cuộc đời mình bằng những tin tưởng vào tương lai phía trước... Tường trong *Sống chậm*, một thanh niên trí thức, nhà giàu, bố làm to nhưng anh cũng chưa bao giờ vì thế mà làm lạc tha hóa. Trong những phút giây “*Sống chậm*”, để nghiền ngẫm lại cuộc đời và con người cùng người đàn bà thế hệ “5 X” (Vân), Tường đã nói “cháu cần gì cái xe mười tỷ để đứng chết cứng ở ngã tư giờ cao điểm cùng với bọn xe bãi, xe uyn Tàu. Xung quanh nghèo nàn bụi bặm người giàu đâu có sướng gì. Xe đẹp phải đi trong thành phố xanh um sạch sẽ người ta cùng giàu có cùng đi lại thông dong. Xe đẹp trong thành phố nghèo cũng như người đàn bà quý phái lội bùn trong chợ trời ngoại ô. Cháu đâu có ham” [56, tr. 226] và anh cũng không phải loại người ham sắc đẹp như thanh niên nhà giàu, tiêu pha phồn chí, thay người yêu như thay áo “cháu không phải loại đầu đất lấy tiền của bố để vào khách sạn nay em này mai em khác. Các em chân dài cần gì biết đến tiền nông xuất xứ ở đâu. Cháu không phải loại xài mấy cặp chân dài rồi làm vẻ đại gia.” [56, tr. 227]. Thật mừng vì trong cuộc sống còn có những người như Tường, những con người thuộc thế hệ ấy sẽ là tương lai của đất nước, là thành phần của cái thiện nằm trong sự đối lập với cái ác, cái dễ làm con người biến tính. Đối mặt với những khó khăn của cuộc sống sinh viên, Bảo và Thanh trong *Nước trong* vẫn giữ vững được tâm hồn trong sạch và một ý chí sắt đá: khắc phục mọi khó khăn, cố gắng học thật giỏi... Câu chuyện nhẹ nhàng như thanh lọc tâm hồn con người, gợi biết bao suy nghĩ về tuổi trẻ, về thời đại. Những con người như Bảo, như Thanh, biết nhường nhịn nhau, yêu thương bố mẹ, quyết tâm học hành, đó là những con người bản lĩnh, sống trẻ trung, tươi mới, tự đem lại hạnh phúc và may

mắn cho cuộc đời mình. Cũng vẫn là những con người như thế, nhưng lại là chỗ dựa, là nguồn sống mới, đem lại điều kì diệu cho những con người tưởng chừng như đã mất hết niềm tin vào cuộc sống và tương lai. Cầm (*Qua vườn là đến trường*) là một nhân vật như thế. Cầm sinh ra trong một gia đình nghèo và câu chuyện về gia đình cô, về những người hàng xóm sống xung quanh Cầm đã mở ra cho Việt một bầu trời mới với ánh sáng rực rỡ. Việt là con nhà giàu, ăn chơi trác táng, trong một lần quá phấn khích, Việt phóng xe như bay và tông vào Contairner. Thoát chết nhưng Việt bị liệt hai chân và cả tay. Hàng ngày Việt vẫn ngồi xe lăn trông ra bến xe buýt gần nhà mình. Tại đây Việt đã gặp Cầm. Hôm nào Cầm cũng lên chuyến xe buýt quen thuộc để vào viện thăm bố và Cầm đã kể cho Việt nghe bao điều về cuộc sống ngoài kia... Việt không thể tin nổi khi anh có thể tiêu xài tiền thoải mái thì Cầm dè sẻn từng đồng: bố cho năm chục mua giày để đi học cho ấm chân, Cầm dành ra hai chục cho thằng em lớn đãi bạn ăn chè, mười ngàn cho thằng em út ăn xôi, còn hai chục chẳng đủ mua giày, nhưng Cầm vẫn vui vẻ...., rồi Cầm kể cho Việt nghe chuyện ông Kiềm ở xóm Cầm, chuyện bà Hinh, ông Tài.... Đó đều là những câu chuyện thường ngày, sao bao lâu nay Việt không hề thấy, không hề nghe xem xung quanh mình hàng xóm sống ra sao, Việt ích kỉ và sống hưởng thụ trong hàng đồng tiền mà sáng sáng mẹ vẫn đưa cho, đâu biết ngoài kia còn có những người khổ như Cầm. Chính những điều đẹp đẽ từ Cầm đã khơi dậy trong Việt lòng ham sống, và Việt đã đi bằng đôi chân của mình, bằng sự cố gắng vượt bậc để tới trường, mở ra những tháng ngày tươi vui cho Việt.

Kiểu nhân vật tự ý thức trong truyện Lê Minh Khuê không nhiều nhưng đó là chỗ dựa, là những gì thánh thiện nhất còn tồn tại ở trên đời và những con người đó sẽ là nguồn sáng, là động lực cho những người bên cạnh vươn lên. Xây dựng những nhân vật như thế, nhà văn muốn gửi gắm, nhắn nhủ tới bạn đọc: cuộc đời không chỉ có cái ác, cái xấu, cuộc đời còn có những cái tốt, cái đẹp, còn có người tốt, người thiện. Vì vậy, chúng ta luôn phải nỗ lực vươn lên vì ở đâu đó người tốt vẫn còn nhiều và người tốt vẫn hiện hữu trong mỗi chúng ta.

2.2.2. Thế giới nhân vật mang đậm bản sắc văn hóa Việt và những ám ảnh về đời sống tâm linh

2.2.2.1. Thế giới nhân vật mang đậm bản sắc văn hóa Việt

Bản sắc văn hóa Việt, có thể nói đó là tất cả những gì thuộc về giá trị tinh thần và vật chất gắn liền với đời sống, con người và đất nước của nhân dân ta. Nhà văn phản ánh đời sống ấy thông qua nhân vật văn học, tất nhiên sẽ thấy được sự thay đổi, phát triển của văn hóa theo từng thời kì lịch sử khác nhau. Trong văn học Việt Nam, có những tác phẩm mà giá trị văn hóa được thể hiện rõ nét, như: *Cóm vòng*, *Giò lụa* của Nguyễn Tuân; *Thương nhớ mười hai*, *Món ngon Hà Nội* của Vũ Bằng; *Hà Nội băm sáu phố phường* của Thạch Lam,... Bên cạnh đó, lại có những tác phẩm không đi sâu vào miêu tả và thể hiện nét văn hóa Việt thông qua những giá trị văn hóa vật thể mà qua mỗi con người. Vì bản thân mỗi người Việt đã chứa đựng trong đó biết bao văn hóa truyền thống của quê hương. Trong truyện ngắn Lê Minh Khuê, văn hóa Việt không hiện lên bằng những thú vui ngày tết, những cảnh đẹp, những hội hè truyền thống... bản sắc văn hóa Việt trong truyện ngắn của bà là những gì rất nhẹ nhàng, tinh tế, ý tứ, nó ẩn trong từng con người cụ thể thông qua cách hành xử, ứng xử của nhân vật mà người đọc thấy văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Người Việt vốn trân trọng truyền thống nề nếp, gia phong trong gia đình, nó cũng là nền tảng tạo ra các giá trị đạo đức của con người. Sống trong một gia đình nhiều thế hệ: con cái phải kính trọng, lễ phép với ông bà, bố mẹ, nhã nhặn hòa thuận với anh, chị, em. Khi nền tảng ấy mất đi, các giá trị tinh thần thuộc về đạo đức cũng sẽ bị lung lay theo. Trong *Làng xi măng*, sự hiện hữu của bà nội Na mặc dù chẳng tác động nhiều đến cung cách làm ăn và sự thay đổi của mọi người trong gia đình, nhưng khi bà còn sống, thì cha mẹ Na và thằng Roi vẫn ít nhiều còn nề nếp. Bà vẫn là cái bản lề, gìn giữ tôn ti trật tự và là nơi trông vào mà sống của Na, của anh Thắng. Còn bà “tối bố phải về đúng giờ. Mẹ ăn cơm phải thưa: con mời bà” [49, tr. 74]; còn bà, “thằng Roi bán xe máy lấy tiền đi hát karaoke cũng phải lén lút, về nhà ngậm miệng vì nó biết ngôn ngữ của nó không còn bình thường chút nào” [49, tr. 74]. Văn hóa gia đình được gìn giữ qua bao thế hệ, và người già, người lớn tuổi trong nhà thường nghĩ tới nề nếp trước tiên. Không phải tác phẩm về văn hóa hay chỉ nói chuyện văn hóa thì

mới có giá trị văn hóa. Lê Minh Khuê là người thiếu thốn tình cảm từ nhỏ nên những khát khao về tình người, tình cảm trong gia đình bao giờ cũng là nỗi trăn trở thường trực trong trang viết của bà. Tuy không đi sâu vào chủ đề này nhưng nó vẫn hiện ra sâu sắc khiến người đọc lưu tâm. Nhưng có lẽ bản sắc văn hóa in đậm trong các tác phẩm của Lê Minh Khuê là nói đến cung cách ứng xử giữa con người với con người. Người Việt Nam dù đi đâu, ở đâu cũng vẫn có cung cách ứng xử rất “con người”, thể hiện tính nhân văn sâu sắc. Trong *Ngày còn dài*, sau khi biết rõ sự thật về Vị, đứa con nuôi của mình, ông Bản mắng nhiếc, quát tháo nó “cút khỏi đây”, nhưng như bao người cha thương con khác, ông nở lòng nào đuổi nó đi thật, cho dù nó hỗn láo, đã dám lừa ông. Sau những ngày ngẫm nghĩ về Vị, ông thương con theo cách cả nghĩ, bao dung: “thôi thì... nó vẫn là con. Làm sao chối bỏ được” [56, tr. 220]. Bao dung với con, đó cũng là nét tâm lí của người Việt ta. Nước ta có nền văn hóa, văn hiến lâu đời, những giá trị tinh thần từ thời xa xưa đã ăn sâu vào từng nếp nhà, nếp nghĩ của mỗi con người, nó trở thành những giá trị vĩnh cửu, soi sáng và chỉ lối cho con người trong đối nhân xử thế với chính mình, và với mọi người xung quanh. Văn hóa ứng xử của người Việt khiến con người trở nên tốt hơn, đẹp hơn trong mắt người khác. Dư (*Một mình*) vì ích kỉ và tự ti đã không đồng ý cho bố đi bước nữa, dù bao năm nay bố Dư trong cảnh “gà trống nuôi con” từ ngày mẹ Dư mất. Sự ích kỉ cá nhân của Dư làm bố buồn. Cái thời “Mấy đời bánh đúc có xương/ Mấy đời dì ghẻ lại thương con chồng” đã không còn nữa rồi, nhưng với Dư, cô chỉ muốn bố là của riêng mình, không chia sẻ cho ai. Xuất phát từ ý nghĩ ấy, Dư trở nên hẹp hòi, nhỏ nhen. Dư đã có bạn trai, có thể vui vẻ với hạnh phúc của riêng mình, vậy tại sao bố Dư không được cái quyền ấy? mà bao năm qua bố đã vất vả nuôi nấng Dư đủ đường. Phản ứng của Dư cũng là lẽ thường, vì Dư yêu bố, người đàn bà kia có tư cách gì mà “cướp” bố của Dư? Sự hằn học của cô còn lên đến đỉnh điểm khi Dư tận mắt chứng kiến bố hát cho người đàn bà kia nghe bài hát mà lúc nhỏ bố thường ru Dư ngủ. Dư bỏ đi, lấy cớ vì công việc của cơ quan và cô giận bố khủng khiếp. Nhưng từ đợt công tác trở về, nhất là sau khi chứng kiến anh bạn đồng nghiệp bị tai nạn lũ ống, nằm trong ranh giới giữa sự sống và cái chết, Dư đã nghĩ khác. Cô chủ động đón hai mẹ con người phụ nữ bạn bố sang nhà để ăn bữa cơm sum họp cùng bố và Dư. Cách hành xử của Dư làm hai

mẹ con người phụ nữ kia ngạc nhiên, còn người đọc lại thấy âm áp lạ kì. Đó là cách ứng xử của những con người có văn hóa. Câu chuyện kết thúc trong sự sum vầy, hạnh phúc. Hóa ra, bản sắc Việt không chỉ là những giá trị văn hóa đang hiện hữu hàng ngày như chúng ta vẫn nghe, vẫn thấy. Văn hóa, đơn giản hơn, có thể là ứng xử của con người trước một hoàn cảnh, một câu chuyện được đặt ra. Truyện ngắn Lê Minh Khuê cứ thế, dịu dàng len lỏi vào tâm hồn con người như một làn nước trong mát, làm cuộc sống con người trở nên dễ chịu hơn. Con người nhờ đó mà càng cảm thông cho nhau, trân trọng và vị nể nhau. Đó cũng là một phương cách để chung sống mà nhà văn muốn nhắn nhủ tới bạn đọc: hãy trải lòng mình với xung quanh, sống phải có lòng bao dung, độ lượng, đừng nhìn người khác bằng con mắt sấm soi và bản tính ích kỉ của mình. Nên có một cách nhìn khác về con người. Như vậy mới càng hiểu mình, hiểu người hơn. Đọc những tác phẩm của Lê Minh Khuê, người ta thêm trân trọng những giá trị văn hóa của cha ông vì nó đã làm giàu tâm hồn con người bằng tình người. Vì vậy, bản sắc văn hóa Việt trong mỗi câu chuyện của nhà văn đều có sự tác động đến người đọc. Trong *Sân gôn*, Lanh đã làm cái việc đáng chê trách, xấu hổ: dan díu với cả em vợ (cô Lễ). Khi Lanh bỏ vợ con đi theo Lễ, vợ Lanh cũng chỉ ngậm nguity chứ không dám ra dáng thị uy. Người đàn bà ấy tuy mất chồng nhưng vẫn ít nhiều giữ vẻ cam chịu, nhẫn nhịn. Nhất là khi Lễ sinh con gái, Lanh liền bỏ về nhà. Vợ Lanh không ghen, chỉ buồn và tấm lòng người chị thương em lại trĩu nặng. Cô thấy Lễ cũng cùng một số phận như mình, đã vứt bỏ một đời trong tay thằng chồng bê tha, nhếch nhác của cô. Dù sao cũng là dì của mấy đứa con cô, lại cùng phận gái như nhau “cô bỗng thấy thương em mình. Thế là lỡ cả một đời. Nuôi con một mình khổ lắm” [49, tr. 397]. Bỏ qua những tức tối ganh ghét, những uất ức trong lòng, giờ đây người đàn bà ấy chỉ còn tình thương với đứa em đã trót lỡ một đời. Lại thêm phải nuôi con trong sự cô đơn, vất vả, thiếu thốn khi không có chồng bên cạnh. Sự cảm nhận, chia sẻ tràn đầy yêu thương đó của người chị với em dì mà chỉ mấy tháng trước còn hằn học, nhìn nhau như kẻ thù, vậy mà nay trong lòng người chị chỉ có một nỗi niềm trĩu nặng. Yêu thương ngay cả kẻ đã làm đảo lộn cuộc sống gia đình mình, có lẽ chỉ có người Việt Nam với tấm lòng nhân hậu, bao dung mới có thể tha thứ như thế. Câu chuyện buồn nhưng ấm áp tình người. Cũng nằm trong mạch truyện về quan hệ giữa

những người đàn bà, Lê Minh Khuê đã tỏ ra có biệt tài khi miêu tả tỉ mỉ hành động của nhân vật để người đọc thấy được quá trình vận động từ cách nói năng đến ứng xử của nhân vật trước những thay đổi của thời cuộc. Trong *Nhiệt đới gió mùa*, cuộc chiến nảy lửa giữa hai người đàn bà (vợ cả và vợ lẽ ông Cơ) đã dẫn đến kết thúc bi thảm: người vợ lẽ bị mất một con mắt, hai tay ôm khuôn mặt đầy máu, hình ảnh đó khắc sâu trong tâm trí đứa con thơ và trở thành nguyên nhân của mối thâm thù dai dẳng giữa hai đứa trẻ khi trưởng thành (Hiếu và Phong). Nhưng khép lại quá khứ, đi qua nỗi đau về thể xác và những chấn thương dữ dội về tinh thần, người đàn bà vợ lẽ đã xúc động trước cách đối đãi của bà vợ cả ông Cơ. Kết thúc câu chuyện, người đọc thấy hình ảnh hai người đàn bà năm xưa nắm tóc chửi bới nhau thì nay họ ôm nhau trong sự thân thiết, gần gũi thật sự, và trong tình cảm thiêng liêng: cùng là dâu con, cháu chắt trong ngôi nhà này: “Hân ôm vai người đàn bà mà từ lâu rồi Hân không thấy ghen nữa” [56, tr. 73]. Và nỗi xúc động, nghẹn ngào trong tình thương mến của những con người đã trải qua khổ đau mất mát trong cuộc đời bỗng dung kéo người ta lại gần nhau hơn, xóa nhòa những ranh giới thù hằn. “Viết xung em với Hân mắt đầy nước chảy xuống mặt con mắt già cũng không ngăn được dòng nước tự nhiên của cảm xúc con người. Hai người đàn bà lại ôm choàng lấy nhau.” [56, tr. 74]. Xây dựng nhân vật trong những môi trường như thế, Lê Minh Khuê đã phát hiện ra phần thiện căn vẫn ẩn nấp đâu đó trong con người mà vào những lúc càng đau đớn, càng mất mát nhiều, con người càng nảy nở cái phần thiện ấy. Điều đó cho thấy dù cay nghiệt và thâm thù đến đâu, người phụ nữ bao giờ cũng vẫn nhã nhặn, hiền hậu, tiềm tàng lòng thương yêu con người, là những tâm hồn dễ lay động, chứa đầy xúc cảm và sự đầm ấm dịu dàng. Chính những con người ấy làm cuộc sống chúng ta thêm tươi mới, sáng trong, gần gũi và thân thiết với nhau hơn, để bỏ qua những lỗi lầm, những ngang trái trong cuộc đời. Viết về họ, những người giữ lửa trong mỗi ngôi nhà, Lê Minh Khuê đã có cái nhìn thiên tính nữ: bà cảm thông sâu sắc với những trầm tư lắng đọng của họ, và bà nhìn họ trong sự âu yếm, trân trọng, trong một không gian văn hóa đậm tình người. Bà Tuy trong *Một đời* đã được nhà văn miêu tả là một người đàn bà mẫu mực, con nhà gia giáo, nề nếp của thuở xưa: chịu đựng, dịu dàng, tận tụy, sống hết lòng với con cháu mà không bao giờ mong có ngày sẽ được đền đáp. Bà thương

con chồng còn hơn cả con đẻ, bà là chỗ dựa, là nơi nương tựa của không biết bao nhiêu con người trong lúc khốn khó cơ nhỡ đã được bà giang tay cứu giúp nhưng chỉ trong thoáng chốc họ vội quên ngay. Người đàn bà đó có một tấm lòng nhân hậu hiếm có, sẵn sàng chấp nhận những nghịch lí, những tráo trở của người đời mà không hề oán thán, trào giận, thậm chí bà còn dành những tình cảm thương yêu nhất cho họ. Thật hiếm có người nào như bà Tuy: khi chồng đi kháng chiến, một mình bà ở nhà lo chống đỡ cho mấy đứa con, vậy mà khi trở về chẳng bao lâu, người vợ hờ của chồng đã xách mấy đứa con đến cho bà, bảo rằng: “Thưa chị, em đem trả anh Thạch hai cháu đây. Em còn trẻ, em xin phép anh Thạch đi lấy chồng” [49, tr. 163]. Bà Tuy trước tình thế ấy, không giận giữ, không lạnh lùng mà ngược lại, với bản chất nhẫn nhịn của người đàn bà quê mùa, bà chỉ thấy thương cho hai đứa trẻ, còn bé đã bơ vơ lạc lõng, thiếu tình thương yêu đùm bọc của người mẹ. Văn hóa ứng xử của phụ nữ Á Đông là như vậy: hiền hòa, ý tứ, tinh tế mà có tình yêu thương vô bờ bến. Nhờ tình người ấy mà con người sống với nhau thân ái hơn, tôn trọng nhau hơn. Nó như được nhân lên một tình yêu khác trong những tâm hồn khác. Nó là cầu nối để con người đến với nhau trong những mối quan hệ bền chặt, đồng thời văn hóa ứng xử đúng mực, đề cao tình người cũng làm con người thêm hiểu nhau, gần gũi đồng cảm và sẻ chia với nhau. Đọc những truyện ngắn gần đây của Lê Minh Khuê lòng người như chao đi trong xung đột của những mối quan hệ phức tạp của đời sống nhưng con người cũng thấy ấm áp trở lại trong những không gian văn hóa truyền thống. Ở đó nhân vật không hành động theo lí trí bản năng mà hành động theo tư duy văn hóa trong cách đối đãi, phản ứng trước cuộc sống hiện tại. Giống như hình tượng nhân vật bà Tuy, bà Hòa trong *Xóm nhỏ* cũng là người đàn bà tận tụy với con cháu, một kiểu người cũ còn giữ được nét nền nã với bản tính nhún nhường, thật thà, chân chất. Bà mừng rỡ khôn tả khi mấy chục năm rồi mới lại có họ hàng nhớ tới mà đến nhờ vả bà. Người đàn bà lúc nào cũng cô đơn và thiếu thốn tình cảm gia đình ấy đã chăm sóc, yêu chiều thằng Đáng và phục vụ nó như một người đi ở. Đặc biệt, bà không giấu nó bất kì thứ gì: mỗi lần phải dùng đến số tiền ít ỏi tiết kiệm của mình để trang trải bữa ăn hàng ngày cho thằng Đáng theo yêu cầu của nó, hay việc bán chiếc nhẫn đi, kể cả khi bà viết giấy chuyển nhượng nhà cho nó, trong thâm tâm người đàn bà đáng

thương ấy cũng chỉ có một điều: dù sao nó cũng máu mủ ruột rà, rồi thì nhà này là của nó chứ của ai “chắc sau này nó không đối xử tệ với cô” [49, tr. 208]. Cái cung cách nói năng nhỏ nhẹ, tinh cảm và thật thà của bà mang dáng dấp của người thiếu nữ ngoan hiền xưa kia trong một nhà gia giáo lắm. Bà Hòa, bà Tuy đều là những con người phảng phất nét văn hóa thâm trầm, cổ kính xưa: họ là lớp người của một thời xa xôi khi cha mẹ gọi thì “bẩm”, hỏi thì “thưa”, được gả đến nhà người ta thì khép nép sợ sệt. Họ là thế hệ của lớp người xưa nhưng cũng là những con người gìn giữ văn hóa cha ông để lại. Có những con người như thế, các giá trị văn hóa truyền thống mới bền vững. Trong tác phẩm *Trong làn gió heo may*, câu chuyện về gia đình ông cựu binh già thật cảm động. Những cảm xúc của người đọc càng dấy lên khi họ thấm thía một điều: đã là trong một gia đình, ai cũng muốn điều tốt đẹp nhất cho mọi người. Ông Trương bị di chứng từ cuộc chiến tranh và mỗi lần trái gió trở trời ông lại đau đớn khó thở, bệnh ngày càng nặng, ông chẳng sống được bao lâu nữa. Vợ con ông biết nhưng giấu ông để ông có thể sống những ngày cuối đời trong thanh thản. Còn ông, ông cũng tưởng rằng mình mới là người phải giấu cái nỗi buồn ấy đi để những người thân bên cạnh có thể sống vui vẻ, hạnh phúc. Vậy là tất cả họ đều dối nhau, nhưng là cái dối trá xuất phát từ tình yêu thương, và người hàng xóm - người đã chứng kiến câu chuyện từ đầu mới thấu hiểu điều đó. Chỉ có người Việt Nam mới âm thầm chịu đựng nỗi đau như thế, họ không muốn người thân lo lắng cho mình. “Văn hóa” giờ đây không phải là những gì phù phiếm bên ngoài, có thể sờ nắn được, văn hóa gia đình, tình thương yêu lẫn nhau là thứ thiêng liêng nhất mà con người trong cuộc đời mình suốt đời phải tìm kiếm. Viết những trang văn đầy xúc động như thế, nhà văn như hòa mình trong những mất mát, đau đớn của nhân vật. Nhưng điều đáng nói hơn cả là cách ứng xử trước cái chết. Vợ con ông “lờ” đi kết quả xét nghiệm của ông mà bác sĩ đưa cho vì họ hiểu quan trọng nhất với ông lúc này là sự vui vẻ. Còn ông Trương, ông lại nghĩ con người rồi cũng theo quy luật của tạo hóa, về với cát bụi, hãy để cái chết đến thật nhẹ nhàng và vì vậy ông đã cầu xin người hàng xóm, bạn chơi cờ với ông và cũng là người chứng kiến câu chuyện, đừng cho vợ con ông biết. Cuộc sống đối với mỗi người Việt, điều quan trọng là tinh thần. Coi trọng tinh thần, coi đó là nền tảng duy trì hạnh phúc, là cầu nối tình yêu thương giữa con người với

con người trong cộng đồng. Và những gì đã thuộc về văn hóa thì không dễ thay đổi, nó như những lớp kí ức của con người, vì thế con người không thể bỏ quên nó. Trong *Ga xép*, ông Lăng khó thích nghi được những cái mới của cuộc sống hiện đại đem lại. Ông sống khó khăn trong ngôi nhà ba tầng của con cái xây cho, nhưng chúng đâu có hiểu lòng ông. Ngôi nhà cũ, mái ngói rêu phong mang hơi ẩm mốc của gạch vữa xưa cũ, nhưng ông đã sống trong ngôi nhà đó với biết bao thế hệ. Những linh hồn trú ngụ trong ngôi nhà cổ vẫn hàng ngày dõi theo ông như nguồn động viên, khích lệ. Có lúc ông thảng thốt giật mình vì một tiếng gọi đâu đó xa lơ xa lắc của người cha đã ra đi mãi không về.... Người già cô đơn thường hay sống với quá khứ và họ chỉ tìm thấy sự bình yên thư thái trong tâm hồn khi được sống với những kỉ niệm thời son trẻ, những nỗi buồn niềm vui họ đã trải qua trong cuộc đời. Nhân vật của Lê Minh Khuê đều sống trong không khí của văn hóa Việt: văn hóa đối xử với con người, với quá khứ, sự trân trọng những giá trị truyền thống của cha ông. Và tất cả thấm đẫm trong những trang văn về con người và cuộc đời.

2.2.2.2. Một thế giới nhân vật với những ám ảnh về đời sống tâm linh

Nói đến tâm linh, là nói đến một khía cạnh, một phạm trù của ý thức tinh thần, con người không thể chạm tay vào được, bởi nó không cụ thể, không định hình. Vậy tâm linh là gì? Theo *Từ điển Tiếng Việt*: “Tâm linh là khả năng đoán trước những điều sắp xảy ra theo quan niệm duy tâm” [104, tr. 1197]. Còn theo Nguyễn Đăng Duy: “Tâm linh là những cái trừu tượng thiêng liêng, thanh khiết” [20, tr. 35]. Nhưng mỗi người bằng những trải nghiệm của mình lại quan niệm tâm linh theo những cách thức khác nhau. Nói chung, đó là thế giới chứa đựng những gì rất bí ẩn, huyền hoặc và hư vô, là cái mông lung trong sâu thẳm tâm hồn con người.

Trong khi khoa học đang nghiên cứu, tìm tòi về đời sống tâm linh thì văn học nghệ thuật đã trở thành một phương tiện, là cầu nối để thể hiện cảm xúc, những mộng tưởng suy tư, chiêm nghiệm của con người trước cuộc đời. Nhiều tác phẩm văn học thời kì đổi mới rất quan tâm đến vấn đề này. Đặc biệt là trong sáng tác những năm gần đây. Truyện ngắn của Lê Minh Khuê cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Và điều này có thể tìm thấy trong các truyện ngắn: *Nhiệt đới gió mùa*, *Anh lính Tony D*, *Một mình qua đường*, *Cuộc chơi*, *Máu hổ*.... Trong những tác phẩm đó, người ta thấy

nhân vật luôn bị ám ảnh về đời sống tâm linh. Trong *Anh lính Tony D*, lão Thiến và thằng Thán đều cùng một lúc sống trong ảo tưởng và cảm giác như có ai chạm vào mình, lay gọi mình khi hai cha con lim dim chìm vào giấc ngủ. Sau khi thằng Thán đem bộ hài cốt của người lính Mỹ về nhà, lão Thiến luôn sống trong mộng mị. Cứ chợp mắt, lão lại thấy hình ảnh của người lính kia và lão hãi thực sự. Lão cảm tưởng như “có bàn tay ai đập nhẹ vào vai. Lão ngẩng lên, rõ ràng như ban ngày, lão nhìn thấy mặt thằng Mỹ đen như hắc ín, răng trắng như vôi, hấn đưa bàn tay chỉ còn xương ra vuốt tóc lão. Lão cố cự mình mà không cự nổi” [49, tr. 222]. Sự xuất hiện của người lính Mỹ lẫn trong những suy nghĩ sợ hãi về cái chết, về tội lỗi của những con người đầu cơ trục lợi trên phần linh hồn người khác đã làm lão Thiến không yên lòng. Thằng Thán cùng một giấc mơ như lão. Và chi tiết này, Lê Minh Khuê đưa vào trong truyện được coi như một yếu tố có tác dụng ngăn chặn ái ác đang lây lan. Tâm linh là thuộc về vùng sâu thẳm mà con người chưa khám phá được nên con người còn lo sợ về nó, bởi vậy, dù tham lam, bố con lão Thiến cũng cảm thấy hoang mang. Do đó, tâm linh trong trường hợp này đã mang một ý nghĩa khác: là nhân tố chế ngự cái ác, mà khi con người còn biết sợ có nghĩa là con người vẫn còn có nhận thức, vẫn có thể cải hóa được. Hình ảnh nham nhở, mờ ảo của người lính kia trong giấc mơ đã trở thành những ám ảnh đối với hai cha con lão Thiến, làm cho chúng “lần đầu tiên khám phá ra rằng có một cái gì bí ẩn vẫn không chế những giấc mơ con người. Nó không chế cả tham vọng tiền bạc, cả sự độc ác và ngu muội của con người” [49, tr. 223]. Khi con người sống chỉ vì những tham lam độc ác, những tha hóa khiến con người trở nên bệ rạc, dần mất hết tính người, thì những ám ảnh về đời sống tâm linh ấy trở thành một cách thức ngăn trở và chế ngự thú tính trong con người. Ít nhiều nó tác động đến bản chất người. Lần đầu tiên trong cuộc đời, nó làm lão Thiến phải có những hành động quy lụy, miệng cất lên những tiếng van xin trước “cái gì mạnh khủng khiếp nhập vào người” [49, tr. 223] “cả đời lão không biết khấn ai, nhưng lúc này lão si sụp trước cái ba lô: ông có khôn có thiêng thì ông ngủ đi, ngày mai thằng con tôi tìm đường cho ông về quê quán. Như vậy thằng con tôi đã làm phúc chứ không phải nó gây tội. Ông về với cha mẹ vợ con, còn hơn là ông nằm lại rừng núi mà không ai tìm thấy ông” [49, tr. 223]. Nhưng những ám ảnh ấy vẫn dội về trong

lão, nó làm lão hàng đêm không ngủ được vì sợ, giấc mơ này nối tiếp giấc mơ khác, “lão mơ liên tục” và “mỗi lần lão mơ, lão lại nghĩ thấy mùi hôi của xương của thịt được đào lên từ mồ mả. Có lúc lão lại thấy trần xi bộ xương trắng hếu đi lách cách trong nhà; bộ xương leo lên giường, lên thành cửa sổ rồi cái mồm xương với hai hốc mắt nhìn lão chăm chăm ghê gớm” [49, tr. 224]. Sự trở đi trở lại của giấc mơ về người lính da đen khiến lão Thiên xưa nay “chưa hề yếu bóng vía thế mà mấy ngày nay lão cứ bủn rủn cả chân tay mỗi khi nghĩ tới giấc ngủ” [49, tr. 224]. Trong chùng mực nào đó, tâm linh trở thành một yếu tố để ngăn trở cái ác làm cho con người tỉnh táo và sáng suốt, nhận ra việc làm và hành động sai trái của mình để hướng đến những điều tốt đẹp hơn. Trong *Cuộc chơi*, Lê Minh Khuê nói đến tâm linh như một phép thử đối với các trạng thái tồn tại khác nhau của con người. Từ lúc sinh ra, thằng Sớm đã được bà mụ ban phát cho thêm nốt son ở trên trán. Con mắt thứ ba ấy trở thành lá bùa phù trợ cho nó, đi cùng nó trong cuộc đời. Và sự thay đổi liên tục về màu sắc của nốt ruồi lại ứng với những nấc thang “lên voi xuống chó” của nó. Từ nhỏ nốt son không có gì thay đổi nhiều, cuộc đời của thằng Sớm cũng chưa có lúc nào gặp nguy hiểm. Nhưng khi đến tuổi trưởng thành, do tội giết người, nó phải vào nhà giam và bị đi đày ở côn đảo, vết son không hề mất đi, chỉ nhòe tí chút. Vào thời kì đất nước sau hòa bình, mọi cống hiến cho cách mạng được người ta nhớ tới, thằng Sớm trong những ngày ở đảo đã giúp một tù nhân, một chiến sĩ cộng sản thoát chết trong cái đói nhờ những mẩu bánh mì của nó, sau này vì vậy mà nó được hưởng mọi giàu sang phú quý. Người ta nâng niu, tung hô kêu tên nó khắp nơi, nhà soạn kịch nổi tiếng còn viết về nó như một vị anh hùng. Và từ sâu thẳm nó như nghe tiếng ai vọng về “người ta cho thì con cứ nhận, có lộc cứ hưởng...”, tiếng nói càng làm nó vững dạ yên tâm nhận lấy tất cả những gì mình được ban phát. Lúc đó, nốt son trên trán nó đỏ tươi hơn bao giờ hết. Đó cũng là thời kì huy hoàng của thằng Sớm. Và suốt câu chuyện, hình ảnh về nốt son ám ảnh người đọc. Trong cuộc đời, người ta dễ thường ai cũng có may mắn được trao cho bởi một lực lượng siêu nhiên nào đó. Nhưng cái may mắn ấy không phải nó có thể dễ dàng đậu lên vai bất cứ ai, nó chỉ đến với ai có lòng thiện, có nhân tâm. Nó là sự cổ vũ, khích lệ con người vượt qua những gian khổ, khó khăn mà như người ta thường nói “trời không chặn mọi đường sống của con người”. Vì vậy,

suốt những năm tháng chiến tranh gian khổ, cái chết đặt bên cạnh cái sống nhưng thằng Sóm vẫn bình an vô sự vì nó tin vào nốt son, nó thấy nốt son đỏ lấm, tươi lấm, cuộc đời sẽ còn nhiều may mắn đến với nó. Nhưng khi người tù năm nào vì hiểu lầm mà bị bắt giam, ông ta cho đưa con gái đến cầu cứu Sóm, chỉ cần Sóm nói ra sự thật về những ngày tiếp tế cho ông ở đảo thì ông sẽ được thanh minh. Vậy mà thằng Sóm trắng trợn coi như không hề quen biết, nó sợ chiếc ghế nó đang ngồi và mọi vật chất nó đang hưởng sẽ bị lung lay. Nó quát mắng thậm tệ cô con gái và đuổi ra khỏi nhà. Nhưng lạ thay, ngay sau đó nốt son trên trán ở bức tượng mà nó được người ta khắc tặng, vẫn để trong phòng cũng bị ai cạy mất. Điều này như sự báo trước về vận mạng của nó. Nốt son thật trên trán của nó chỉ ít ngày sau cũng tự dung biến mất, nó hiểu rằng cuộc chơi đã kết thúc và nó phải tự lo cho số mệnh của mình. Không chủ tâm viết về đời sống tâm linh, nhưng đặt nhân vật trong những chiều kích tâm linh như thể Lê Minh Khuê đã cho thấy bà khám phá con người ở cả bề tâm tưởng. Những ám ảnh nào đó thuộc vùng tâm linh còn đang là bí mật xa vời với con người mà con người chưa thể nào chạm tới được. Những yếu tố tâm linh có sự tác động đến con người, nó có thể đem lại những may mắn, cơ hội thì cũng có thể lấy đi những gì nó đã ban phát. Cuộc sống rất công bằng. Khi điều may mắn đặt trong tay những kẻ tốt nó sẽ càng tốt lên, ngược lại khi nhân tính con người biến mất, nó trả lại cho con người cái bản mệnh vốn có. Con người sẽ phải tự nhận lấy số mệnh của mình và chèo chống với đời. Những trang văn của Lê Minh Khuê khơi gợi người đọc đến sự may - rủi, cái thiện - cái ác trong cuộc đời và bà dấy lên niềm tin mãnh liệt cho con người: sống lương thiện sẽ được bù đắp, gặp may mắn, còn xảo quyệt gian manh, độc ác sẽ phải nếm mùi cay đắng, khổ hạnh. Như một nỗi sợ hãi mơ hồ đã bắt đầu đến với thằng Sóm. Và không phải đợi lâu, trong cơn mê ngủ gục xuống bàn, nó mơ thấy ông Ngọc - người tù cộng sản bị kết án tử hình, đã trở về từ xa xăm nói với nó: “Mày là của quái, Sóm ạ. Đóng dấu cho mày phí toi, nhằm to. Khôn hồn thì biến đi còn bảo toàn mạng. Mày có giọt máu chỗ đưa con gái tao. Nhưng đừng đụng đến nó. Mày không có phúc đó nữa.” [52, tr. 375]. Khi trở thành “của quái” tức là cái phần người trong Sóm đã biến mất, nghĩa là Sóm cũng không có quyền được hưởng cái phúc ở đời nữa. Lời của ông Ngọc như truyền lại lời phán xét của bà mẹ về dấu son may mắn mà bà

đã dành cho nó. Ngay sau cơn co giật, sốt mê man, lạ lùng thay, cái dấu son cũng biến mất và thằng Sớm hiểu rằng may mắn cũng đã ra đi.... Trong câu chuyện này, nốt son như một hình ảnh tượng trưng về lực lượng siêu nhiên và sử dụng phép thử này, nhà văn đã phát giác cái ác, cái nham hiểm trong con người. Khai thác tâm lí con người cũng như miêu tả về họ từ góc độ tâm linh văn hóa, con người được lột tả một cách trần trụi với sự tha hóa không ngừng trong tâm hồn. Đây cũng là một biệt tài của Lê Minh Khuê: khám phá nhân vật từ nhiều góc độ khác nhau, vượt ra phạm vi của văn học đơn thuần để xem xét con người trong các giá trị tinh thần vĩnh cửu của nó. Trong tác phẩm của Lê Minh Khuê, sức mạnh vạn năng của lực lượng siêu nhiên là một điều còn chưa ai khám phá được, vì vậy mà nó trở thành công cụ để ngăn chặn cái ác, chế ngự những điều xấu xa, khiến con người vì sợ mà sống tử tế hơn với đời. Gã trong *Lãng mạn nửa mùa*, một tay chơi táo tợn với các em chân dài và không chịu bất kì một hậu quả nào hết, vậy mà cũng có lúc phải dừng lại. Trong một lần bị tai nạn suýt chết, gã lơ mơ thấy cái gì như số mệnh gắn với gã “Ông trời trên cao xem tất cả như nhau. Lên hạng tốt vời như gã xe tông gã cũng nghèo như chúng sinh...” [56, tr. 178]. Và câu nói của ông già trong bệnh viện “số cậu chưa tận đâu, có người đỡ đấy. Cái người này chưa ra đời đâu đấy, nhưng mạnh lắm không có nó cậu không xuôi đâu” [56, tr. 178- 179] đã ám ảnh suốt trong đầu gã. Gã ngẫm nghĩ sâu xa “hóa ra đẹp trai - tự phong - như gã đi đến đâu các em chết đến đấy sở hữu toàn em nổi tiếng đám đông chê bai hết thầy thiên hạ tiền kiếm như quân nguyên muốn đi đến xó nào trên thế giới cũng dễ như đi chợ... mà lại suýt chầu trời vì tông xe. Thông thường như thiên hạ thấp kém. Cũng thông thường khi có một mầm sống ở đâu đó là thần hộ mệnh” [56, tr. 179]. Chính những ám ảnh đó đã làm gã nghĩ lại, có cái gì thôi thúc làm gã ngó ra, số phận và sự may rủi của gã phụ thuộc vào cái “mầm sống kia”. Gã phải tìm hiểu xem sự thể. Và gã quyết định “vậy thì phải xuống tông, phải thông thường..” [56, tr. 179] nên tối nào gã cũng chầu chực trước cửa một ngôi nhà, và gù “như gấu bắc cực” mà chờ đứa trẻ ra đời. Trong *Nhiệt đới gió mùa*, tội lỗi của con người đã trở thành những day rút, ám ảnh, nó trở về thường trực trong đầu ông Quyết với nỗi sợ hãi khủng khiếp trước linh hồn người chết: “Ông ta thẳng thốt lấy tay che ánh sáng nhìn cho rõ rồi một cách bất ngờ một cách khủng khiếp trong nỗi ám ảnh đã

lâu, chắc thế, ông ta sụp xuống đất quỳ đầu gối xuống rồi lết bằng đầu gối ra chỗ anh em Hiếu” [56, tr. 83]. Và ông ta tưởng ông Tuấn về hỏi tội mình, nên hành động một cách vô thức: “Ông ta úp mặt vào đất, hai tay chấp lại rồi cứ thế ông ta lay. Ông ta lay như bị lên cơn như bị ộp đồng trán ông bắt đầu tím lại.” [56, tr. 179] đến nỗi nói lạc cả giọng “con xin hôn ông có thiêng thì ông siêu thoát đừng về làm tình làm tội con mãi” [56, tr. 84].

Đời sống tâm linh khó có thể nắm bắt và nhận biết được vì nó tồn tại trong cõi mộng lung của tâm hồn con người. Truyện ngắn của Lê Minh Khuê sau năm 1975 đã có những đóng góp tích cực trong việc khám phá bề sâu tâm hồn con người, cũng là khám phá thế giới tâm linh, thế giới tinh thần vốn rất đa dạng, phong phú, còn ẩn chứa nhiều điều bất ngờ, thú vị. Đọc truyện ngắn Lê Minh Khuê chúng ta thấy bà đã đặt nhân vật trong các chiều kích tâm linh khác nhau với những ám ảnh không ngừng. Có như thế, nhà văn mới có điều kiện đi sâu vào thế giới tinh thần, phát giác những tội ác đã trở thành ám ảnh trong họ. Đó cũng là một phương thức để khám phá con người - đối tượng muôn đời của nghệ thuật. Tuy nhiên, trong tác phẩm, Lê Minh Khuê đã nhìn đời sống tâm linh của con người bằng một hướng khác: đó là đời sống tâm linh bằng sức mạnh riêng của mình góp phần vào việc ngăn chặn và chế ngự cái ác, làm con người sống tốt hơn, biết dừng lại khi chưa đi quá xa. Chính điều này đã giúp con người tìm được sự yên ổn và trạng thái cân bằng trong cuộc sống.

2.2.3. Thế giới nhân vật mang những ưu tư có tính triết luận gắn với cuộc sống nhân sinh

Sau chiến tranh, trở về với cuộc sống đời thường, người lính phải đối mặt với hiện thực mới: họ không thể sống mãi trong vàng hào quang chói của chủ nghĩa anh hùng cách mạng nữa. Giờ đây những lo toan, bộn bề của cuộc sống đã bắt đầu kéo họ đi và họ - những con người đã quen với chiến trường, thì nay trong “cuộc chiến” mới họ phải vật lộn với mọi đổi thay của cuộc sống để tồn tại. Thắng (*Đạo đó, thời chiến tranh*) đã đổ lỗi cho hoàn cảnh trước sự nhu nhược, ươn hèn của anh. Thắng bảo thời này nó thế, “làm người ta không thờ được”. Nhưng chính Thắng mới là người không chịu nhận ra sự thật: cuộc sống đã biến đổi rồi, thời đại mới không chấp nhận loại người bạc nhược như anh. Thắng muốn thoát khỏi tình cảnh ấy chỉ có thể bằng sự vận

động của chính bản thân mình. Thắng phải biết vươn lên bằng nghị lực, lòng tự trọng để cải hóa nó. Khác với Thắng, Hải (*Ngày trở về*) thất vọng trước cuộc sống ngột ngạt bức bối với cô vợ mới cưới, và để tìm lại được sự thanh thản nơi tâm hồn, anh đã tìm việc trên một công trường khai thác đá. Hồi mới ở chiến trường về, anh chẳng mang theo gì, đến nỗi mọi người xung quanh gọi anh là “đọt”, vì “ở trong ấy lâu thế mà ra chẳng có gì”. Cuộc sống đã thay đổi rồi, bây giờ người ta không nói chuyện chiến trường nữa, đi đến đâu anh cũng chỉ nghe toàn những chuyện về giá cả, mua bán....., người ta đang nhón nháo để chạy ăn từng bữa... Ngày mới trở về, Hải đã kể cho cụ Tiệm, thế hệ người già trong xóm nghe về những điều anh đã trải qua “những cơn sốt rét, những cái đói đến mờ mắt, run cả chân tay, những trận mưa dầm dề ở rừng, những bãi bom B.52 không còn một ngọn cỏ sống sót, những trận quân ta đánh một cách tài tình...” [49, tr. 113]. Nói những điều đó, rõ ràng Hải vẫn đang sống trong những ám ảnh về quá khứ, chưa dễ rút ra. Nhưng hiện thực cuộc sống đã khác, người ta phải lo cho cái ăn cái mặc, cho “những ngày còn dài ở phía trước”. Hải trở nên lạc lõng bơ vơ ngay trong chính gia đình của mình, với chính cô vợ mà cách đây mấy tuần anh còn cảm thấy “dễ thương”. Sánh thay đổi “vèo vèo”. Sống bên Sánh, Hải càng nghĩ ngợi, càng chăm chăm lo đi xin việc ở một nơi thật xa để anh có thể tìm được chút thanh thoi. Hải làm sao có thể thích nghi ngay được với lối sống của Sánh, vì “sinh ra trong một gia đình nề nếp, Hải nhiễm cái tính nhún nhường, tôn trọng người khác của mẹ” [49, tr. 118]. Thêm nữa, Hải lại là người sống nội tâm, anh vẫn “e sợ dư luận, sợ những lời xì xào bàn tán về mình chứ không như Sánh” [49, tr. 126]. Những trăn trở buồn lo ấy của Hải cũng là nỗi trăn trở của người lính trở về sau chiến tranh. Miêu tả những nhân vật đó và đặt họ trong hoàn cảnh này, Lê Minh Khuê đã phản ánh và nhìn nhận người lính từ chiều sâu tâm hồn với những suy tư còn vương vấn với quá khứ rất nhiều. Bằng cái nhìn cảm thông, Lê Minh Khuê đã nói đến một hiện tượng tâm lí mới nảy sinh của những người lính khi đất nước vừa hòa bình và họ chưa kịp thích nghi với cái mới: đó là sự buồn tủi, chán chường. Nhưng Hải còn có những người thân xung quanh và những người như ông cụ Tiệm để chia sẻ, giải bày mọi suy nghĩ của mình về cuộc sống đương thời. Còn ông Lăng trong *Ga xép*, một cựu phóng viên chiến trường, lại sống trong một miền mơ tưởng rất xa: ông

sống với quá khứ đau buồn về cha, mẹ ông. Mà ngay bên cạnh ông, ngoài “bức tường cao ken đầy mảnh chai, bên trên chằng dây thép gai” [49, tr. 33] kia là cuộc sống ồn ã, náo nhiệt và sự dửng dưng của người đời. Ông mụ mị suy nghĩ về đời người “đời của một người Việt đầy ắp những âm thanh hồi hã” [49, tr. 39] và cuộc sống đối với họ “như chuyến tàu chợ, hành lí nhặt nhạnh tạm bợ, mặt mũi bơ phờ. Chuyến tàu đôi khi dừng ở ga xép cho người ta xuống xả hơi tí chút. Trong cái ga xép ấy là một thoáng bình yên như không có thực” [49, tr. 39]. Trải qua những biến động của thời cuộc, đã từng chứng kiến những mát mát đau buồn của cha mẹ, ông Lăng đã suy tư lặng lẽ về cuộc đời và con người. Trong chuyến tàu cuộc sống hồi hã và vội vã ấy, con người vẫn tìm được sự bình yên cho tâm hồn vì “sự bình yên ít ỏi ở những ga xép sống mảnh liệt hơn sự hãi hùng” [49, tr. 39]. Ông chiêm nghiệm về cuộc đời ông, về những người thân như nhắc nhớ lại một thời nhọc nhằn trong quá khứ. Cha ông vì những hãi hùng của một thời đại mà đi mãi không về, mẹ ông suốt đời đau đáu chờ đợi trong mỗi mòn và trong sự ân hận xót xa vì lúc chồng bị đưa đi vẫn chưa được ăn bát canh cải cá rô. Từ chuyến tàu ấy, ông nghĩ đến mọi điều: về con người, những người Việt Nam như ông, về gia đình: nhỏ bé, sống nhũn nhặn, đã từng vào chiến trường với hình ảnh những người thân mà giờ họ đều đã đi xa chỉ còn mình ông trong ngôi nhà có bức tường cao ken đầy những mảnh chai.... Nó làm ông ghê sợ, nhớ đến những ngày cuối tháng 4 năm 1975 khi ông theo bộ đội tiến vào một thành phố đẹp như hoa..; ông chiêm nghiệm về cuộc sống, về những giá trị tưởng nhỏ nhất lại rất thân quen, gần gũi, làm bừng sáng kí ức và trở thành nơi nâng đỡ cuộc sống tinh thần cho ông. Đó là gian nhà cũ với những linh hồn trú ngụ từ mấy đời, họ là nguồn động viên, họ dõi theo những buồn vui của ông. Đó là những đám cưới nhộn nhạo trong cảnh ăn uống và phong bì, nhưng ông không sống khác được “người mình thì vẫn là mình thôi” [49, tr. 35]. Ông nhớ lại và so sánh với đám cưới con gái ông: tuy không có những thứ đó, nó vẫn minh hơn, nhưng ông lại thấy buồn như thiếu thiếu một cái gì, nó không như mọi người. Và nỗi trăn trở về số phận con người với những lưu lạc đã gọi lại trong tiềm thức của ông về chiến tranh: “cái quả bom của chiến tranh nhiều phía đã nổ tung đất nước ông. Những con người tung tóe khắp hành tinh, mang theo những hận thù, để lại nhiều nghi kị” [49, tr. 37] và hệ lụy của nó còn mãi tới sau này:

“khi đoàn tàu đã có thể dừng chân ở ga xép, ông nhìn thấy trên sân ga một biển người xám ngoét và hung hãn vì đói vì thất vọng” [49, tr. 45]. Những cái đói khổ ấy vẫn đeo đẳng và trở thành bóng tối bao trùm cuộc sống con người. Nhưng “những ngày đó sao vẫn có thể sống, nhai bo bo, xếp hàng mua bìa đậu, và mơ tới một lúc nào đó thoát khỏi bóng tối” [49, tr. 45]. Còn bây giờ, sống trong sung sướng, nhà bê tông hàng rào chắc chắn mà ông không thể sống được. Những đứa con ông đã không hiểu tâm tư của người cha, chúng đẩy ông vào cuộc sống cô đơn, xa lánh với cuộc sống bên ngoài bằng “hộp bê tông” vững chãi kia, để rồi trên chuyến tàu chung ấy, ông đã không đợi được đến ga xép của mình, ông cũng không đợi được những đứa con. Ông ra đi trong sự tuyệt vọng vì chẳng “ai chờ đợi được ai trong cái biệt thự này” [49, tr. 46]. Lê Minh Khuê dường như lắng nghe và thấu hiểu hết những suy tư nỗi niềm trong những tiếng thở dài, những ngao ngán về cuộc đời và con người của ông Lãng. Bằng cách len lỏi vào tâm hồn con người, nhà văn đã làm cho nhân vật của mình có một đời sống nội tâm phong phú, có thể soi chiếu nhiều biến cố, suy nghĩ về mọi vấn đề nhân sinh của cuộc sống. Bên cạnh tâm tư của những người lính trở về sau chiến tranh là suy nghĩ rất bình thường của những con người đời thường trong cuộc sống nhưng những suy nghĩ ấy lại mang tính triết luận sâu xa, thể hiện cách nhìn nhận cuộc đời rất phong phú. Trong *Nghĩ ngợi quẩn quanh*, mỗi nhân vật là một cách nhìn về cuộc sống. Vĩnh, bố con Hộ, Hương,..., mỗi người trong họ cùng nhìn một sự việc nhưng cách nghĩ lại khác nhau, nhất là trước cái ác, cái xấu. Hộ gặp lại kẻ đã giết mẹ và em mình năm nào trên một chuyến bay khi đi công tác, anh giật mình vì kết luận của tòa án là tử hình, vậy mà..... Hộ bắt lực và chính vì bắt lực, Hộ không thể làm gì hơn nữa, anh đắm chìm trong quá khứ về em, về mẹ.... Điều đáng nói là, anh cũng chỉ là một con người nhỏ bé, phát hiện ra cái ác chưa được trừng trị nhưng không có cách nào để phát giác nó khi trong xã hội còn đầy những cái bản thủ đang hủy hoại con người. Mà tất cả đều bắt nguồn từ thói khúm núm, giả tạo của con người “dân nó thích khúm núm thế thì quan nó được hưởng” [56, tr. 201] dẫn tới hậu quả “hưởng mãi ngấm vào máu thành thói quen, thành tính cách một xứ sở” [56, tr. 201]. Những suy nghĩ ấy của bố Hộ làm anh bưng tỉnh. Chỉ có Hộ là lúc nào cũng muốn đi tìm cho ra lẽ sự thật còn mọi người xung quanh anh ai cũng nhìn nhận cuộc sống theo

hướng khác. Bố Hộ bảo “thằng Tùng nó sống hay chết cha con mình cũng chịu. Làm được gì” [56, tr. 197]. Hương thì khuyên anh “thôi anh ạ... Nó đã được chuẩn bị từ A đến Z cho một lí lịch mới toe một công việc mới toe chỉ trừ khi máu giết người của bố nó trỗi dậy nó làm một vụ ở đất nước luật pháp nghiêm ngặt ấy nó bị còng tay anh biết được thì may ra...” [56, tr. 204], còn Vĩnh bảo Hộ “cậu vẫn sao mà ngu ngơ.... Cậu nói được với ai. Lão bố nó vung vinh đạo đức không có tham ô tham nhũng chi ngồi đó đã đủ rồi nhưng bảo chỉ mặt đặt tên thói đều giả đó ai dám ai có nhìn thấy. Em ơi thôi lo cho mình đi em ạ.” [56, tr. 209- 210]. Cuộc sống là như vậy, phức tạp, rối ren, con người cũng phải lo cho mình. Hơn nữa cái ác đã nằm ngoài tầm với của con người. Tuy nhiên, qua những nhìn nhận của nhân vật về cuộc đời, nhà văn cho thấy sự chua xót, lo lắng, trang nghiêm về hiện thực như một lời cảnh tỉnh trước thực trạng vô cảm của con người đang diễn ra. Chính vì sự vô cảm của con người mà thằng Tùng thoát được tội chết một cách dễ dàng. *Nghĩ ngợi quẩn quanh*, như tiêu đề của nó là một chút ngẫm ngợi về đời sống hiện nay của chúng ta. Nhưng, sâu xa hơn, tác phẩm của Lê Minh Khuê vẫn làm người ta thức tỉnh trước rất nhiều vấn đề của cuộc sống: đạo đức con người, sự tha hóa và phương thức tha hóa hết sức tinh vi, xảo quyệt càng ngày càng lộ ng hành. Những triết luận ấy thường gắn với một tầm bao quát rất rộng, nó không chỉ là chuyện của riêng một người, một nhà mà còn là hình ảnh thu nhỏ của những bệ rạc, suy nhược về tinh thần và các giá trị đời sống của một đất nước. Đi sâu vào tâm hồn con người, truyện ngắn Lê Minh Khuê chứa đựng cả những chiêm nghiệm rất đời thường.

Sau chiến tranh, có sự đối lập giữa quá khứ và hiện tại, con người không thể sống mãi với quá khứ hào hùng. Nhận thức được điều đó, hết sức cảm thông và chia sẻ, cụ Tiệm (*Những ngày trở về*), sau khi nghe Hải tâm sự đã khuyên anh “anh chớ mất công kể cho những người nào không trải qua vất vả nghe, họ không tin anh đâu..”[49, tr. 113]. Đó là những nhận xét rất thực tế, giúp Hải có thể tỉnh táo tìm thấy chỗ đứng của mình trong một môi trường mới. Hay chỉ là những lời lẽ băng quơ của ông chủ hiệu may ở xóm núi “Mẹ, chúng mày chơi chán ở nơi khác lại kéo đến chơi rừng chơi núi của tao....chỗ nào cũng thành hôi thối ô ứ ế vì chúng mày.” [55, tr. 185], nhưng gợi cho người đọc biết bao điều phải ngẫm nghĩ về cuộc sống hôm nay. Một đất nước

muốn văn minh phát triển thì sẽ phải có đổi thay mà sự đổi thay bao giờ cũng kéo theo cái mới, cái lạ. Ảnh hưởng từ những cái mới lạ đó là điều không tránh khỏi, nhưng con người bằng trình độ và khả năng quan sát của mình phải biết chọn lọc những gì phù hợp, tốt đẹp để học hỏi chứ không phải để bắt chước một cách xô bồ, nhốn nháo.

Xã hội Việt Nam từ trong chiến tranh bước sang đời sống hòa bình đầy phức tạp và thử thách, với những chiêm nghiệm về cuộc đời, con người mang nhiều triết luận nhân sinh sâu sắc. Đặc biệt trong đó là tính triết luận về con người. Điều này trong văn xuôi vốn được kế thừa từ Nam Cao, Thạch Lam qua Nguyễn Khải và bây giờ đến hầu hết ở những cây bút trẻ. Nó thu hút sự quan tâm của những nhà nghiên cứu, phê bình văn học đương thời. Nói như nhà nghiên cứu văn học Vũ Tuấn Anh, đào sâu vào thế giới tâm hồn, tâm linh của con người, văn học hiện nay như đã tìm thấy sợi dây nối với truyền thống miêu tả tâm lí của những bậc thầy như Nam Cao, Thạch Lam, Nguyễn Tuân,...

Tiểu kết

Có thể nhận thấy, sau năm 1975, thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê vô cùng phong phú, đa dạng: không chỉ có nhân vật tha hóa, bị tha hóa, nhân vật bi kịch mà còn có nhân vật tự ý thức, v.v..v. Thế giới nhân vật ấy gắn với xã hội Việt Nam thời hậu chiến đầy biến động. Mỗi nhân vật trong truyện ngắn của bà đều tìm được hướng khai thác riêng, để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Hơn thế nữa, trong tác phẩm của Lê Minh Khuê, người đọc còn tìm thấy nét văn hóa Việt khắc sâu trong mỗi con người thông qua cung cách ứng xử của họ. Và, với tư tưởng coi con người là đối tượng muôn đời của văn học, Lê Minh Khuê đã đứng ở góc độ con người để nhận thức, lí giải, bàn luận về con người - đối tượng trung tâm của văn học, trong cái nhìn đa diện, nhiều chiều. Đặc biệt là đi vào nội tâm để khám phá chiều sâu tâm linh con người, nhằm có cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về con người. Do vậy, con người theo cái nhìn đó, không chỉ có những nét tính cách tiêu biểu mà con người còn có một thế giới nội tâm phong phú. Khám phá thế giới nội tâm ấy, cũng là đi tìm những ẩn ức còn chìm sâu trong tâm hồn mỗi người chúng ta.

Chương 3

THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN LÊ MINH KHUÊ SAU NĂM 1975 NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

3.1. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình và khắc họa nội tâm nhân vật

3.1.1. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật

Ngoại hình là dáng vẻ bên ngoài của nhân vật bao gồm y phục, cử chỉ, tác phong, diện mạo... Đây là yếu tố quan trọng góp phần cá tính hóa nhân vật.

Nếu như văn học cổ thường xây dựng ngoại hình nhân vật với những chi tiết ước lệ, tượng trưng thì văn học hiện đại thường đòi hỏi những chi tiết chân thực và cụ thể sinh động. M. Gorki khuyên các nhà văn phải xây dựng nhân vật của mình đúng như những con người sống và phải tìm thấy, nêu lên, nhấn mạnh những nét riêng độc đáo, tiêu biểu trong dáng điệu, nét mặt, nụ cười, khoe mắt... của nhân vật.

Ngoại hình nhân vật góp phần biểu hiện nội tâm nhân vật. Đây cũng chính là sự thống nhất giữa cái bên ngoài và cái bên trong của nhân vật. Vì vậy, khi tính cách, đời sống bên trong của nhân vật thay đổi, nhiều nét bên ngoài của nhân vật cũng thay đổi theo. Khi xây dựng ngoại hình nhân vật, nhà văn thể hiện những nét riêng biệt, cụ thể của nhân vật nhưng qua đó, người đọc có thể nắm bắt được những đặc điểm chung của những người cùng nghề nghiệp, tầng lớp, thời đại... Những nhân vật thành công trong văn học từ xưa đến nay cho thấy nhà văn bao giờ cũng chọn lựa công phu những nét tiêu biểu nhất để khắc họa nhân vật.

Truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 rất chú trọng đến yếu tố này. Nhân vật trong truyện ngắn của bà rất phong phú, vì vậy những miêu tả về ngoại hình nhân vật sẽ làm cho người đọc hình dung rõ hơn về nhân vật và những ẩn ý mà nhà văn gửi gắm trong đó.

Sau chiến tranh, xuất hiện loại người tôn thờ vật chất, thích những cái mới lạ, và trong cái nhìn, cách suy nghĩ về mọi chuyện xung quanh cũng đều nhuốm mùi vị thực tế. Trong *Một ngày đi trên đường*, nếu trước đây Đức không bao giờ nói đến giá trị của vật chất trong những câu chuyện anh kể thì bây giờ mỗi hành động, mỗi suy nghĩ của anh lại gắn liền với thái độ tôn thờ vật chất. Chính vì vậy, Đức đã thay đổi từ ngoại hình đến tâm hồn: “mặt béo thêm ra” nhưng lại “mang một vẻ gì rất lạ: vừa

căng thẳng, vừa khinh khỉnh”. Chỉ với vài câu chữ như vậy, nhà văn đã hướng người đọc đến một cái nhìn khác về con người: sự no đủ và ham muốn vật chất làm người ta thay đổi, quan trọng hơn là thay đổi cả về bản chất. Trong Đức giờ đây đã có cái “khinh khỉnh” của kẻ coi thường tình cảm và những mối quan hệ bạn bè. Đức không như trước nữa. Sống trong những bận rộn, mệt mỏi, quanh quẩn suốt ngày với những đứa con, những lo lắng thường nhật của cuộc sống, Viện (*Một chiều xa thành phố*) đã tự làm mình khổ, làm mình vất vả. Những mơ ước của tuổi trẻ đã bị cô chôn vùi. Sống lam lũ, khổ sở, vất vả khiến người phụ nữ nhanh nhẹn, xinh đẹp như Viện trở thành người đàn bà chua ngoa, lảm lòi, chông lỏn. Tính cách ấy của Viện lây sang cả những đứa con. Viện hiện lên trong cái nhìn của nhân vật Tân - cô bạn gái thuở còn sinh viên: “Một người đàn bà tóc búi cao đang hí húi ở sân. Cái áo của chị ta mặc chỉ cài có hai khuy trên cổ. Tà áo phanh ra phơi cả một mảng bụng trắng. Quần xẻ từ gấu lên đến đầu gối. Đôi guốc thì thật kì cục, một chiếc rất cao quai xanh. Chiếc kia mòn vẹt gót, quai vàng. Chị ta đi lại trên sân, dáng cò nhấc, cò nhấc vì đôi guốc...” [49, tr. 238]. Hình ảnh về Viện đối lập hoàn toàn với cô Viện trước đây mà Tân đã cùng học, cùng ra trận. Miêu tả nhân vật với vẻ ngoài tỉ mỉ như vậy, nhà văn như mở ra cuộc sống của Viện: là người đàn bà lo toan, tất bật nhưng cũng rất nhếch nhác. Và nhất là chính Viện đã tự tạo ra cuộc sống đó cho mình. Giả như Viện sinh ít con hơn, sắp xếp lại cuộc sống sao cho ổn thỏa thì có lẽ cô đã không bệ rạc khủng khiếp như vậy.

Trong *Sống chậm*, đôi dòng phác họa về nhân vật Vân: “Người đàn bà này mặc quần đen áo đen cổ tròn điểm sáng duy nhất trên người bà là cái vòng ngọc trai với những viên ngọc nhỏ, thứ ngọc thật, trông trang nhã. Cái vòng ngọc trai và bộ quần áo đen may vừa khít thân thể còn đầy đặn có cái gì đó hấp dẫn.” [56, tr. 221]. Và chỉ bấy nhiêu thôi, nhà văn cũng nói: quả là một con người “có số phận không hề đơn giản.” [56, tr. 221]. Sự nền nã, dung dị nhưng đường nét ở người đàn bà này đã gợi sự tò mò của Tường. Và điều làm Tường ngạc nhiên là Vân cũng không phải đi thăm người thân như anh vẫn nghĩ, cô đến nhà tù này chỉ để thăm một người bạn cũ. Một người đã làm rung động xao xuyên trái tim cô ngay từ ngày đầu gặp gỡ. Nhưng đó chỉ là một tình bạn đẹp không hơn không kém. Về tao nhã ấy cùng những dòng tâm sự của Vân làm anh thấy thú vị: giữa thời buổi này vẫn có những con người cùng suy

ngĩ với thể hệ lớp trẻ như anh. Đặc biệt khi nói đến những con người mà cái ác, cái thói tha đang ẩn chứa, những con người mà chỉ qua một vài nét miêu tả đã khiến người đọc gai mình, nhà văn rất chú trọng xây dựng những nhân vật ấy. Chỉ bằng những “chấm phá” rất nhỏ, nhưng lại rất tinh vi, lột tả được hoàn toàn bản chất con người, nhất là dã tâm của chúng. Trong *Nghĩ ngợi quẩn quanh*, thằng Tùng - tên cướp thuở nào đã một lúc giết ba mạng người bằng dây dù thời chiến tranh, nhưng điều đáng nói hơn cả, là nó giết người cướp của không phải vì tiền mà “vì thích, thể thôi” - câu trả lời của nó với bố nó khiến người đọc cảm nhận được cái lạnh lùng, vô cảm nơi con người này. Nhà văn miêu tả thằng Tùng có “cái nhìn chộp lên như muốn lột của người ta cái gì đó rồi lại cụp xuống lẩn tránh” [56, tr. 199]. Đó là cái nhìn của những kẻ có thói du côn, biết việc mình làm là ác độc, tàn nhẫn nhưng với vẻ hung hãn, bất cần, nó mau chóng trở lại là kẻ không biết đến nỗi đau của đồng loại, không cần biết đến việc nó đã cướp đi sinh mạng ba con người “nó trợn trừng mắt, mắt trắng như mắt hình nhân” [56, tr. 207]. Trong truyện, nhà văn chỉ miêu tả đôi mắt nhân vật, nhưng là đôi mắt biết nói, nó cho người khác thấy được bản chất của loại người này: thâm độc, tàn ác. Cái ác hiện hữu trong con người không phải lúc nào ta cũng thấy được ngay. Với ngày một, ngày hai nó dần dần lớn lên, đến lúc không cưỡng lại nổi nữa, nó khiến con người phải hành động theo sự điều khiển, ra lệnh của nó. Và con người trượt dài theo nó. Một con người đang hoang, tử tế, sẽ có cái nhìn thẳng, trực diện, không lẩn tránh. Ngược lại những kẻ có lòng dạ đen tối sẽ sợ hãi khi nhìn thẳng vì lo người khác đọc được suy nghĩ của mình. Miêu tả thằng Đáng (*Xóm nhỏ*), Lê Minh Khuê ban đầu vẽ nên tưởng tượng cho người đọc về một chú bé nông thôn ra thành thị rất ngoan ngoãn, hiền lành “dáng mảnh khảnh, tay chân trắng trẻo trông có vẻ rất nết na” [49, tr. 205]. Nhưng đó chỉ là vẻ bề ngoài, sống với người cô họ thật thà, bản chất thằng Đáng dần lộ diện. Và nó đã tẩm ngấm tẩm ngấm thể hiện cái gian manh, xảo quyệt của mình trước sự hiền lành, chân chất của người đàn bà giàu tình yêu thương. Cái ác, cái xấu khi đã thành bản chất thì sớm hay muộn nó cũng lộ diện. Nó làm con người sống xấu xa, bị ối, mất hết lương tri. Là con người nhưng cũng không khác gì con vật. Miêu tả nhân vật như vậy, với một nét tượng trưng nào đó mà

nhà văn đã khái quát được hết bản tính của nhân vật, báo hiệu những bất ngờ sẽ còn tiếp diễn trong câu chuyện. Trong những tác phẩm như: *Đồng đô la vĩ đại*, *Anh lính Tony D*, *Những kẻ chờ sung*, nhân vật đã hiện lên với đủ mọi góc nhìn qua sự miêu tả của nhà văn. Và trong các tác phẩm ấy, người đọc thấy Lê Minh Khuê đã dụng công trong việc “tỉa tót” cho nhân vật. Ở *Anh lính Tony D*, lão Thiên được miêu tả như một “con thú dữ nhất” trong bầy thú sống trên khu tầng thượng của dãy nhà trọ. Lão “cường tráng nhất khu nhà”, “khỏe lắm”, “như một con bò mộng”, lão là loại người có sức mạnh khủng khiếp. Nhưng sức mạnh ấy lão dùng để đe dọa mọi người xung quanh và ai cũng sợ lão, gọi lão là “quan đại thân”, vì lão “như bóng ma” từ âm ti địa ngục trở về dọa dẫm dương gian. Nhưng thân thể cường tráng của lão là thân thể của kẻ “tạp ăn và lười nghĩ ngợi”. Do vậy, thay vì lao động chính đáng để mưu sinh thì lão chỉ chăm chăm tìm cách ăn cắp của thiên hạ từ cái quần lót của đàn bà đến đoạn dây điện và cái bô của trẻ con, lão cũng vơ tất. Lão tự đày đọa mình, chuyên đi nhặt nhạnh những thứ ôi thiu ở chợ về làm mắm để ăn trong khi vàng lão giắt đầy người. Lại thêm cung cách sống theo kiểu bầy đàn của lão khiến lão ngay đến dáng ngồi cũng là dáng ngồi của một con thú “kiểu ngồi của chó trong ổ, khoanh tay chân cho vừa ổ” [49, tr. 222]. Dáng ngồi ấy gợi đến một kiểu người cun cút, hèn hạ của xã hội. Miêu tả dáng dấp của lão, người đọc thấy nhân vật hiện lên đầy nhờn nhớt, kinh tởm, bẩn thỉu và hủ hựu. Con người chây lười lao động như thế tất nhiên sẽ tìm cách để sống, để hưởng thụ mà không cần làm bất cứ việc gì. Nên khi nói đến tiền, “mắt lão đục lờ đờ, nhìn không rõ...” [49, tr. 222], còn miệng thì “nhặt như ngậm phải bèo” [49, tr. 222], “cái cổ nhướng lên thật cao” [49, tr. 221], đó là tất cả những thay đổi của lão khi lão xúc động vì ngửi thấy mùi tiền. Nhân vật lão Thiên hiện lên với từng chi tiết gợi tả bên ngoài, làm cho người đọc thấy thích thú vì đó là những trạng thái tâm lí không bình thường. Hơn nữa, những phác họa về lão còn cho thấy cuộc sống tồi tàn của một nhân vật biến dạng không ngừng trong cuộc đời của chính mình. Tự lão đẩy mình vào vòng khổ sở, sống tối tăm ngạt thở giữa một lũ người cặn bã của xã hội, vì vậy mà lão cũng như họ, là những con thú mà lại là “con thú dữ nhất” trong bầy đàn. Thăng Thán, con lão còn là một nhân vật tàn độc hơn cha nó. Khi bợc tiền

đem về bỗng dưng “bốc hơi” nó như một con thú bị thương, gằm gào, tức tối và quay ra cắn cả cha nó. Thằng Thán bắt lão phải thề thốt là không lấy tiền của nó bằng cách tự chặt đứt một đốt ngón tay. Và đôi mắt nó lúc này được miêu tả là đôi mắt của một con thú săn mồi “mắt ngầu đờ”, còn đôi môi thì “đen sạm lại một cách dữ tợn” [49, tr. 227]. Thằng Thán được miêu tả “loắt choắt như loài chuột nhắt” và nó đúng là loài chuyên ăn đêm nên khả năng chui rúc luồn lách thuộc hàng siêu đẳng, vì vậy nó không thể chết dễ dàng. Do đó lão Thiên đã đứng dưng khi nghe có người đến thông báo thằng Thán chết.

Với những điểm nhấn khi miêu tả ngoại hình, Lê Minh Khuê qua đó đã khắc họa được về nhân vật trong cái nhìn khách quan. Vì vậy nhân vật hiện lên trong sự biến dạng khủng khiếp nhưng đồng thời người đọc cũng phát hiện ra có sự thống nhất giữa ngoại hình và bản chất bên trong của nhân vật thông qua những miêu tả ngắn gọn của nhà văn. Trong *Những kẻ chờ sung*, hình ảnh về lão Tê gợi cho người đọc đến một loại người lười biếng, chỉ thích ngồi một chỗ và hưởng thụ. Vì vậy mà khi được tin chị gái ở nước ngoài sắp về, thêm lời hứa “cậu nào cũng có phần” khiến lão Tê càng muốn ngồi chờ “sung rụng”. Lão “cao hơn mét bảy, chân tay loằng ngoằng cứng như sắt nguội, lão đi đứng uyển uych như cỗ máy kéo” [49, tr. 256]. Thân thể đã vậy, còn đôi mắt thì “nhỏ như hai sợi chỉ vắt ngược trên cái trán thấp lè tè” [49, tr. 261] và khi đã nắm được toàn bộ tài sản cả một đời của lão em, hai mắt lão “tít lại, nhỏ hơn nữa, giấu trong đó những ý nghĩ chỉ có trời biết” [49, tr. 261]. Đôi mắt ấy ẩn chứa những kế hoạch thâm độc... Còn mẹ vợ lão cũng không phải tay vừa, theo miêu tả của nhà văn, mẹ có “khuôn mặt mỏng như cái bánh đa nem, mắt như hai sợi chỉ luôn láo liên, nhìn không bỏ sót một con ruồi đực hay ruồi cái” [49, tr. 256]. Khuôn mặt ấy là khuôn mặt của một kẻ ranh rẽ thói đời. Chẳng thế mà, lúc gia đình lão Tái theo lời khẩn khoản của lão Tê từ bỏ cơ ngơi đồng rừng xuống phố thị, ngay lập tức mẹ vợ lão Tê đã đơn đả: “làm xong hết rồi, chỉ việc ở thôi”, nhưng sau đấy lại ngọt nhạt đơn đót: “ba cây vàng” cho phòng ở chục mét vuông, tối như hũ nút.

Miêu tả ngoại hình nhân vật, nhà văn không chỉ tạo được vẻ khách quan (đứng bên ngoài để quan sát) mà còn gợi người đọc đến tính cách, phẩm chất nhân vật. Vì

vậy nó tạo ra những ấn tượng, đồng thời cũng tạo sự tò mò, hấp dẫn. Những nhân vật được miêu tả về ngoại hình kiểu như thế sẽ đem đến những thú vị bất ngờ cho người đọc.

3.1.2. Nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật

Khái niệm nội tâm nhằm chỉ toàn bộ những biểu hiện thuộc cuộc sống bên trong của nhân vật. Đó là những tâm trạng, những suy nghĩ, những phản ứng tâm lí... của nhân vật trước những cảnh ngộ, những tình huống mà nó gặp phải trong cuộc đời.

Trong quá trình phát triển của lịch sử văn học, việc thể hiện nhân vật qua nội tâm ngày càng có vai trò quan trọng. Trong văn học Việt Nam, so với các giai đoạn trước, Truyện Kiều của Nguyễn Du đã đạt được những thành tựu rực rỡ. Tác phẩm chứng tỏ Nguyễn Du có khả năng nắm bắt một cách tài tình những ý nghĩ, tình cảm sâu kín của nhân vật và diễn tả nó một cách sinh động.

Trong truyện ngắn Lê Minh Khuê, nội tâm nhân vật được khắc họa qua những dòng hồi tưởng, hay qua những dòng miêu tả, thể hiện những suy nghĩ, buồn vui, đau đớn, hạnh phúc mà nhân vật đã từng trải qua. Xây dựng nhân vật thông qua phương thức khắc họa nội tâm, nhà văn đã bao quát nhân vật từ chiều sâu tâm hồn, len lỏi vào những mạch cảm xúc, nơi chế ngự của con tim, để có cái nhìn đầy đủ và hoàn thiện hơn về con người. Đây cũng là một cách khai thác mới mẻ về nhân vật mà nhiều nhà văn trong thời kì đổi mới đã áp dụng. Bằng cách đi sâu vào tâm hồn nhân vật, nhà văn đã đọc lên những suy ngẫm, triết lí của họ trước thế giới và con người, nhưng cũng chính là những suy nghĩ trăn trở của người cầm bút muốn gửi tới người đọc. Trong *Một chiều xa thành phố*, những dòng suy nghĩ của Tân trước thông tin Viện có thai khi còn đang học được khắc họa “sao lại lo cơ chứ” và “Mình đâu phải sinh ra đời để chịu lép” [49, tr. 236]. Bắt đầu từ đây, quan niệm về cuộc sống của Tân đã thay đổi. Cô sinh viên tinh lẻ ngày nào giờ chỉ thích giao du với những “cậu ấm”, “cô chiêu” của lớp người thượng lưu để “học đòi làm sang”, lợi dụng từ những mối quan hệ ấy. Tân gia nhập nhóm đại gia nhất trường, chơi bời với con cái của những vị tai to mặt lớn, cô còn nghĩ “nhập bọn với chúng cũng hay chứ”. Lối suy nghĩ thiển cận ấy làm cô trở nên nông cạn. Rút cuộc, Tân cũng chỉ là một cô gái hám lợi, hám danh, tự đánh mất mình với những suy nghĩ và hành động nông cạn như vậy.

Trong *Làng xi măng*, khi đời sống đô thị bắt đầu len lỏi vào đồng quê và cả cơn hoa gạo nhiều kỉ niệm ấu thơ năm nào của Na bị những chiếc máy ủi san gạt, Na và Thắng đã suy tư về những đước mát của đời sống thị trường, về những buồn lo cho cái mới, cái lạ đang dần làm lu mờ đi những giá trị tinh thần của con người “mùa hoa gạo nở, khu cồn đất rục lên như cả một đám lửa giữa cánh đồng..., hai bà cháu thường dắt tay nhau đi men theo mấy đám ruộng trồng cây cải cúc làm giống, cũng vàng rục như hoa... Cái cồn đất nhỏ lúc nào cũng như bí ỉn giữa thế giới đầy tiếng ồn xe tải chở vôi cát về biển cái làng thành đồng xi măng.” [49, tr. 76]. Chỉ là những dòng suy tư đầu đầu, nhưng đó là những cảm xúc rất thật của con người, mà những điều ấy khiến Na buồn. Na cũng là một người nhạy cảm. Thường những người nhạy cảm hay đa đoan. Na và Thắng nuối tiếc cho cái gì đó đã bị đời sống hiện đại xâm chiếm, nhất là mối lo về sự biến chất của con người khi lối sống thành thị đã tràn về làng quê. Canh (*Cuộn dây*), con người nhuốm vị đời khi còn là sinh viên, có lúc đã sống trong tình thương vớt vát của “người đàn bà khát tình đêm đêm làm Canh chán ngán” bỗng bừng tỉnh trước những li tán, sống chết của con người ở một đất nước xa lạ mà anh đọc được trên một bài báo. Và “Canh thấy cuộc đời mình như một cuộn dây. Khởi đầu là tốt, rồi cứ tung ra và không biết xoay tới đâu” [49, tr. 116]. Những dòng suy tư chiêm nghiệm về cuộc đời của mình khiến Canh buồn bã. Cuộc đời Canh như cuộn dây vô hình, quăng ra rồi không biết nó sẽ mắc vào đâu.... Nhưng Canh cũng như sáng ra khi đối diện với vẻ đẹp trong ngần, thánh thiện của cô bé Nhím hàng xóm. Vẻ đẹp của nó vẫn chưa bị đời sống thực dụng làm cho ô uế. Nó tác động đến Canh, khiến Canh có những quyết định đúng đắn cho cuộc sống tiếp theo của mình. Chỉ bằng vài lát cắt nội tâm nhân vật như thế, nhà văn đã lướt qua được những suy nghĩ ẩn giấu trong tâm hồn con người, đọc được trong đó những hi vọng, buồn bã, lo âu về số phận và cuộc đời. Nhưng có lẽ nhiều suy tư nhất là nhân vật ông Lãng trong *Ga xép*. Lời văn của Lê Minh Khuê cứ miên man theo dòng cảm xúc của nhân vật. Ký ức của ông Lãng liên tục dội về trong sự đối lập với hiện tại, với cuộc sống ồn ào, inh ỏi tiếng xe, tiếng người ở “bên ngoài bờ tường ken đầy mảnh chai”. Sống trong ngôi nhà ba tầng nhưng ngội lạnh hơi ẩm con người, ông Lãng thấy mình cô đơn, lạc lõng và buồn tủi. Ông suy ngẫm về cuộc đời, về con người mà trước hết là những con người

trong gia đình, những người đã đi trước, để lại cho ông sự trống vắng khủng khiếp. Người cha đã ra đi mà không kịp ăn canh cải cá rô, trở thành nỗi ám ảnh trong lòng ông. Ngày ấy không rõ vì lí do gì cha ông bị người ta đưa đi, sau này trong lúc làm phóng viên chiến trường, có lúc trên đèo bắt chợt ông đã cảm nhận được hương vị của món canh cải và ông nhớ đến cha. Ông tưởng “như có cái gì vỗ cánh nhẹ nhưng sắc sượt qua tai ông và vang vọng trong ánh mặt trời đang tắt là tiếng của cha ông: - cha đi đây con ạ” [49, tr. 41]. Rồi ông nhớ về mẹ, cả đời cố chờ đợi cha ông, nhưng chờ mãi chờ mãi cho đến ngày bà ra đi, bà vẫn tin rằng cha ông sẽ trở về. Ngẫm nghĩ trong buồn thương, ông thấy cuộc đời một người Việt “đầy ắp những âm thanh hồi hã. Cuộc sống như chuyến tàu chợ, hành lí nhặt nhạnh tạm bợ, mặt mũi bơ phờ. Chuyến tàu đôi khi dừng ở ga xép cho người ta xuống xả hơi tí chút. Trong cái ga xép ấy là một thoáng bình yên như không có thực. Người ta làm một mái nhà, trồng một vụ rau, cưới vợ cho con, có một đứa cháu, có một chút kỉ niệm... Rồi bỏ lại tất cả, lên một con tàu chạy không có chỗ dừng cố định. Nhưng lạ thay, ông thường xuyên quên hẳn cái tiếng rin rít của bánh xe nghiêng trên đường sắt số mệnh. Sự bình yên ít ỏi ở những ga xép sống mãnh liệt hơn sự hãi hùng” [49, tr. 39]. Dòng tâm tư của nhân vật dội về theo kí ức và trộn lẫn những cảm xúc khó tả. Trong cái biển người mênh mông, đâu đâu ông cũng thấy người Việt. “cho đến bây giờ ông vẫn cảm thấy chổng chénh khi nghĩ tới cái làng nào đấy ở bên sông Amua.... Sau chiến tranh ông đi khắp nơi. Tận một hòn đảo xa tít ngoài Thái Bình Dương, ông cũng gặp người Việt” [49, tr. 37] và số phận của họ gắn với những tàn khốc của chiến tranh “cái quả bom của chiến tranh nhiều phía đã nổ tung đất nước ông. Những con người tung tóe khắp hành tinh, mang theo những hận thù, để lại nhiều nghi kị” [49, tr. 37]. Do đó ông sống với cõi bình yên trong tâm hồn bằng những kí ức của ngôi nhà cổ, nơi có những linh hồn ngày ngày vẫn dõi theo ông. Và ông lại chìm đắm trong những dòng tâm tưởng về cha: “Ông thấy mắt cay như có bụi rơi vào. Ông đứng lên vào sau cái bàn ông vẫn ngồi đọc sách, nơi có ảnh của cha ông. Một mùi vị quen thuộc, cái mùi ngai ngái của thuốc lá cộng với mồ hôi quán quỵện trong không gian. Có ai đó vỗ nhẹ vai ông. Ông cảm thấy bàn tay ấy có thực, không do tưởng tượng. Và ông thấy mình tí xiu. Ông bật khóc: - cha ơi, sao cha không cứu con... Con có còn ai đâu?” [49, tr. 42]. Tiếng khóc

của ông là tiếng khóc của sự lạnh lẽo, cô đơn trong tâm hồn. Hai đứa con gái của ông đã theo chồng sang một vùng đất xa xôi, chúng đâu còn thì giờ để nhớ tới ông, chúng còn phải chăm lo cho hạnh phúc riêng của mình. Và đau đớn hơn, chúng để ông sống trong cái nhà kín bưng mà chúng mới xây cho ông, chúng đâu biết rằng, chúng đã giết ông “Ông biết rằng mình đã mất sự che chở của cha mẹ. Những linh hồn sợ hãi chỉ dám đáp xuống với ông những khi ông tuyệt vọng” [49, tr. 43]. Và ông không thể chờ đợi chúng về, không thể chờ đợi ai được nữa “ai chờ đợi được ai trong cái biệt thự này” [49, tr. 46]. Miêu tả và khắc họa nội tâm nhân vật theo diễn biến tâm lí cũng như theo dòng ý thức, nhà văn đã chìm đi trong những dòng hồi tưởng liên tục. Thể hiện đời sống và thế giới thông qua dòng ý thức của nhân vật, nhà văn dường như là người chứng kiến tất cả nhưng đồng thời cũng là người sống với những kí ức về quá khứ, những suy ngẫm trước hiện thực đang trôi qua trong cảm xúc. Với lối khắc họa nội tâm như vậy, tất cả câu chuyện về cuộc đời nhân vật đã hiện lên như một cuốn phim quay chậm mang chiều kích về lịch sử - xã hội một thời của đất nước. Cuộc sống mỗi con người Việt Nam là một phần của lịch sử dân tộc. Chiến tranh qua đi nhưng nó đã để lại nhiều hệ lụy và những mất mát khiến người ta không thể dễ dàng bù đắp. Cũng nằm trong mạch hồi tưởng về quá khứ, anh giáo làng trong *Thần lẩn* đã có một đời sống bê tha, khốn khổ, suốt đời quần quanh với những lo toan về cuộc sống, về sự ra đời liên tiếp của những đứa con. Mà khi cuộc sống khó khăn, đói khổ dễ dẫn con người ta đến những suy nghĩ và hành động tiêu cực. Vợ anh ta vốn là một cô gái xinh xắn, đẹp đẽ, vậy mà vì đẻ nhiều rồi những lo toan tất bật của cuộc sống đã biến nàng thành một người cục cằn, thô lỗ, chông lòn và đánh đá, nàng day nghiến chồng bằng những lời cục súc, còn anh ta cũng trở thành bi kịch của chính cuộc đời mình. Anh ta chưa bao giờ được tự do từ ngày cưới, lúc nào cũng quần quanh trong ngôi nhà với hàng núi việc: đi dạy về là vát vôi cạp, lao vào chăn lợn, thái rau, tay chân luôn làm việc không ngừng để có cái bỏ vào mồm của một lũ con. “tự dung gã thèm khát tự do. Gã cũng thèm bát tiết canh bà nhạc đánh rất khéo nhưng gã thèm rảnh rang hơn. Cái gì làm gã đỡ chứng như thế gã cũng không biết” [49, tr. 316], và gã “bỗng à lên”- vì đã tìm ra nguyên nhân mọi nỗi khổ của cuộc đời của mình nhưng có lẽ đã muộn mất rồi. Cuối cùng anh ta vẫn phải quay về với cái đích ban đầu, với

một lũ con và mẹ vợ lắm lời. Anh ta lại “lọ mọ cho cái cà vạt vào túi ni lông. Đẻ vào giữa cuốn sổ, đóng cái rương, cài móc sắt, đẩy cái rương vào chỗ cũ” [49, tr. 320] và “bung hai thúng khoai để lên cái rương” [49, tr. 320].

3.2. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật

3.2.1. Khắc họa tính cách nhân vật thông qua xây dựng tình huống

Nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: “với truyện ngắn và với một tác giả có kinh nghiệm viết, tôi nghĩ rằng đôi khi người ta nghĩ ra một cái tình thế xảy ra chuyện, thế là coi như xong một nửa. Những nhà văn có tài đều là những người tạo ra những tình thế xảy ra chuyện vừa rất cá biệt, vừa mang tính phổ biến hoặc tượng trưng.” và “những người cầm bút có cái biệt tài có thể chọn ra trong cái dòng đời xuôi chảy một khoảnh khắc thời gian mà ở đó cuộc sống đậm đặc nhất, chứa đựng nhiều ý nghĩa nhất, một khoảnh khắc cuộc sống nhưng bắt buộc con người ở vào một tình thế phải bộc lộ ra cái phần tâm can nhất, cái phần ẩn náu sâu kín nhất, thậm chí có khi là khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người, một đời nhân loại.” [16, tr. 258].

Có thể nói tình huống nghệ thuật là những sự việc xảy ra trong câu chuyện mà thông qua các sự việc đó nhân vật thể hiện tính cách của mình. Trong truyện ngắn Lê Minh Khuê, tác giả đặt nhân vật trong nhiều tình huống khác nhau, thậm chí có khi đối lập, bắt buộc nhân vật phải hành động và qua đó cho thấy tính cách của mình. Trong truyện *Bước hụt*, trước việc Phi bỏ mình trong lúc sắp sinh, rồi sinh con được hàng tháng trời mà Phi vẫn bất tỉnh, Diễm đã cư xử rất nhẹ nhàng, không gây ồn ã. Cô đã viết cho Phi một bức thư, lời lẽ đầy lòng tự trọng nhưng kiên quyết, dứt khoát và mạnh mẽ “Tôi có con gái nhé, tôi cho con lấy họ tôi....., anh kí vào đơn cho tôi nhờ một chữ cho nhẹ nợ” [55, tr. 226]. Sự dứt khoát ấy của Diễm bộc lộ tính cách cứng cỏi. Diễm rất yêu Phi, cô lại là người con gái ngoan hiền, nhưng khi chuyện đến với Diễm, cô tỏ ra là người rất hiểu đời. Trong thâm tâm của Diễm, Phi sẽ không phải là người đàn ông mà cô có thể nương tựa suốt cuộc đời. Tình huống của Diễm cũng là tình huống mà ta bắt gặp rất nhiều trong cuộc sống đời thường. Nhưng trước nhiều cách ứng xử khác nhau, Diễm đã chọn cách chia tay Phi để tìm được sự yên ổn cho mình. Cô vẫn còn cuộc đời rất dài ở phía trước và vì vậy Diễm càng phải có sự sáng suốt trong quyết định của mình. Trong *Đồng đô la vĩ đại*, nhà văn lại đặt nhân vật

trong một tình huống khác. Và tác giả đã bày ra trước mắt người đọc về cách hành xử của nhân vật trước cám dỗ của đồng tiền. Bị lực hút của vật chất, con người sẽ có phản ứng ra sao? Cô Trang vì tình thương và trách nhiệm của mình đã viết thư cho hai anh em An, Khang: nếu chăm sóc thằng Nghèo thì sẽ được tiền. Vậy là để cho công bằng, thằng Nghèo lần lượt tháng này ở nhà An, tháng sau lại ở nhà Khang. Nhưng sức mạnh của đồng đô la như đánh trúng vào lòng tham khiến họ trở nên xấu xa, bỉ ổi một cách trơ trẽn. Bởi vậy, thằng Nghèo bị giữ ở nhà này lâu hơn nhà kia là xảy ra khẩu chiến. Không chỉ có khẩu chiến, đỉnh điểm của nó là cuộc ẩu đả với cái kết bất ngờ, thảm khốc: hai mạng người, một án chung thân, một kẻ ngớ ngẩn. Đau xót hơn, tình huống trớ trêu này làm con người mất hết lí trí, lao vào chém giết nhau quên cả máu mủ ruột già. Vì tiền, anh mới chăm sóc cho em, nhưng cũng vì tiền anh và em có thể chém giết và kết liễu đời nhau trong tích tắc. Cũng tha hóa trước dục vọng của con người, thằng Đáng (*Xóm nhỏ*) đã thấy được cơ hội trong tương lai từ ngôi nhà của bà cô. Trước sự cô đơn của bà, thằng Đáng đã nghĩ ra cách để thực hiện ý đồ của mình. Trong ngày mưa phùn, gió bắc, thời tiết dễ làm lòng người cởi mở và thằng Đáng đã làm ra vẻ quan tâm tới cô nó “cái lưng của cô dạo này sao cô? Cháu là đàn ông con trai không thạo mấy việc này..., hay là cháu lấy vợ cô nhé? Nhưng cô ấy chê cháu không có nhà...” [49, tr. 208]. Thằng Đáng đã đặt cô nó vào cái bẫy mà nó giăng sẵn và chẳng khó khăn gì, cô nó tin ngay những lời nỉ non giả dối của nó. Với bản tính gian manh, xảo quyệt, để cho chắc ăn, nó còn bảo cô nó viết giấy nhượng quyền sử dụng nhà. Không dừng ở đấy, thằng Đáng còn là con người mất hết lương tri khi bà cô nó ốm, nó đã tìm mọi cách để tống cổ bà ra khỏi nhà cho đỡ hôi thối. Với cái nhìn như soi thấu người khác, Lê Minh Khuê bằng những tình huống rất nhỏ nhưng đã lột tả được bản chất con người một cách trần trụi. Qua những tình huống ấy, nhà văn còn muốn gióng lên hồi chuông thức tỉnh con người trước cám dỗ mạnh mẽ của đồng tiền. Chính nó đã làm biến đổi con người không khác gì loài cầm thú vì chỉ có con thú mới cắn xé nhau, cùng tranh giành miếng mồi, thậm chí là dẫm đạp lên đồng loại để đạt được mục đích của mình. Sự băng hoại đạo đức của con người diễn ra ngay cả trong những mối quan hệ ruột thịt, gần gũi nhất. Trong *Ký sự những mảnh đời trong ngõ*, tình huống thằng Tây đâm xe vào con bà Tít đã khiến cho những

người sống quanh đó nảy sinh bao ý nghĩ, bao kế hoạch. Vợ chồng thằng Quýt vì sợ thằng Tây không thuê nhà nữa nên tìm mọi cách để nó an lòng ở lại: thằng Quýt mua rượu, dặt gái về cho nó, còn vợ Quýt thậm chí đêm hôm thậm thụt với nó nhưng thằng Quýt cũng âm ừ cho qua vì nó cần tiền hơn. Còn vợ chồng lão Tó thì “Có cái gì đó vừa lóe lên như một phát kiến vĩ đại đến với ngài, mặt ngài rạng rỡ lên trong một phút...” [49, tr. 133] vì lão đang nghĩ đến cách tống cổ ông bố lão đi một cách thật chính đáng mà vẫn thể hiện được tấm lòng hiếu thuận của một người con. Đặc biệt ở phần kết truyện, tác giả đem đến cho người đọc một tình huống bất ngờ: có một đám đánh bạc đuổi nhau, chúng ném đá và trúng vào ông bố lão Tó. Nhưng ông không chết, chỉ nằm một chỗ, cụ lang thăm bệnh còn bảo ông sống lâu lắm mới chết khiến vợ chồng lão Tó ngao ngán “Ngờ đâu lại đến nông nỗi này” [49, tr. 136]. Tình huống này đặt nhân vật vào kết cục “tham thì thâm” quả là không quá lời. Nhưng nhận kết cục như vậy cũng không thảm bằng vợ chồng lão Tê, Tái trong *Những kẻ chờ sung*. Trong cả câu chuyện, tình huống lưu tâm nhất đối với người đọc là việc cô Cành gửi thư về cho hai em và hứa “cậu nào cũng có phần”. Vậy là lão Tê bắt đầu hí hửng, chờ đợi được hưởng phúc lộc. Theo lời nhắn của chị, lão Tê đăng tin tìm em là lão Tái. Cuộc hội ngộ đã lóe lên trong đầu lão Tê những ý đồ thâm độc khi lão biết được về gia tài của lão Tái. Lão Tê khuyên nhủ em về sống dưới thành phố với mình và sau khi lão em đã dọn về rồi lão mới nói chuyện mấy cây vàng cho ngôi nhà chục mét vuông tối tăm như hũ nút. Rồi tình huống con gái lão Tái bỏ đi Hồng Kông đã khiến gia đình lão ngẩn ngơ..... Chờ mãi không thấy chị Cành về, tiền mỗi ngày một ít đi, lão Tê muốn đi buôn thuốc phiện nhưng phải có tiền vốn và lão đã nghĩ đến số vàng lão Tái vẫn giắt ở quần...Lão đã giết em mình để đoạt số vàng ấy. Một truyện có bao nhiêu là tình huống, mỗi tình huống nhỏ lại nảy sinh từ một tình huống khác. Tất cả đều xuất phát từ lá thư hứa hẹn của bà Mary Cành nhưng thực chất hơn là chính lòng tham đã khiến cho những người thân trong gia đình lão Tê, Tái chém giết lẫn nhau, tan nát, đổ vỡ, chia lìa: con cái bỏ đi, cha mẹ vào tù, người còn lại hóa ra rồ dại. Trước sức cám dỗ của đồng tiền con người cần có sự tỉnh táo để hành động và lựa chọn quyết định cho đúng. Trong câu chuyện, thật tiếc cho gia đình lão Tái: đang sống thanh thoi, yên ổn ở nơi đồng rừng bỗng chốc mất tất cả: tính mạng, con

cái cho đến nhà cửa, ruộng nương. Đặt nhân vật trong những tình huống như thế, nhà văn có cái nhìn toàn cảnh hơn về con người và những tác động bên ngoài đến cuộc sống của họ.

3.2.2. Khắc họa tính cách nhân vật thông qua hành động ứng xử của nhân vật

Mỗi một nhân vật có nhiều cách ứng xử khác nhau trước mỗi tình huống. Vì vậy thông qua hành động ứng xử của nhân vật, người đọc sẽ thấy được những nét tính cách của họ. Trong *Nhiệt đới gió mùa*, khi chiến tranh kết thúc, Phong bị đày đi ở một trại tù xa, bà mẹ Phong không biết giờ con đang ở nơi nào đã ra Bắc cầu xin bố mẹ Hiếu giúp đỡ, cũng chính là giúp đưa con rơi của gia đình. (Phong là con riêng của bố Hiếu). Và cuộc gặp mặt của bà Hân (mẹ Hiếu) với bà Việt (mẹ Phong) có thể nói là cuộc gặp mặt gây được nhiều xúc động với người đọc. Để tỏ thái độ nhún nhường, trân trọng và thật lòng của mình, bà Việt đã quỳ xuống van xin vợ chồng ông Cơ. Trước tình cảnh ấy, bà Hân vội đỡ bà Việt và hai con người ấy xưa kia từng thù hận nhau đến cháy gan cháy ruột thì giờ đây họ ôm chầm lấy nhau trong tình thương yêu lẫn sự tôn trọng. Họ bỏ qua những nghi ngờ ân oán một thời để mở lòng với nhau hơn. Hành động ứng xử của hai con người ấy cho thấy sau chiến tranh với những mất mát và đau thương, con người dường như vỡ ra nhiều điều: nên hòa không nên oán. Đó cũng là cách ứng xử rất tình người, hướng chi Phong còn là con đẻ của ông Cơ. Hay việc Hiếu không trách cứ, dọa dẫm, cũng không trả thù ông Quyết - người đã chôn sống ông nội Hiếu bằng những mũi lê năm nào cũng cho thấy tính cách con người Hiếu đã thay đổi. Oán thù nên hóa giải để con người sống thanh thoi hơn, yên lòng hơn. Và cuối cùng, cách anh hành xử với Phong, sau bao năm bị giam ở nơi núi cao vực thẳm không có bóng người, anh đã được trở về với cuộc sống con người. Hiếu đã hiểu ra rằng chính thù hận đẻ ra thù hận. Thứ ấy sinh sôi nảy nở không ngừng và vì vậy cái ác vẫn ngang nhiên tồn tại. Nhưng qua cách ứng xử của Hiếu, người đọc thấy lòng dịu lại. Bản chất thù hận cũng không còn nữa, Hiếu và Phong, hai anh em ruột, hai bờ chiến tuyến lại có thể sống hòa bình cùng nhau trong một bầu trời. Trong *Sống chậm*, người phụ nữ tên Vân, vốn là một cô thanh niên xung phong Trường Sơn, đã có những ứng xử rất nghĩa tình với một người tù nhưng cũng là một đồng đội, một người bạn của cô ngày xưa. Người tù ấy trước đây là một anh lính trẻ

trung, đã từng khiến trái tim Vân “như phát cuồng vì hình ảnh người lính trong trang phục lính Nga đang đi trong rừng bạch dương...” [56, tr. 230]. Nhưng hai người chỉ là bạn. Vậy mà bao nhiêu năm sau chiến tranh, người lính mơ ước ấy của Vân trở thành cán bộ rồi tham nhũng thông qua những phi vụ chuyển tiền ăn phần trăm, trút hết vào tài khoản của riêng mình. Tình cờ một lần xem ti vi, Vân nhận ra và đến thăm ở trại như một người bạn lâu ngày đến thăm nhau. Vân không hề nghĩ gì khác ngoài tình cảm cô đã giành cho anh. Thái độ và tình cảm của cô mới là đáng quý. Người ta đến chơi với nhau lúc sung túc, giàu sang, chứ ít ai tới thăm nhau, nhớ tới nhau khi cơ hàn, khôn khó. Vậy mà Vân vẫn tới với anh trong sự trân trọng, trong cái nhìn đầy tin yêu. Hành động ứng xử của Vân cho thấy cô là người rất trọng tình trọng nghĩa, không coi khinh bạn bè, nhất là khi họ chẳng còn gì. Trong *Lãng mạn nửa mùa*, cung cách ứng xử của nhân vật “gã” với “em kia”, cô gái mà gã đã tha thiết gặp gỡ trước đó và cô đã trao thân cho gã, cho thấy gã là con người lạnh lùng, nhẫn tâm, sống giả dối. Gã đã quen thói cặp kè với các em chân dài và sau đó lại “bái bai” rất nhanh như chưa hề quen biết. “Em kia” cũng nằm trong số những người đẹp của gã. Nhưng “em” không phải loại con gái dễ dàng bỏ đi những thứ quý giá nhất mà trời đã ban tặng. Do vậy, khi “em” thông báo đã “bị” với gã, gã vội chuồn mất, không một dòng nhắn gửi. Sự lạnh lùng, nhẫn tâm của một con người đã quen xài đồ tốt, xong vội vứt luôn bên đường của gã đã khiến gã được xếp vào loại trắng hoa, hèn hạ. Gã tưởng rằng mình phong lưu, đẹp trai và có số may mắn lắm, nhưng một vụ tai nạn đã làm gã sợ. Hóa ra gã cũng biết sợ. Gã cũng chỉ là một người bình thường như bao người bình thường khác, vì vậy cái sự tai nạn này đến với gã cũng là một điều hiển nhiên. Nhưng rồi một ngày có người phán “cậu chưa chết vì có người đỡ đậy, người này chưa ra đời đâu, không có nó thì cậu không xuôi đâu” [56, tr. 178- 179] đã làm gã hoảng. Mà khi còn biết sợ thì con người ta còn biết suy nghĩ, biết dừng lại đúng lúc. Và thế là bản tính của gã cũng thay đổi: gã không còn các cuộc hẹn chơi bời với các em chân dài nữa. Thì giờ của gã bây giờ là đứng “gù gù như gấu Bắc cực nhìn vào một nhà...., đứng thế này thôi. Chờ đứa trẻ ra đời để xem nó là gái hay trai..” [56, tr. 179]. Cách ứng xử của gã trước lời phán làm người đọc suy nghĩ: con người không phải có sức mạnh vạn năng, vì vậy con người phải có trách nhiệm trước những hành động của

mình. Nhưng có lẽ để lại nhiều ấn tượng nhất với người đọc khi tìm hiểu truyện ngắn Lê Minh Khuê là cách ứng xử rất văn hóa, tràn đầy tình yêu thương của con người. Trong làn gió heo may, câu chuyện cảm động của gia đình ông Trương đã làm cho người đọc ấm lòng. Hồi còn ở chiến trường, ông Trương đã tham gia cứu một chiếc xe bị bom và những ảnh hưởng của nó đã tác động đến sức khỏe của ông. Khi đưa ông đi khám, cả nhà biết ông sẽ chẳng còn sống được bao lâu nhưng tất cả đều làm như chưa có chuyện gì xảy ra để ông được sống vui vẻ những ngày cuối đời. Còn ông, ông lại đọc trộm bệnh án và sợ vợ con buồn ông cũng giấu bệnh của mình. Tất cả họ đều muốn đem đến những điều tốt đẹp cho người mình yêu thương. Cách ứng xử của những con người ấy có cái gì khiến người đọc nghẹn.

3.3. Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong xây dựng nhân vật

3.3.1. Ngôn ngữ đối thoại

Trong xây dựng nhân vật, ngoài miêu tả, tạo tình huống thì đối thoại là một cách thức để nhân vật hiện lên trong tâm trí người đọc trực tiếp nhất. “Đối thoại là lời giao tiếp song phương mà lời này xuất hiện như là phản ứng đáp lại lời nói trước” [32, tr. 159]. Đối thoại trong tác phẩm văn học khác hoàn toàn với đối thoại thông thường, vì nó là một phương tiện mà nhà văn sử dụng nhằm để khám phá hiện thực cuộc sống.

Đọc truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975, người đọc bị cuốn vào những đối thoại với lớp ngôn ngữ sắc sảo. Chẳng thế mà Hồ Anh Thái đã nhận xét “Lê Minh Khuê khéo viết đối thoại. Gọn gàng, chắc chắn, hiếm khi thừa lời và có ấn tượng”. Theo khảo sát của chúng tôi, tỉ lệ đối thoại trong truyện ngắn của bà sau năm 1975 chiếm trên khoảng 70 %. Theo Cao Hồng “Đối thoại của nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê thường tái hiện lời nói trong tổng thể biểu hiện của con người (động tác, nét mặt, giọng điệu) và trong tổng thể hoạt động nội tâm của nhân vật. Nhà văn chọn lọc lời thoại đạt tới mức độ cao trong cá thể hóa tính cách nhân vật và bộc lộ nội tâm nhân vật” [35, tr. 113]. Những đối thoại trong truyện Lê Minh Khuê có khi chỉ là những mẫu nhỏ: (Đối thoại giữa hai bố con)

- *Thán, quần này mày vợ bằm, hả?*
- *Cái chắc*
- *Qua gì đậm thế?*

- *Qua c...!*

(*Anh lính Tôny D*)

Đôi thoại giữa hai mẹ con:

- *Nó ở cũ chưa?*

- *Rồi. Hóng cái gì thế?*

- *Chả hóng gì. Việc của tao đâu mà tao hóng. Rõ dơ. Thế trai hay gái?*

- *Gái. Gái còn hơn. Nó là trai nó học mẹ thì tôi chết.*

- *Thằng khốn nạn. Mà y như con chó dái chạy rong chả nặn cái gì nên hồn. Nhà này vô phúc để rất bọn oặt oẹo.*

(*Sân gôn*)

Qua những đôi thoại trên, ta thấy nhà văn đã bỏ hết các yếu tố rườm rà, những thành phần phụ nhưng lời đôi thoại vẫn hiện lên rất tự nhiên như những đôi thoại trong cuộc sống đời thường. Thông qua đôi thoại, chân tướng các nhân vật dần lộ diện: nhân vật vừa tự lột mặt mình nhưng cũng lột mặt cả người đối thoại. Trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975, người đọc còn bắt gặp nhiều đoạn đôi thoại rất sinh động, vì nó chất chứa nhiều nỗi niềm của nhân vật. Chẳng hạn như đoạn đôi thoại giữa My và Đức khi họ kết thúc chuyến công tác (mà tại đây My đã gặp được tình yêu mới), và đang trên đường trở về nhà:

- *Mấy giờ rồi anh?*

- *Khoảng sáu giờ hoặc hơn một tý.*

- *Em sắp về với thằng con em. Trời ơi, cả tuần nay em quên nó. Chết thật. Từ xưa đến giờ em đâu có như thế. Em hư hỏng mất rồi.*

- *Không sao đâu. Chuyện đó cũng bình thường thôi.*

- *Không bình thường được rồi. Tới đây em sẽ mang nó đi. Anh ấy bảo em mang nó đi theo.*

- *Đi đâu?*

- *Đâu cũng được hết. Anh ấy nói là bất cứ nơi nào hai đứa có thể sống cho nhau. Bố mẹ anh ấy đang ở Thái Lan. Bọn em sẽ trốn qua đó.*

- *Qua đó rồi đi đâu nữa?*

- *Liệu sau vậy.*

- Theo tôi, em bỏ ý nghĩ ấy đi. Em có đi lên mặt trăng, lên sao Hỏa, thì em cũng không thoát được. Con người như vậy đó. Thời gian sau, em sẽ quay lại tâm trạng như bây giờ. Tôi tin điều đó.

- Nhưng em sống với Bình?

- Với ai cũng vậy hết...

My im lặng một lúc lâu. Lúc sau tôi thấy cô thôn thức:

- Nhưng em chết mất. Cứ thế này mãi, mãi mãi, thế là chẳng còn gì hết. Ngày nào em cũng thấy mòn đi, mỗi ngày một tí, một tí... Em trở nên dần độn, trì trệ, quản quanh ở xó bếp xó cửa, trở nên xấu xa, khôn nạn, quát con, cãi nhau với hàng xóm, tính toán một cách chi li từng đồng... Chỉ mười năm nữa, em thành một cụ già bốn mươi tuổi, không ai nhận ra em nữa.

- Em yên tâm. Mười năm rất là dài. Em còn làm được nhiều việc.

- Anh ấy đánh thức em. Anh ấy bảo rằng anh ấy cũng như vậy. Anh ấy cảm ơn em đã cho anh ấy biết thế nào là tình yêu. Em yêu anh ấy vô cùng, chưa bao giờ như thế.

....

Một đoạn đối thoại gần kết truyện:

- Khó tránh thật!

- Rồi mình cũng là ruồi muỗi quấy đảo người khác.

- Không!

- Em sẽ viết thư cho Bình, bảo anh ấy thôi, đừng tính chuyện ly dị vợ.

- Phải, không nên một chút nào, nên tiếp tục sống bình thường.

- Em không thể làm gì được nữa. Mọi thứ đã xong xuôi rồi.

(Con mưa cuối mùa)

Bằng những đối thoại liên tiếp, tác giả đã thể hiện được tâm lí ngổn ngang của người phụ nữ đầy cá tính với những dằn vặt, suy tư trăn trở về cuộc sống và tình yêu.

Ở truyện ngắn *Làng xi măng*, cuộc đối thoại giữa Na và thằng Roi đã cho thấy tính cách và lối sống của nhiều nhân vật:

- Mà không đi làm lấy gì mà ăn?

- Móc túi anh già. Đạo này trúng đậm, dính được vào mấy vụ buôn đất công với mấy tay kẻnh trên tỉnh, tiền vào như nước, nghe nói mở tài khoản riêng trên tỉnh. Đây biết chi li, đổ qua mắt.

- Còn mẹ?

- Chị già có ô che, đánh mấy quả lậu qua thuế vụ bằng nước bọt, sướng không? Không nộp tiền cho đây không xong. Một quả bọc phá tiêu ngay cái lô cốt này rồi vượt biên sang Hồng Kông làm dân tị nạn. Chỉ có chằm phẩy chằm chân đầu óc lại lai láng đạo đức của bà truyền cho mới không có gan ra biển, chứ Thanh Hùng đây chỗ nào cũng có đầu ra lo gì bết tắc?

- Thôi đừng nói nữa!

Như vậy, trong truyện ngắn Lê Minh Khuê, với đối thoại, các nhân vật dường như đang hành động, ứng xử trước mắt người đọc. Không chỉ có vậy, bản tính và mọi suy nghĩ của nhân vật cũng dần hé mở làm cho người đọc có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về nhân vật.

3.3.2. Ngôn ngữ độc thoại

Độc thoại nội tâm là “lời phát ngôn của nhân vật nói với chính mình, thể hiện tiếp quá trình tâm lí nội tâm, mô phỏng hoạt động cảm xúc, suy nghĩ của con người trong dòng chảy trực tiếp của nó” [32, tr. 108]. Độc thoại nội tâm, nói một cách dễ hiểu nhất chính là những dòng tâm tư của lòng mình, mình đang nói với chính bản thân mình. Trong độc thoại nội tâm, ngôn ngữ không bị cản trở bởi bất kì yếu tố nào bên cạnh, vì nằm trong dòng ý thức của nhân vật. Đây là một thủ pháp nghệ thuật độc đáo của nhà văn trong việc khám phá bề sâu tâm hồn con người. Qua đó, bản chất và thế giới tâm hồn nhân vật được phơi bày một cách rõ nét nhất.

Ở truyện ngắn Lê Minh Khuê, độc thoại thường xuất hiện khi nhân vật được đặt trong mối mâu thuẫn với hoàn cảnh. Như lời độc thoại của Canh trong *Cuốn dây*: “Cuộc đời mình cứ thế này rồi sẽ tới đâu. Hiệu tạp hóa? Người đàn bà khao khát si tình và đã có lần chổng lòn: lại nốc rượu nữa à? Tiền chứ có phải vỏ hến đâu mà uống lấm thế?” [49, tr. 119].

Hay có lúc độc thoại của nhân vật lại là lời tự biện hộ cho mình trước sự ích kỉ của bản thân : (Độc thoại của Tân trong *Một chiều xa thành phố*) “Thực ra mình là

ai? Ôi nhưng mà thôi. Thì giờ đâu! Toàn những chuyện lằng cằng. Mình cũng tốt với bạn quá đi chứ, nếu không thì sao lại đến thăm, sao lại hứa. Chỉ có điều mình ít thì giờ quá...”[49, tr. 249]. Bên cạnh đó, với phương thức tự vấn, nhân vật đã diễn tả quá trình khủng hoảng tinh thần của mình với những biểu hiện tâm lí căng thẳng, chẳng hạn như trong các truyện: *Thần lẩn*, *Mong manh như là tia nắng*, *Một chiều xa thành phố*,..... Ví dụ như trong *Thần lẩn*:

... “Gã đi lại trong căn nhà trống hoác sặc sụa mùi nước đái trẻ, cảm thấy mình là vua, là quan, là người làm chủ cả một hòn đảo. Gã không ngờ khi người ta được một thân một mình, người ta lại có thể sung sướng đến như thế này... Gã cảm thấy mình hơi dở người. Gã cười rồi bỗng dưng gã khóc hu hu... gã ngờ ngợ rằng mình cũng đã có thời là con người tử tế, hạnh phúc. Có lẽ trong cái rương nằm ở góc nhà kia còn cái gì nhắc gã đến ngày xưa?” [49, tr. 308].

... “Tự dưng gã thèm khát tự do. Gã cũng thèm bát tiết canh bà nhạc đánh rất khéo nhưng gã thèm rảnh rang hơn. Cái gì làm gã dở chứng thế gã cũng không biết. Nhưng rồi óc gã bỗng à lên. Phải rồi: sau giờ dạy, gã đang tắt bật đi về. Gã thấy vù qua bên cạnh cái gì vừa xanh vừa đỏ, vừa hồng. Nhìn kĩ, hóa ra giáo Đức dạy môn lịch sử. Đức mới tậu cái xe bãi rác trông sáng choang. Hấn đèo vợ với hai đứa con, một trai, một gái, bảo rằng lên thị xã chơi... Hai đứa con nó sạch như búp bê, còn vợ thì ăn mặc như đàn bà trên tỉnh. Trông chúng nó ngồi xe máy, đồ ai biết chúng nó là giáo làng..... Trời sinh ra cho nó cái mặt tươi rói thế là nó làm vua, còn mình làm thằng ở. Cái số của gã khôn nạn quá! [49, tr. 316].

Độc thoại sinh động đó khiến người đọc như nghe được tiếng lòng đau khổ của nhân vật, như cùng tác giả chứng kiến sự tuyệt vọng, giằng xé trong tâm can của anh giáo làng trước tác động của hoàn cảnh. Có thể nói, với phương thức độc thoại đã cho phép nhà văn lách sâu vào thế giới nội tâm phức tạp, đầy mâu thuẫn của con người. Do đó mà nhân vật trong truyện Lê Minh Khuê hiện lên một cách chân thực, gần gũi với bạn đọc.

3.3.3. Ngôn ngữ đời thường

Một trong những nét đặc sắc của Lê Minh Khuê trong nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật bên cạnh nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ đối thoại và độc thoại còn có

nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ đời thường mà biểu hiện rõ nhất là việc sử dụng lớp từ khẩu ngữ.

Theo từ điển Bách khoa Toàn thư Việt Nam, khẩu ngữ là “ngôn ngữ tồn tại chủ yếu ở dạng nói, được sử dụng để trao đổi tư tưởng, tình cảm trong sinh hoạt hàng ngày. Hình thức thông thường là đối thoại”. Theo từ điển Tiếng Việt “khẩu ngữ là ngôn ngữ nói thông thường, dùng trong cuộc sống hàng ngày” [104, tr. 638].

Qua khảo sát truyện ngắn Lê Minh Khuê, chúng tôi nhận thấy, khẩu ngữ chiếm tỉ lệ khá lớn trong truyện ngắn của bà và việc sử dụng khẩu ngữ trong lời nói của nhân vật khiến nhân vật hiện lên gần gũi hơn với đời sống, mang hơi thở đời sống. Những truyện ngắn như *Làng xi măng*, *Chuyện bếp núc*, *Trên đường đê*, *Nghĩ non*, *Sân gôn*, *Xe Camry ba chấm*,..., khẩu ngữ được nhà văn vận dụng triệt để. Ví dụ như trong *Làng xi măng*:

“- Khôn ra thì biển. Đây không có “sức mạnh người lính” như đó. Nhưng đây có rặng cần trộm. Đây không ra mặt, đây sẽ lựa thời cơ mà xóc tới. Hiểu chưa?” [49, tr. 74]; Hay trong *Trên đường đê*:

“- Bà đây phải nhẫn vì bà muốn học cho xong lớp 12 bà còn muốn đua đòi đại học” [56, tr. 146]; “- Ai bảo ngày trước mới mười bảy tuổi đã chữa ẽnh ra may mà ông già còn chịu cưới xin đàng hoàng. Rồi cứ thể để sòn sòn như lợn không nghề ngỗng, không tài sản...” [56, tr. 146]; “còn khuya con nhé” - lời của Tí về Tẹo; “Mẹ kiếp..., ai khiến mày con điên kia..”[56, tr. 152]. Những ngôn ngữ như vậy được dùng trong tác phẩm rất quen thuộc với cuộc sống đời thường, khiến trang văn trở nên sinh động. Thông qua những khẩu ngữ mang đậm phong vị cuộc sống ấy, nhân vật dường như chính là con người chúng ta trong cuộc sống. Hay như trong *Sân gôn*:

“- Thì biên đi, tiền trao cháo múc,...;
- Bỏ lũ dòì này à, rõ không biết dơ;
- Bó tiên sư đũa nào cứ tắt mắt của bà;
- Anh chê tôi già, tôi yếu, anh thấy nó ngon, bụng nó tướng lên rồi anh mới thấy...Đi đi. Để thế này trái tai trái mắt lắm;
- Tôi biết đâu đấy. Có gan ăn muống có gan lợi hồ.” [49, tr. 394].

Ngôn ngữ đời thường với lớp từ khẩu ngữ trên khiến người đọc rất ấn tượng. Và vì thế truyện không còn là tác phẩm, nó đã mang hơi thở của cuộc sống.

Tiểu kết

Mỗi nhà văn tự tìm cho mình những biện pháp nghệ thuật riêng trong xây dựng nhân vật để có thể khái quát chủ đề cũng như tư tưởng của tác phẩm. Truyện ngắn Lê Minh Khuê sau năm 1975 xét về phương diện nghệ thuật xây dựng nhân vật đã có những điểm mới. Nhân vật trong tác phẩm của bà hiện lên gần gũi, chân thực thông qua hàng loạt các biện pháp nghệ thuật: miêu tả ngoại hình, khắc họa nội tâm, khắc họa tính cách nhân vật qua tình huống, qua hành động ứng xử. Bên cạnh đó, nhà văn đã sử dụng ngôn ngữ độc thoại, đối thoại và lớp từ khẩu ngữ nhằm biểu đạt rõ nét và toàn diện nhất về nhân vật. Qua các biện pháp nghệ thuật đó, nhân vật hiện lên trong trang viết với đầy đủ những nét tính cách, tâm lí hết sức sống động. Nhà văn đã đưa nhân vật đến gần với bạn đọc, điều này cũng có nghĩa là nhà văn đã chuyển tải thành công thông điệp của mình đến với cuộc đời và con người.

KẾT LUẬN

1. Từ sau năm 1975, với ưu thế đặc biệt về thể loại, truyện ngắn đã chiếm vị trí hàng đầu trong văn xuôi Việt Nam. Số lượng tác giả tham gia sáng tác trong lĩnh vực truyện ngắn ngày càng đông đảo. Truyện ngắn sau năm 1975 có sự vận động biến đổi trên nhiều phương diện: chủ đề, tư tưởng, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu, điểm nhìn,... Trong đó nhân vật là một phương diện nghệ thuật được các nhà văn quan tâm, chú ý. Có nhiều dấu hiệu đổi thay trong cách thức miêu tả nhân vật, trong việc biểu hiện chức năng của nhân vật. Nhân vật trong truyện ngắn không được miêu tả kỹ về ngoại hình, tên tuổi, tính cách, số phận... mà được chú ý nhiều hơn đến thế giới tâm tư, tình cảm bên trong của nhân vật. Nhân vật không còn đại diện cho một giai cấp, một tầng lớp xã hội nào nữa mà là những con người cá nhân. Trước những chuyển biến của đời sống xã hội trong thời kỳ đổi mới nhiều nhà văn đã nhận thấy truyện ngắn là thể loại thích hợp nhất để viết về cuộc sống hiện tại. Điều đó cho thấy truyện ngắn hiện nay là một thể loại cần được khảo sát sâu hơn, cũng như cần được tiếp cận và khám phá trên những bình diện mới.

2. Truyện ngắn là thể loại thành công nhất trong văn nghiệp của Lê Minh Khuê. Là một nhà văn có cá tính sáng tạo độc đáo, Lê Minh Khuê đã tạo dựng cho mình một phong cách nghệ thuật riêng không thể nhầm lẫn. Trước hết, truyện ngắn Lê Minh Khuê chuyển tải thành công các quan niệm nghệ thuật và thông điệp văn chương của nhà văn. Đó là những quan niệm mới mẻ, táo bạo và độc đáo.

3. Lê Minh Khuê là cây bút nữ để lại nhiều ấn tượng trong văn học Việt Nam đương đại. Những đóng góp của bà cho thể loại truyện ngắn nói riêng và văn xuôi Việt Nam thời kì sau năm 1975 nói chung là điều không thể phủ nhận. Đặc biệt, với sự tinh tế, Lê Minh Khuê tỏ ra là người có óc quan sát hiện thực cuộc sống trên một bình diện rất rộng lớn. Những tác phẩm của nhà văn đã phản ánh xã hội Việt Nam thời hậu chiến với nhiều góc cạnh khác nhau. Do đó cuộc sống và con người hiện lên một cách chân thực như chính bản thân nó.

4. Với tư duy nghệ thuật nhạy bén và bản lĩnh sắc sảo của một nhà văn đã từng trải qua chiến trận, trong khát khao vươn tới một loại văn học làm đẹp cho cuộc đời, phản ánh những tin yêu của con người, Lê Minh Khuê đã bắt kịp sự vận động của văn

chương đương thời. Trong đó, quan niệm nghệ thuật về con người ngày càng hoàn thiện và biện chứng hơn: Lê Minh Khuê đã thoát khỏi cái nhìn nguyên phiến, một chiều của giai đoạn văn học trước, từ góc nhìn con người sử thi, đậm tính lý tưởng sang góc nhìn con người đời tư trong sự sống động, chân thực, đa diện, nhiều chiều với mọi nỗi niềm trần trở của cá nhân, con người phi lý tưởng giống như những con người ta vẫn thường gặp trong cuộc sống thường nhật.

5. Sự đổi mới về tư duy nghệ thuật của Lê Minh Khuê được thể hiện trong việc xây dựng thế giới nhân vật. Nhân vật trong truyện ngắn của bà hiện ra trước mắt người đọc không cứng nhắc, không phải nhân vật được khắc họa theo một mô hình nào mà là nhân vật của cuộc sống đời thường. Các nhân vật trong truyện ngắn của bà luôn là những câu hỏi còn bỏ ngỏ mà người đọc phải đi tìm câu trả lời. Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê chủ yếu là nhân vật bi kịch, nhân vật tự ý thức và nhân vật tha hóa. Các loại nhân vật này được soi chiếu ở nhiều góc cạnh khác nhau, trong những môi trường, hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy, tính cách và số phận nhân vật hiện lên chân thực, sống động đối với người đọc. Trong quá trình xây dựng nhân vật, nhà văn đã đi sâu vào khám phá tâm hồn nhân vật với nhiều trạng thái tâm lý phong phú: những ám ảnh về đời sống tâm linh, những ưu tư triết luận của người lính sau chiến tranh hay những suy tư rất đời thường về cuộc sống nhân sinh của con người. Đặc biệt, thế giới nhân vật trong truyện ngắn của Lê Minh Khuê còn mang đậm bản sắc văn hóa Việt thể hiện ở cung cách ứng xử đậm tình người. Thông qua thế giới nhân vật đó, Lê Minh Khuê còn biểu hiện tư tưởng nghệ thuật, lý tưởng thẩm mỹ và những chiêm nghiệm suy tư sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời: bà đã thể hiện một cái nhìn mới về những con người mới trong hoàn cảnh mới.

6. Ở phương diện nghệ thuật xây dựng nhân vật, truyện ngắn Lê Minh Khuê ngày càng có sự đổi mới, sáng tạo. Nhân vật không chỉ được khắc họa bằng những miêu tả ngoại hình bề ngoài mà chân dung nhân vật còn hiện lên toàn diện hơn với những phát hiện về nội tâm sâu sắc. Bên cạnh đó, bằng việc tạo ra những tình huống “có tính vấn đề” buộc nhân vật phải có hành động ứng xử của mình, qua đó tính cách nhân vật ngày càng lộ rõ trước mắt người đọc. Nhất là trong việc sử dụng ngôn ngữ: Lê Minh Khuê đã tận dụng triệt để hiệu quả thẩm mỹ của ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc

thoại nội tâm, cùng với lớp từ khẩu ngữ, nhân vật của bà trở nên gần gũi, thân thiết với người đọc hơn bao giờ hết. Nhờ vậy đã tạo ra mối liên kết bất ngờ giữa độc giả và người sáng tác.

7. Cùng với những cây bút khác như Lê Lựu, Nguyễn Minh Châu, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Hồ Anh Thái, Tạ Duy Anh, Lê Minh Khuê bằng những tìm tòi mới mẻ, sáng tạo của mình, bà đã thực sự khiến người đọc lưu tâm, suy ngẫm, trăn trở khôn nguôi trước những vấn đề của thực tế cuộc sống hôm nay được nhà văn đặt ra trong tác phẩm. Và với thái độ lao động nghệ thuật nghiêm túc, Lê Minh Khuê xứng đáng là nhà văn nữ ít ỏi có vị trí trang trọng trên văn đàn Việt Nam sau năm 1975 nói chung và văn xuôi thời hậu chiến nói riêng.

Lê Minh Khuê vẫn đang tiếp tục tìm kiếm và say mê sáng tạo trên con đường nghệ thuật nhiều gian nan, thử thách. Với những thành quả đã đạt được, bà đã góp phần không nhỏ vào sự vận động và phát triển của thể loại truyện ngắn Việt Nam đương đại. Chúng tôi tin rằng, trong tương lai, Lê Minh Khuê sẽ còn đem đến cho người đọc nhiều trang viết giàu cảm xúc và mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc..... ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hoài Anh (2012), *Văn học nhìn từ văn hoá*, Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội.
2. Vũ Tuấn Anh (1995), “Đổi mới văn học vì sự phát triển”, *Tạp chí Văn học*, (4), tr. 14- 19.
3. Vũ Tuấn Anh (2001), *Văn học Việt Nam hiện đại - Nhận thức và thẩm định*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Vũ Tuấn Anh, Bích Thu (Chủ biên, 2001), *Từ điển tác phẩm văn xuôi Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
5. Lại Nguyên Ân (2003), *Sống với văn học cùng thời*, Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội.
6. Lại Nguyên Ân (2004), *150 thuật ngữ văn học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. M.Bakhtin (1988), *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
8. M.Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
9. Việt Báo (2012), Gặp gỡ nhà văn Lê Minh Khuê, <http://www.thethaovanhoa.vn>, ngày 15/06/2011.
10. Xuân Bách (2011). Đùng nghĩ trải nghiệm là rào cản của sự sáng tạo, <http://www.petrotimes.vn>, ngày 04/03/2010.
11. Lê Huy Bắc (2003), *Truyện ngắn hậu hiện đại thế giới*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Bình (2003), “Một vài nhận xét về quan niệm hiện thực trong văn xuôi nước ta từ sau 1975”, *Tạp chí Văn học*, (4), tr. 21- 25.
13. Nguyễn Thị Bình (2007), *Văn xuôi Việt Nam 1975 - 1995 những đổi mới cơ bản*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
14. Nguyễn Minh Châu (1983), *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (Tập truyện ngắn), Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội.
15. Nguyễn Minh Châu (1985), *Bến quê* (Tập truyện ngắn), Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội.

16. Nguyễn Minh Châu (1994), *Trang giấy trước đèn*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
17. Nguyễn Lê Chi (2008). Lê Minh Khuê đoạt giải thưởng văn học Hàn Quốc, <http://www.thanhnien.com.vn>, ngày 29/07/2013.
18. Nguyễn Văn Dân (1999), *Nghiên cứu văn học - lý luận và ứng dụng*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
19. Phan Huy Dũng (2009), *Tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông: Một góc nhìn, một cách đọc*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
20. Nguyễn Đăng Duy (2002), *Văn hóa tâm linh*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Đạm (2008), *Đặc sắc truyện ngắn Lê Minh Khuê*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, ĐH Vinh.
22. Hữu Đạt (1998), *Nhà văn - sự sáng tạo nghệ thuật*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
23. Phan Cự Đệ (2004), *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội.
24. Phan Cự Đệ (Chủ biên, 2005), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
25. Phan Cự Đệ (Chủ biên, 2005), *Truyện ngắn Việt Nam - Lịch sử - Thi pháp - Chân dung*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
26. Trần Thanh Địch (1998), *Tìm hiểu truyện ngắn*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội.
27. Nguyễn Đăng Điệp (2003), *Vọng từ con chữ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
28. Hà Minh Đức (1991), *Mấy vấn đề lý luận văn nghệ trong sự nghiệp đổi mới*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
29. Hà Minh Đức - Lê Bá Hán (1996), *Cơ sở lý luận văn học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
30. Hà Minh Đức (Chủ biên, 1998), *Lý luận văn học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
31. Hà Minh Đức (2001), *Văn học Việt Nam hiện đại*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
32. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
33. Nguyễn Văn Hạnh (2004), *Chuyện văn chuyện đời*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

34. Lê Thị Đức Hạnh (1992), “Lê Minh Khuê, cây bút truyện ngắn sung sức”, *Tạp chí Khoa học và Phụ nữ*, (2), tr. 5.
35. Cao Thị Hồng (2003), *Truyện ngắn Lê Minh Khuê nhìn từ thi pháp thể loại*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.
36. Cao Hồng (2011), *Một chặng đường đổi mới lý luận văn học Việt Nam (1986 - 2011)*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
37. Cao Thị Hồng (2013), *Lý luận phê bình văn học đổi mới và sáng tạo*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
38. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Đồng chủ biên, 2004), *Từ điển văn học* (bộ mới), Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
39. Nguyễn Thái Hòa (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
40. Tô Hoài (1997), *Nghệ thuật và phương pháp viết văn*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
41. Lê Thị Hường (1995), *Những đặc điểm cơ bản của truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1975 -1995*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, ĐH Tổng hợp Hà Nội.
42. Nguyễn Văn Kha (2006), *Đổi mới quan niệm về con người trong truyện Việt Nam 1975 - 2000*, Nhà xuất bản ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
43. Lê Minh Khuê (1978), *Cao điểm mùa hạ*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
44. Lê Minh Khuê (1981), *Đoạn kết*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
45. Lê Minh Khuê (1986), *Một chiều xa thành phố*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội.
46. Lê Minh Khuê (1993), *Bi kịch nhỏ*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
47. Lê Minh Khuê (1994), *Tập Truyện ngắn*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
48. Lê Minh Khuê (1999), *Trong làn gió heo may*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
49. Lê Minh Khuê (2002), *Truyện ngắn chọn lọc (Những dòng sông, Buổi chiều, Con mưa)*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
50. Lê Minh Khuê (2003), *Màu xanh man trá*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
51. Lê Minh Khuê (2004). Nhà văn Lê Minh Khuê tự sự về nghiệp văn chương, <http://www.vietbao.vn>, ngày 14/07/2008.
52. Lê Minh Khuê (2006), *Một mình qua đường*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
53. Lê Minh Khuê (2006), *Những ngôi sao xa xôi*, Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội.

54. Lê Minh Khuê (2008), *Những ngôi sao - trái đất - dòng sông*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
55. Lê Minh Khuê (2012), *Truyện ngắn chọn lọc*, Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội.
56. Lê Minh Khuê (2012), *Nhiệt đới gió mùa*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
57. Yên Khương (2008). Nhà văn Lê Minh Khuê với “Những ngôi sao xa xôi”, <http://www.thethaovanhoa.vn>, ngày 14/01/2008.
58. Phong Lê (2006), *Văn học Việt Nam trước và sau 1975 - nhìn từ yêu cầu phản ánh hiện thực*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
59. Phương Lưu (Chủ biên, 2002), *Lý luận văn học (văn học - nhà văn - bạn đọc)*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
60. Mi Ly (2012). Nhà văn Lê Minh Khuê không “run tay” với chi tiết “sốc”, <http://www.thethaovanhoa.vn>, ngày 15/06/2011.
61. Nguyễn Đăng Mạnh (1994), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
62. Nguyễn Đăng Mạnh (2000), *Nhà văn Việt Nam hiện đại - chân dung và phong cách*, Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
63. Nhật Minh (2013). Văn chương phải mang dấu ấn người viết, <http://www.baomoi.com>, ngày 13/01/2012.
64. Phạm Xuân Nguyên (1994), “Truyện ngắn và cuộc sống hôm nay”, *Tạp chí Văn học*, (2), tr. 26- 31.
65. Phạm Xuân Nguyên (2007), *Tuyển văn tác giả nữ Việt Nam (1975 - 2007)*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
66. Phùng Quý Nhâm (1998), “Tinh thần phân tích tâm linh, một đặc trưng của chủ nghĩa hiện thực”, *Tạp chí Văn học*, (4), tr. 37.
67. Vương Trí Nhàn (1998), *Sổ tay truyện ngắn*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
68. Ý Nhi (2015), “Ngôi sao xa xôi. Và,” *Tạp chí sông Hương*, (313), tr. 57- 62.
69. Bảo Ninh (1993), ““Bi kịch nhỏ” của Lê Minh Khuê”, *Báo Tiền Phong*, (7), tr. 8.
70. Mai Thị Thúy Ninh (2002), *Truyện ngắn Lê Minh Khuê*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.

71. Mai Hải Oanh (2008), *Tiểu luận: Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt nam đương đại (giai đoạn 1986 - 2006)*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
72. Hoàng Phê (Chủ biên, 2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
73. Trần Đình Sử (1993), *Một số vấn đề thi pháp học hiện đại*, Vụ Giáo dục xuất bản, Hà Nội.
74. Trần Đình Sử (1993), *Giáo trình thi pháp học*, Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh.
75. Trần Đình Sử (1996), *Lí luận và phê bình văn học*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
76. Trần Đăng Suyên (2002), *Nhà văn - hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
77. Trần Hữu Tá (2000), *Nhìn lại một chặng đường văn học*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
78. Hồ Anh Thái (1987), “Một chiều xa thành phố”, *Báo Độc lập*, (4), tr. 6.
79. Hồ Anh Thái (1992), “Lê Minh Khuê - Viết về cái ác cũng là một cách thức tình nhân tính”, *Tạp chí Tác phẩm mới*, (6), tr. 8.
80. Hồ Anh Thái (2002), “Lê Minh Khuê - người đàn bà viễn thị” - lời cuối sách, *Truyện ngắn chọn lọc Lê Minh Khuê*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
81. Đào Thản (1994), “Đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn xuôi”, *Tạp chí Văn học*, (2), tr. 13.
82. Bùi Việt Thắng (1987), “Trong tâm gương của thể loại nhỏ”, *Tạp chí Văn học*, (3), tr. 55.
83. Bùi Việt Thắng (1991), “Văn xuôi gần đây và quan niệm con người”, *Tạp chí Văn học*, (6), tr. 17.
84. Bùi Việt Thắng (1993), “Một thể nghiệm mới của Lê Minh Khuê trong truyện ngắn”, *Báo Văn hóa*, (5), tr. 6.
85. Bùi Việt Thắng (1999), *Bình luận truyện ngắn*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
86. Bùi Việt Thắng (2000), *Truyện ngắn - những vấn đề lí thuyết và thực tiễn thể loại*, Nhà xuất bản ĐH Quốc gia, Hà Nội.
87. Bùi Việt Thắng (2013). Nhiệt đới gió mùa và nhiệt hừng văn chương, <http://www.VanVn.Net>, ngày 26/08/2008.

88. Nguyễn Ngọc Thiện (2005), *Phong cách và đời văn*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
89. Bích Thu (1996), “Những thành tựu của truyện ngắn sau 1975”, *Tạp chí Văn học*, (9), tr. 32- 36.
90. Phương Thúy (2013). Nhà văn Lê Minh Khuê: chiến tranh ám ảnh từng trang viết, <http://www.vov.vn>, ngày 05/09/2011.
91. Đặng Thu Thủy (2010), *Đặc điểm câu văn trong truyện ngắn Lê Minh Khuê*, Khóa luận Tốt nghiệp Đại học, Chuyên ngành Ngôn ngữ, ĐH Vinh.
92. Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu - Tác phẩm và lời bình (2007), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
93. Truyện ngắn Việt Nam 1945 -1985 (1985), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
94. Truyện ngắn hay Việt Nam thời kì đổi mới (2000), Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
95. Truyện ngắn Việt Nam thế kỷ XX (2002), Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội.
96. Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp (2002), Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
97. Phan Thị Thanh Vân (2012), *Nghệ thuật trần thuật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, ĐH Vinh.
98. Việt Nam nửa thế kỷ văn học (Kỷ yếu hội thảo 26/9/1995) (1997), Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
99. Viện văn học (2000), Nhà văn Việt Nam hiện đại, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.
100. Dương Phương Vinh (2012). Lê Minh Khuê tung “Nhiệt đới gió mùa”, <http://www.tienphong.vn>, ngày 30/07/2013.
101. Việt Quỳnh (2011). Nhà văn Lê Minh Khuê: không hiểu sao mình lại viết được như thế, <http://www.thethaovanhoa.vn>, ngày 15/06/2011.
102. Lê Hồ Quang (2015). Cảm hứng thế sự trong truyện ngắn Lê Minh Khuê, <http://www.vannghequandoi.com.vn>, ngày 28/04/2011.
103. Nhiều tác giả (2000), *Nghệ thuật viết truyện ngắn và ký*, Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội.
104. Nhiều tác giả (2005), *Từ điển văn học*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
105. Nhiều tác giả (1999), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Thanh Hóa.

PHỤ LỤC
(ẢNH TƯ LIỆU)



Nhà văn Lê Minh Khuê



Nhà văn Lê Minh Khuê và lão nhà văn Đỗ Chu



Nhà văn Lê Minh Khuê với các đồng nghiệp
ở tòa soạn báo Tiền Phong năm 1969



Nhà thơ Hữu Thịnh, nhà văn Lê Minh Khuê
và nhà thơ Nguyễn Quang Thiều
tại Mỹ năm 1993



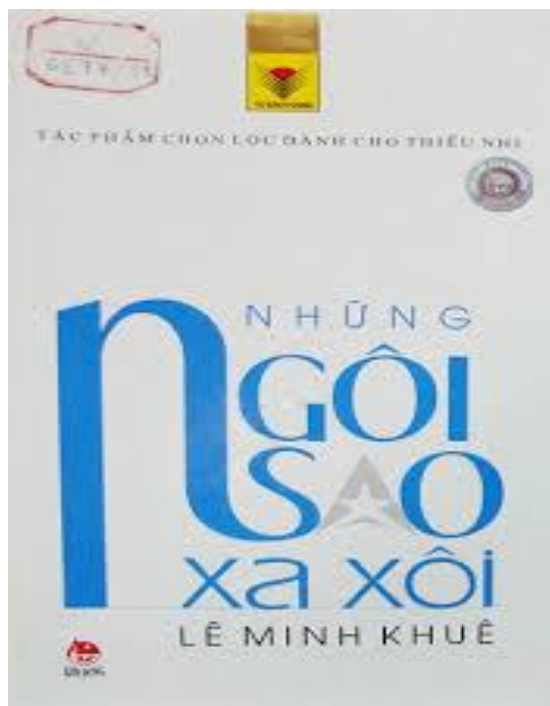
Nhà văn Wayne Karlin, Lê Minh Khuê, Hồ Anh Thái
và nhà thơ Mỹ George Evans ở San Jose năm 1995



Nhà văn Lê Minh Khuê
bên di ảnh của cố nhà văn Byeong-ju Lee (1921-1992)



Nhà văn Lê Minh Khuê cùng các nhà văn trên thế giới
tại Liên hoan Văn học Quốc tế
mang tên văn hào Byeong-ju Lee tại Hàn Quốc



Bìa tập truyện *Những ngôi sao xa xôi*



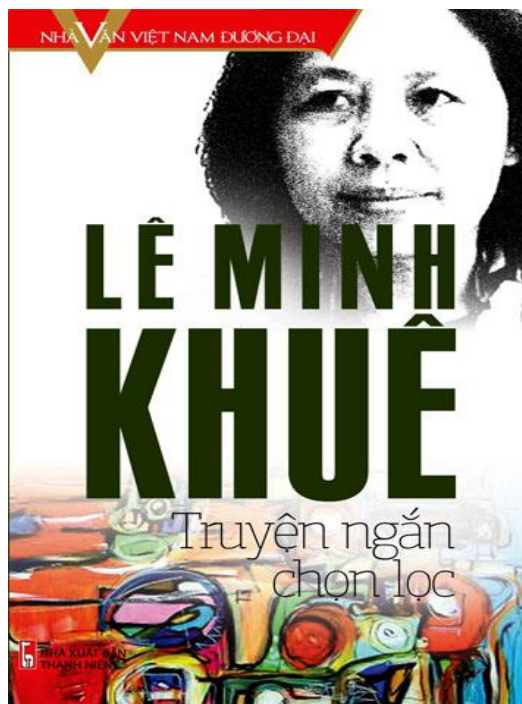
Bìa tập truyện
Những dòng sông, buổi chiều, cơn mưa



Một số sách của nhà văn Lê Minh Khuê xuất bản năm 2006, 2005, 2004



Bìa tập truyện
Những ngôi sao, trái đất, dòng sông



Bìa tập *Truyện ngắn chọn lọc*



Bìa tập truyện *Nhiệt đới gió mùa*